Nº 88 Octobre 1924

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HỌC CỔ-ĐIỂN CÓ ÍCH-LỢI THẾ NÀO?

L'Utilité des Etudes classiques sino-annamites (1)

Bài khai-giảng khoa « Hán-Việt văn-chương » ở trường Cao-đẳng Đông-Pháp ngày 25 tháng 10 năm 1924

(Nguyên bằng Pháp-văn, dịch ra quốc-ngữ)

Puisse l'étude de l'antiquité demeurer toujours à la base de toute culture supérieure !

GOETHE

Ước gì sự học cao-đẳng bao giờ cũng lấy cổ-điển làm gốc.

(Lời của một nhà danh-sĩ Đức)

Messieurs,

En ouvrant ce cours, ma première parole est une parole de remerciement. Elle doit s'adresser à Monsieur le Résident Supérieur Blanchard de la Brosse, Directeur de l'Instruction publique, qui, dans une pensée aussi heureuse que généreuse, a entrepris la transformation de l'Ecole supérieure de Droit et d'Administration en une Ecole des Hautes Etudes indochinoises et a doté cette dernière d'un programme largement éclectique comprenant, outre des cours de culture moderne et juridique, une série de chaires relatives aux études extrême-orientales, dont celle de Philologie et littérature sino-annamites à laquelle il a bien voulu m'appeler, nonobstant les faibles

Các ông,

Tôi khai giảng khoa học này, trước hết phải cảm ơn quan Thống-sứ BLANCHARD DE LA BROSSE, lĩnh Học-chính Tổng-trưởng, ngài đã có cái ý hay bụng tốt định sửa đổi trường Cao-đẳng Pháp-chính thành một trường Cao-đẳng Đông-Pháp, đặt ra chương-trình kiêm-thông cả, ngoài những khoa tân-học về pháp-chính, lại có những khoa thuộc về cổ-học Á-Đông, như khoa Hán-Việt văn-chương này, ngài có bụng yêu cử tôi sung vào, mà tôi thời tự xét mình chưa có tư-cách xứng đáng đối với một sự biệt-đãi danh-giá như thế. Một khoa học mới-mẻ và quan-trọng như vậy, tưởng giá nên giao cho một nhà bác-học Đại-Pháp nào đã từng nổi tiếng chuyên-môn về

(1) Leçon d'ouverture du Cours de Philologie et Littérature sino-annamites à l'Ecole des Hautes Etudes indochinoises (25 Octobre 1924).

mérites que je puis avoir à l'égar d'une distinction aussi haute. Il semblerait qu'une chaire aussi nouvelle et aussi importante dût être confiée à un de ces savants français dont les travaux font autorité en la matière, ou à son défaut, a un de nos anciens gradués universitaires, un *tiến-sĩ*, un *phó-bảng*, un *cử-nhân*, joignant à une parfaite connaissance des littératures chinoise et annamite la pratique des plus saines disciplines scientifiques modernes. Or, je ne puis personnellement prétendre à aucun de ces titres, n'étant qu'un modeste publiciste qui depuis dix ans n'a guère fait que de la vulgarisation franco-annamite dans une presse indigène encore à ses débuts. Et ainsi ma désignation à cette chaire est bien moins justifiée par mes titres présents que par mes titres à venir, si je puis ainsi m'exprimer. Elle constitue, en somme, de la part du Directeur de l'Instruction publique, un geste de confiance qui, s'adressant à un Annamite, prend une signification particulière, une valeur de symbole que, je l'espère, nos compatriotes sauront apprécier comme il convient.

Cette chaire est intitulée « chaire de philologie et littérature sino-annamites », et j'ai dit qu'elle est nouvelle et qu'elle est importante. Je ne crois pas qu'il soit nécessaire de justifier longuement et ce titre et cette assertion. Les liens qui unissent la langue annamite à la langue chinoise, ou plus exactement à la langue chinoise écrite, aux caractères chinois, sont trop évidents pour qu'une étude comparative de ces deux langues dans leurs origines, dans leur évolution, dans les œuvres qu'elles ont produites, n'ait sa place marquée dans un programme d'enseignement visant à donner aux Annamites les bases d'une culture supérieure. Cette étude comparative, elle n'a jamais encore

đường ấy, hay là không có thời giao cho một tay khoa-bảng cũ của nước ta, như ông nghè, ông bảng, ông cử, vừa thông-hiểu văn-chương Hán Việt mà lại vừa am-tường các phương-pháp khảo-cứu ngày nay, thì mới phải. Tôi đây không có một tư-cách nào như thế cả, chẳng qua là một nhà viết báo tầm-thường, trong mười năm nay chỉ làm việc truyền-bá cái học Pháp-Việt thông-thường ở giữa buổi báo-giới nước nhà hãy còn đương ấu-trĩ. Thành ra tôi cử vào dạy khoa này, không phải là vì những tư-cách hiện đã có, mà tựa-hồ như vì những tư-cách về sau này. Nói rút lại chẳng qua là quan Học-chính ngài có bụng tin mà cử đến tôi, bụng tin ấy đối với một người An-Nam tưởng có một cái ý-nghĩa riêng, có một cái giá-trị tiêu-biểu, mong rằng đồng-bào ta cũng nên hiểu rõ mà thể lấy cái ý tốt ấy.

Khoa này đặt tên là khoa « Bác-cổ và Văn-chương Hán-Việt », và tôi vừa nói là một khoa-học mới-mẻ và quan-trọng. Tên đặt ấy với lời nói ấy, tưởng không cần phải giải-thích nhiều mới biết là phải. Tiếng An-Nam có quan-hệ với tiếng Tàu, hay là nói cho đúng hơn thời có quan-hệ với văn-tự Tàu, với chữ nho của Tàu, điều đó đã rõ-ràng lắm, nên đặt ra trong chương-trình bậc Cao-đẳng-học của người An-Nam một khoa-học so-sánh hai thứ tiếng ấy với nhau, uyên-nguyên thế nào, tiến-hóa thế nào, sản-xuất ra những sách-vở văn-chương thế nào, tưởng cũng là một sự đương-nhiên vậy. Sự học so-sánh ấy, hướng-lai chửa ai chủ-

été faite d'une façon assez large, assez compréhensive pour s'élever au-dessus d'une connaissance pratique soit de la langue chinoise, soit de la langue annamite, et embrasser dans son ensemble l'histoire des idées, des doctrines, des institutions, des croyances de la Chine et de l'Annam, en un mot les différents aspects de la civilisation sino-annamite elle-même. Et ainsi elle constitue dans l'enseignement indochinois une nouveauté dont on ne saurait nier l'importance.

La philologie, dans son sens le plus large, dépasse, en effet, l'étude pratique d'une langue donnée, et prétend rechercher, à travers les œuvres littéraires et les documents écrits laissés par un peuple, les traces de son évolution à travers les siècles pour arriver à connaître, dans tous ses détails, son développement historique, intellectuel, artistique, politique et social. Sans aller jusqu'à soutenir, comme le font certains auteurs, que « la vraie philologie n'est rien de moins que l'histoire même de l'esprit humain » (Laboulaye), qu'elle « embrasse l'étude de toutes les manifestations de l'esprit humain dans l'espace et dans le temps » (S. Reinach), on peut dire, avec un des plus grands philologues des temps modernes, Max Müller : « La philologie classique ou orientale, qu'elle s'occupe des langues anciennes ou modernes, littéraires ou incultes, est une science historique, et ne traite le langage que comme un instrument. L'helléniste se sert du grec, l'orientaliste de l'hébreu, du sanscrit ou de toute autre langue comme d'une clef pour l'intelligence des monuments littéraires que nous a légués l'antiquité et comme d'une formule magique pour évoquer du tombeau les pensées des grands hommes qui ont honoré des contrées et des siècles différents ; par l'étude de ces idiomes et des documents

trương một cách bao-hàm rộng - rãi, cao hơn sự học thực-tiễn về tiếng ta hay tiếng tàu, và gồm được toàn-thể lịch-sử về tư - tưởng, học - thuật, chế - độ, tín - ngưỡng của nước Tàu và nước Nam, nói tóm lại là gồm cả các phương - diện văn-minh Hán-Việt vậy. Trong học-chế Đông-Pháp đặt ra một khoa như thế thật là một sự mới lạ, không thể không cho là quan-trọng vậy.

Khoa bác-cổ - học hay là bác-ngữ-học, giải theo nghĩa rất rộng thời cao hơn sự học thực-tiễn về một thứ ngữ-ngôn văn-tự nào, và có ý muốn dò xét trong văn - chương sách-vở của một dân-tộc để lại, tìm lấy những dấu-vết sự tiến-hóa của dân-tộc ấy qua các đời trước, để cho được biết tường-tận sự phát-đạt về lịch-sử, về học-thuật, về mĩ-thuật, về chính-trị, về xã-hội thế nào. Không dám quyết như mấy nhà làm sách nói rằng « khoa bác-cổ chân-chính tức là khoa lịch-sử về thần-trí của loài người » (lời ông Laboulaye), hay là nói rằng « khoa bác-cổ là gồm cả những sự phát - hiện của thần - trí người ta trong không-gian và trong thời-gian » (lời ông S. Reinach), nhưng có thể theo lời một nhà bác-cổ trứ-danh đời nay là ông Max Müller mà nói rằng : « Khoa bác-cổ về Hi-lạp La-mã hay về Đông-phương, dù chuyên-trị về các thứ tiếng đời xưa hay đời nay, tiếng có văn-chương hay tiếng còn mộc-mạc, tức là một khoa lịch-sử và chỉ coi ngữ-ngôn như một cái khí-cụ mà thôi. Nhà Hi-lạp-học thời dùng tiếng Hi-lạp, nhà Đông-phương-học thời dùng tiếng Do-thái, tiếng Phạn-ngữ hay là một thứ tiếng Đông-phương nào đó như dùng một cái thìa-khóa để mở cái kho văn-chương nghĩa-lý của đời xưa để lại cho ta, hay là như một câu thần-trú để chiêu-hồn những bậc danh-

qu'ils nous ont conservés, le philologue veut mettre l'historien à même de retracer d'une manière définitive la marche sociale, intellectuelle, morale et religieuse de l'humanité. De même, dans l'étude des langues vivantes, nous n'apprenons pas les grammaires et les vocabulaires pour eux-mêmes mais pour leur utilité pratique, nous nous en servons comme de lettres d'introduction auprès de la meilleure société et de la meilleure littérature des principales nations du monde. . . »

Ainsi comprise, la Philologie n'est autre chose que de l'humanisme, cette science des humanités classiques telle qu'elle se pratiquait dans les pays d'Europe à l'époque de la Renaissance, et telle qu'elle a toujours été pratiquée par nos lettrés qui sont des philologues sans le savoir, — mais un humanisme fortifié par les apports de la critique et de la méthode historique moderne.

Ces humanités classiques, qu'elles soient gréco-latines pour les peuples d'Occident, ou qu'elles soient « indo-chinoises » pour les peuples d'Extrême-Orient, sont un élément indispensable de toute culture, je ne dirai pas seulement supérieure, mais encore simplement humaine. C'est là une vérité qui semble acquise à l'heure actuelle, tant elle a été reconnue et proclamée par tous les hommes cultivés et tous les esprits d'élite.

Il est aujourd'hui incontestable que dans tout système d'éducation ou d'enseignement tendant à assurer à l'homme le plein développement de ses facultés intellectuelles et morales en harmonie avec le milieu dans lequel il évo-

nhân đã làm vẻ-vang cho các đời các nước. Nhà bác-cổ nghiên-cứu những thứ ngữ-ngôn văn-tự lưu-truyền lại đó là chủ-ý muốn giúp nhà sử-học có thể tự-thuật được phân-minh sự tiến-hóa của nhân-loại về các phương-diện xã-hội, học-thuật, luân-lý và tôn-giáo. Cũng như khi học các thứ tiếng « hoạt-ngữ » (là những tiếng hiện còn người nói), phải học những sách mẹo và sách tự-vị, không phải vì sách ấy mà học, nhưng vì nó giúp cho mình biết tiếng, vậy thời học khoa bác-cổ cũng thế, chẳng qua là nhờ các ngữ-ngôn văn-tự cổ để giới-thiệu cho chúng ta được tiếp những người danh-giá và thưởng những văn-chương hay của các dân-tộc lớn trong thế-giới.... »

Giải nghĩa như thế thời bác-cổ-học tức là cổ-điển-học, là khoa-học chuyên-trị về cổ-văn như ở các nước Âu-châu về đời Văn-nghệ-Phục-hưng, hay là như các nhà nho ở nước ta vẫn thường học xưa nay, — các nhà nho ta chính là chuyên-khoa bác-cổ mà không biết đó, — nhưng cổ-điển-học đây lại được nhờ phép phê-bình khảo-cứu đời nay mà thêm có phương-châm chắc-chắn vậy.

Khoa cổ-điển đó, dù là thuộc về Hi-lạp La-mã đối với các dân Tây-phương, hay là thuộc về Ấn-độ Chi-na đối với các dân Viễn-Đông, cũng là một cái nguyên-tố yếu-cần cho mọi sự học-vấn, không những về một mặt học cao-đẳng mà thôi, mà chung cho cả sự học làm người nữa. Đó là một cái chân-lý ngày nay đã rõ-rệt rồi, vì bao nhiêu người có học-thức, có tư-tưởng đều công-nhận và tuyên-bố như thế cả.

Ngày nay đã rõ rằng phàm sự giáo-dục muốn giúp cho người ta được phát-siển hoàn-toàn các năng-lực về trí-tuệ tinh-thần cho hòa-hợp với cái hoàn-cảnh mình hành-động cùng những cổ-điển đã gây dựng ra mình, thời

lue et les traditions qui ont contribué à le former, une culture strictement moderne et scientifique n'est pas suffisante et qu'il faut y joindre certaines études d'une utilité moins immédiate peut-être, mais dont le but est de lui donner le sens de la continuité historique en le menant aux sources mêmes de sa pensée et de son esprit. Et c'est en cela que consistent les humanités, ainsi appelées parce qu'elles concourent à former l'homme dans la complexité de ses destinées historiques et non pas seulement dans la simplicité de sa destination actuelle et immédiate.

Cette nécessité d'une culture classique à côté de la culture moderne, elle ne m'a jamais paru aussi clairement démontrée que durant la grande discussion qui s'instituait en Juin-Juillet 1922 au Parlement et dans la presse de France à propos de la réforme de l'enseignement secondaire et de la restauration des études classiques. J'étais en France à ce moment et j'ai eu la bonne fortune d'être le témoin attentif de cette discussion passionnée et passionnante. Je n'ai pas été peu surpris en constatant que des hommes que tout sépare d'ordinaire et qui ne s'accordent même pas entre eux sur la place plus ou moins grande qu'il convient de leur laisser dans l'enseignement, proclament avec une unanimité touchante la haute valeur éducative des humanités gréco-latines. Et certes, ce n'est pas un spectacle banal que cet accord sur une grande question de culture d'hommes aussi différents l'un de l'autre que M. Léon Daudet et M. Bracke ou M. Edouard Herriot. Quelque divergentes que soient leurs opinions politiques, même en matière d'enseignement, tous reconnaissent qu'un peu de grec et de latin est nécessaire pour la bonne éducation d'un jeune Français.

theo thuần một mặt tân-học và khoa-học không đủ, tất phải bổ thêm ít nhiều môn học khác, dẫu không có ích-lợi trông ngay thấy, nhưng mục-đích là khiến cho người ta hiểu cái lẽ tiếp-tục về lịch-sử và chỉ cho biết nguồn gốc của tư-tưởng thần-trí mình. Ấy chính cổ-điển-học là thế, tiếng tây gọi là *humanités*, vì nó giúp để tạo-thành ra người ta, không những gây lấy cái tư-cách tầm-thường để ứng-dụng ngay bây giờ, mà cốt gây lấy cái tư-cách chân-chính cho hợp với những nhân-duyên phức-tạp của lịch-sử.

Ngoài các khoa tân-học, cần phải có một khoa học cổ-điển, lẽ đó đã bày-tỏ ra một cách rất rõ-ràng hồi Nghị-viện và các báo bên Pháp mở ra cuộc đại-thảo-luận về vấn-đề cải-cách trung-học và khôi-phục cổ-học, vào khoảng tháng sáu tháng bảy năm 1922. Hồi ấy tôi đương ở bên Pháp, được cái may-mắn làm một người bàng-quan rất có ý về cái cuộc thảo-luận rất kịch-liệt và rất hứng-thú đó. Tôi lấy làm lạ thấy những người xưa nay thật là phản-trái nhau, ngay về vấn-đề cổ-học cũng không đồng-ý nhau nên dành cho cổ-học một cái địa-vị lớn nhỏ thế nào trong học-chế, vậy mà chúng-khẩu đồng-từ, ai cũng công-nhận cái đức giáo-hóa cao-thượng của cổ-học La-Hi. Mà kể cũng lạ thật, những người rất khác nhau như ông Léon Daudet với ông Bracke hay ông Edouard Herriot, mà thuộc về một vấn-đề giáo-dục quan-trọng lại đồng ý nhau đến như thế. Dù chính-kiến mỗi người một khác, ngay về việc học cũng vậy, mà ai ai cũng phải chịu nhận rằng kẻ thanh-niên nước Pháp cần phải biết một ít cổ-văn La-Hi thời mới gọi là có giáo-dục hoàn-toàn.

Or, ce qui est vrai en Occident ne peut pas ne pas l'être chez nous. Si une culture moderne et scientifique est indispensable pour nous permettre de nous adapter aux exigences de la vie moderne, seule condition de notre progrès dans le présent et dans l'avenir, une culture ancienne et classique n'est pas moins nécessaire pour nous permettre de remonter aux sources de notre histoire et de notre civilisation. Pas plus qu'on ne concevrait un Français cultivé ignorant tout de l'antiquité grecque et romaine, des origines de la langue et de la nation françaises, de l'architecture gothique et de la littérature romane, on ne concevrait un Annamite cultivé n'ayant aucune notion de l'éthique confucéenne et de la métaphysique de Lao-tseu, du grand mouvement littéraire et poétique des T'ang, de cette merveilleuse floraison de la littérature populaire annamite qui a abouti au chef-d'œuvre unique qu'est le *Kim-Vân-Kiều*, de ces remarquables travaux d'érudition sagace et de critique saine qui ont donné naissance à cette encyclopédie si bien conçue et si bien réalisée qui s'appelle le *Lịch-triều hiến-chương loại-chí*. Un Annamite qui ne posséderait pas ces notions, fût-il capable de résoudre le plus difficile problème de trigonométrie ou de mécanique, ou même de disserter doctement sur Descartes et le *Discours de la Méthode* ou sur les théories bergsoniennes et einsteiniennes, n'aurait, à mon avis, qu'une culture incomplète, puisque tout un horizon de la vie intellectuelle de l'humanité lui reste fermé qui tient le plus près de ses origines mentales, des fondements mêmes de sa personnalité et de sa race. Aussi on a peine à comprendre cette sorte de dédain transcendant qu'affiche volontiers une partie de notre jeunesse intellectuelle à l'égard de la vieille culture sino-an-

Nay lẽ đó ở bên Tây cho là phải, bên ta không thể không cho là phải được. Ngày nay chúng ta cần phải theo về đường khoa-học để cho thích-hợp với cách sinh-hoạt đời nay, chỉ có thể thời hiện bây giờ với về sau này mới có cơ tiến-bộ được, điều đó đã cố-nhiên rồi, nhưng tuy vậy mà ta cũng phải cần có một cái học cổ-điển nữa để cho biết rõ nguồn gốc của lịch-sử và văn-minh ta. Như đối với người Pháp không ai nghĩ đến một người có học-thức mà tuyệt-nhiên không biết gì đến cổ-điển Hi-lạp La-mã, đến cội-rễ tiếng Pháp và nước Pháp, đến lối kiến-chúc Gô-tích và lối văn-chương Lô-man ; đối với người Nam cũng vậy, không ai nghĩ đến một người có học-thức mà tuyệt-nhiên không biết gì đến luân-lý-học của Khổng-tử, thuần-lý-học của Lão-tử, đến cái phong-trào thơ-văn của đời Đường, đến cái văn-chương nôm phổ-thông của nước ta nẩy-nở tốt đẹp thế nào mà sinh-sản được một áng văn tuyệt-tác như truyện *Kiều*, đến cái công khảo-cứu tinh-vi và phê-bình xác-đáng thế nào mà biên-tập thành một bộ sách bách-khoa xếp đặt rất khéo như bộ *Lịch-triều hiến-chương loại-chí*. Một người An-Nam mà không am-hiểu những điều đó, thời dẫu có tài giải được cái tính đố rất khó về tam-giác-kỷ-hà-học hay về động-học, hay là có tài nghị-luận một cách thông-thái về triết-học DESCARTES và sách « Phương-pháp-luận » hay về lý-thuyết của BERGSON và của EINSTEIN, theo ý tôi sự học vẫn còn là thiếu-thốn, vì cả một cái khu-vực trong cõi tri-thức loài người mang-nhiên không biết đến, mà cái khu-vực ấy lại là trực-tiếp quan-hệ với thần-trí mình, với nền gốc của nhân-cách và chủng-tộc mình. Bởi thế nên thường lấy làm lạ thấy trong phái thanh-niên học-thức của nước ta có một số người đối với cái cổ-học Hán-Việt có ý coi thường khinh rẻ quá. Tôi

namite. Je pense que c'est une erreur, et je ne suis pas seul de cet avis, puisque le Gouvernement soucieux de donner à la nouvelle élite annamite une instruction complète a tenu à réserver une place à cette culture dans le programme d'enseignement.

Vous connaissez tous le dicton populaire: *Phật nhà không thiêng, đi cầu Thích-ca ngoài đường*. Et certes, si le Thích-ca nous apporte le nouveau savoir régénérateur, s'il vient semer le bon grain de la science et de la civilisation dans la vieille rizière ancestrale, nous devons aller au devant de lui, nous devons l'accueillir à bras ouverts, mais ce n'est pas une raison pour dédaigner le vieux Phật de chez nous qui, s'il a ses défauts, a aussi ses qualités, et malgré tout nous a faits ce que nous sommes, car je crois qu'il était plutôt trahi par ses servants et ses prêtres qu'obnubilé par des tares originelles. Au contraire, le nouveau Thích-ca nous aidera à comprendre notre vieux Phật en projetant la lumière de sa critique dans les arcanes obscures de l'ancienne scolastique. Etudier les vieilles humanités extrême-orientales à la lumière de la science moderne, n'est-ce pas une entreprise nouvelle et intéressante capable de séduire bien des esprits? C'est cette entreprise que nous allons tenter ensemble, mais nous ne prendrons pas comme guides ces bons vieux lettrés de l'ancien temps dont un auteur chinois contemporain a pu dire que « leurs discussions creuses sur le *tinh* et le *lý*, l'essence et la forme, causaient la perte de l'Etat, que leur érudition fastidieuse n'épuisait pas au bout de toute une vie la matière d'un *kinh*, et que le plus fort d'entre eux pouvait être considéré comme le pire ennemi de la société ». (性理空疎,清譚以誤人國。考據義注,白首不通一經。... 文字之健兒,社會之蠹賊也). Nous tâche-

tưởng thế là lầm, mà không phải một mình tôi nghĩ thế, vì Chính-phủ muốn cho bọn tân-tiến nước Nam có một cái học-thức hoàn-toàn đã quyết ý dành cho cái cổ-học ấy một địa-vị ở trong chương-trình học.

Các ông đều biết câu ngạn - ngữ: « Phật nhà không thiêng, đi cầu Thích-ca ngoài đường. » Mà thật thế, nếu ông Thích-ca ngoài đường đem lại cho ta cái tân-học phú-cường, nếu mang cái hạt giống tốt của văn-minh khoa-học mà rắc vào trong cái ruộng cũ của tổ-tiên, thời ta phải nên vui lòng mà đón rước lấy, nhưng không phải vì lẽ đó mà khinh rẻ ông Phật cũ của nhà, dẫu có điều dở mà cũng có điều hay, và tuy thế nào mặc lòng chứ cũng đã có công tác-thành ra chúng ta như bây giờ, vì tôi thiết-tưởng ông Phật nhà ta không phải u-mê đốt-nát gì, chẳng qua chỉ vì bọn sư-vãi phụng-sự không phải đường đó mà thôi. Không những thế, mà ông Thích-ca mới lại có thể giúp ta dễ hiểu ông Phật cũ nữa, vì có thể đem cái ánh sáng phê-bình của mình mà chiếu-diệu vào trong chốn u-vi của cái học phiền-toái cổ. Dùng phương-pháp của khoa-học đời nay mà nghiên-cứu cái học cổ-điển của Á-Đông, há không phải là một việc mới-mẻ, có hứng-thú, đáng cho có người vui lòng thích chí mà làm dư? Việc đó chính là việc chúng ta cùng nhau làm đây, nhưng muốn tìm người hướng-đạo, ta không có nhờ các ông lão-nho cũ, các ông đã bị một nhà làm sách nước Tàu ngày nay bình-phẩm mấy câu như sau này: *Tinh-lý không-sơ, thanh-đàm dĩ ngộ nhân-quốc; khảo-cứ tùng-tỏa, bạch-thủ bất thông nhất kinh... Văn-tự chi kiện-nhi, xã-hội chi mâu-tặc dã*. Nghĩa là: «Tính-lý viển-vông, bàn xuông mà làm hại nước nhà; tra tìm tỉ-mỉ, già đời không thông một bộ kinh... Văn-tự càng giỏi, càng làm cái sâu cái mọt cho xã - hội. »

rons, au contraire, de nous inspirer, dans la mesure de nos moyens, de ces grands maîtres français qui ont fait de la philologie un art savant et vivant à la fois, capable de ressusciter les siècles et les époques et de les faire revivre devant nous ; un Alfred et un Maurice Croiset qui ont renouvelé les études grecques, un Gaston Boissier qui a rajeuni les études latines, un Gaston Paris qui a créé les études médiévales. Ces hommes étaient aussi des lettrés, de grands lettrés, et combien supérieurs aux nôtres! Voilà pour l'esprit; et pour la méthode, nous aurons pour nous guider les sinologues de l'école française, un Chavannes, un Maspéro, un Aurousseau, dont les travaux sur la Chine et sur l'Annam ouvrent des horizons si nouveaux sur nos origines, notre langue, notre histoire. Aussi au risque de scandaliser nos vieux docteurs, nous aborderons les études sino-annamites avec une inspiration et des méthodes françaises, seul moyen de les sortir de l'ornière où elles se sont enlizées jusqu'ici, puisque nous avons la prétention d'insuffler un esprit nouveau à ces vieilles disciplines.

Messieurs, ces considérations m'ont paru nécessaires pour vous indiquer l'idée générale de ce cours qui n'est pas, comme vous avez pu le voir, un cours de langue chinoise ni un cours de langue annamite. Il a une portée plus vaste et la langue n'est ici qu'un instrument, comme le dit Max Müller, un instrument qui nous sert de clef pour l'intelligence des monuments littéraires que nous ont légués la Chine et l'Annam. Ces monuments représentent un ensemble de concepts et d'idées plusieurs fois millénaires qui dans leur len-

Không, ta không nhờ các ông làm hướng-đạo, mà ta lại gắng sức theo chân nối gót các bậc danh-sĩ nước Pháp kia đã làm cho khoa bác-cổ-học thành một khoa vừa thông-thái, vừa linh-hoạt, có thể khôi-phục lại các thời-đại đã qua mà bày ra hiển-nhiên trước mắt : như hai anh em ông ALFRED và MAURICE CROISET đã cải-tân cho khoa cổ-văn Hi-lạp, ông GASTON BOISSIER đã chấn-loát cho khoa cổ-văn La-mã, ông GASTON PARIS đã sáng-tạo ra khoa văn-tự đời Trung-cổ Các bậc ấy cũng là nhà nho cả, là những tay đại-nho cả, mà cao hơn nhà nho ta biết dường nào! Đó là thuộc về phần tinh-thần; đến phần phương-pháp, thời ta sẽ theo đòi các nhà bác-học nước Pháp chuyên-trị về chữ Tàu, như ông CHAVANNES, ông MASPÉRO, ông AUROUSSEAU, đã từng nghiên-cứu về nước Tàu nước Nam, khám-phá được nhiều điều mới lạ về cổi-rễ ta, tiếng nói ta, lịch-sử ta. Vậy thời dù các bậc cựu-học ta có cho là trái ngược nữa mặc lòng, ta sẽ đem cái tinh-thần và cái phương-pháp của Pháp-học mà nghiên-cứu về khoa Hán-Việt-cổ-điển, duy có cách đó mới cứu vớt được cái học ấy ra ngoài cái đường lối hẹp-hòi từ xưa đến nay, vì bọn ta đã tự-phụ muốn đem một cái tôn-chỉ mới mà truyền cho những môn học cổ đó.

Tôi tưởng cần phải khái-luận mấy câu như thế để chỉ cho các ông rõ cái đại-ý của khoa học này, các ông xem đó thời biết khoa này không phải là khoa dạy về tiếng tàu, cũng không phải là khoa dạy về tiếng ta. Có một cái ý-nghĩa rộng hơn, và tiếng tàu tiếng ta đây, chẳng qua là một cái khí-cụ như lời ông MAX MÜLLER nói, một cái khí-cụ để dùng làm thìa-khóa mà mở những kho-tàng văn-chương của nước Tàu nước Nam đã để lại. Những kho văn-chương ấy là gồm những tư-tưởng quan-niệm

le évolution ont constitué à travers les siècles le substratum mental de plusieurs peuples d'Extrême-Orient. Ce sont ces idées et ces concepts que nous devrons essayer de saisir sous les différentes formes qu'ils revêtent dans la littérature sino-annamite que nous étudierons ainsi moins pour elle-même que pour ce qu'elle exprime de particulier et de propre à l'esprit chinois et à l'esprit annamite. Ce n'est pas à dire que la littérature sino-annamite en elle-même ne mériterait pas d'être étudiée, mais cette étude exige une connaissance approfondie de la langue chinoise qu'on trouve assez rarement dans la nouvelle jeunesse intellectuelle annamite. D'ailleurs, si cette étude s'imposait au temps où les caractères chinois constituaient l'unique véhicule de la culture, elle n'est plus aujourd'hui indispensable. Nous n'avons plus besoin d'étudier les caractères pour eux-mêmes, pour pouvoir faire de ces compositions fastidieuses et compliquées dans lesquelles excellaient nos aînés. Aussi tout en ne négligeant pas tout à fait le côté purement littéraire, — qui sera même quelquefois approfondi quand il s'agit d'œuvres proprement nationales, purement annamites, — nous étudierons les œuvres chinoises à un point de vue plus général, plus synthétique, plus philosophique en un mot. Nous nous distinguerons ainsi de nos anciens lettrés qui sacrifiaient entièrement l'esprit à la lettre et pour qui l'homme le plus savant, le plus instruit était celui qui savait le plus de caractères, qui avait pu emmagasiner dans sa tête le plus d'allusions littéraires et savait s'en servir avec le plus d'habileté dans des compositions en vers et en prose. Il est évident que nous n'avons plus aujourd'hui le même idéal, et que toute cette rhétorique surannée et désuète, creuse et redondante, faite de phrases rapiéé

đã từng trải mấy ngàn năm biến-hóa dần - dần làm thành ra cái gốc tinh - thần của nhiều dân - tộc cõi Đông-Á. Nay ta phải coi văn-chương Hán-Việt như cái hình - thể bề ngoài, mà cố dò lấy những tư-tưởng quan-niệm ấy ở trong ; ta nghiên-cứu văn-chương không phải chỉ vì văn-chương, mà phần nhiều là vì cái tinh - thần đặc-biệt của nước Tàu nước ta phát-biểu ra trong văn-chương ấy. Nói thế không phải nói rằng chính văn-chương Hán-Việt tự không đáng nghiên - cứu đâu, nhưng muốn nghiên - cứu cần phải thâm - hiểu Hán-văn, mà trong hàng thanh-niên đi học ngày nay ít người được thông chữ Hán. Vả lại ngày xưa, chữ Hán là cái cơ - quan có một của văn-hóa, không học không được, ngày nay cũng không cần cho lắm. Ta không phải vì chữ Hán mà học chữ Hán nữa, không phải học để làm những lối văn-bái phiền-phức như các cụ ta sở - trường ngày xưa. Cho nên tuy không nhãng - bỏ hẳn cái phương - diện thuần văn-chương, — phương-diện này thuộc về những nền văn riêng của nước ta, thuần annam hẳn, lại có khi nên nghiên-cứu cho thâm nữa, — mà xét các sách văn - chương Tàu sẽ theo về một cách rộng - rãi hơn, cái - quát hơn, thuộc về triết - lý hơn. Như thế thời có khác các nhà nho cũ ta thường lấy văn làm trọng hơn nghĩa - lý, cho người học giỏi, người hay chữ là người biết nhiều chữ, tích-lũy trong óc được nhiều những điển-cố văn-chương và biết khéo đem ra dùng trong khi làm thơ làm văn. Chắc rằng ngày nay chúng ta không có cái mục-đích học như thế nữa, và cái lối từ-chương cũ-kỹ khuếnh-khoáng đó chỉ cóp nhặt những câu văn cũ mà kết liền lại thành một tấm sặc-sỡ, đối với ta không có hứng-thú và cũng không có ích-lợi như đối với các cụ ta ngày xưa, vì các cụ

cées assemblées en une mosaïque plus ou moins savante, n'a plus pour nous le même charme, le même attrait irrésistible, — et aussi la même utilité pratique, — qu'elle avait pour nos pères, auxquels elle ouvrait les portes de toutes les carrières libérales. Nous considérons les chefs-d'œuvre de la littérature chinoise non plus comme des modèles à copier, à plagier, mais principalement comme des documents qui nous renseignent sur l'évolution intellectuelle, morale, politique, historique de la Chine ancienne et sur l'influence que cette évolution exerçait sur celle de notre pays.

Certes, même dans une étude aussi générale, une connaissance des caractères chinois est nécessaire pour faciliter l'explication des textes classiques. Mais elle n'a pas besoin d'être très étendue. Je crois qu'en général vous la possédez. Même si vous ne l'avez pas, il vous sera assez facile de l'acquérir vous-mêmes, car il existe déjà de nombreux manuels franco-chinois pour l'étude de la langue chinoise. Je vous y aiderai au besoin. Mais dans ce cours, pas plus que nous ne perdrons notre temps à apprendre à composer à la manière «lettrée», nous ne consacrerons le peu dont nous disposons à étudier le vocabulaire ou la syntaxe, à faire des thèmes et des versions, ou des descriptions du Petit Lac ou du Grand Bouddha. Ces exercices peut-être utiles dans un cours pratique de langue chinoise ou de langue annamite seraient déplacés dans un cours de philologie et de littérature sino-annamites où l'essentiel n'est pas tant la connaissance de la langue que celle des idées et des œuvres. Celle-ci serait évidemment plus facile si l'on avait déjà celle-là, et on peut dire que l'une suppose l'autre. Mais comme le chinois ne figure pas encore au programme de l'enseignement secon-

có học như thế mới mong thi đỗ làm quan được. Nay ta coi những văn-chương kiệt-tác bằng hán-tự không phải là cái kiểu mẫu để mà theo hay để mà phỏng đâu, nhưng coi như những di-tích để tỏ cho ta biết sự tiến-hóa về học-thuật, về đạo-đức, về chính-trị, về lịch-sử của nước Tàu ngày xưa, cùng sự tiến-hóa ấy ảnh-hưởng đến sự tiến-của nước ta thế nào.

Dẫu nghiên-cứu một cách rộng như thế, chắc hẳn cũng phải biết ít nhiều chữ nho mới có thể hiểu được những khi giảng nghĩa về cổ-văn. Nhưng không cần phải biết nhiều cho lắm. Tôi tưởng các ông đây đều có biết qua-loa cả. Dù không biết nữa thời tự học lấy cũng dễ, vì hiện nay đã có nhiều những sách Pháp-hoa giáo-khoa để dạy học chữ hán. Có cần thời tôi sẽ giúp. Nhưng mà trong khoa học này ta không nên mất thời-giờ mà học lối văn bài như các cụ xưa, cũng không nên đem cái thời-hạn ít ỏi mà học tiếng một hay học cách đặt câu, hay là tập dịch cùng tập làm văn tả cảnh những hồ Hoàn-gươm cùng đền Quán-Thánh. Cách học-tập như thế có lẽ trong một lớp dạy học tiếng Tàu hay tiếng ta thì có ích, nhưng trong một khoa Hán-Việt-văn-chương thời không phải cách, vì sự cốt-yếu đây không phải là học biết chữ biết tiếng, mà là học cho biết sách-vở, biết nghĩa-lý. Chắc rằng nếu biết chữ rồi thì nghĩa-lý cũng dễ hiểu hơn, và có thể nói rằng muốn biết đàng nọ tất phải biết đàng kia. Nhưng mà hiện nay trong chương-trình trung-học không có dạy chữ Hán, thì học-trò tốt-nghiệp trung-học không thể bắt phải biết chữ Hán được. Cứ thực ra thì có

daire on ne saurait exiger de ceux qui en sortent la connaissance de cette langue. Au reste la difficulté est peut-être plus apparente que réelle, puisque, comme je l'ai dit, pour un Annamite qui ne désire pas apprendre à composer en chinois, l'acquisition d'un vocabulaire de deux à trois mille mots (dont un cinquième pour le moins est déja passé dans la langue maternelle), ne représente pas un travail excessif, ni ne demande un temps exagéré.

Ma tâche serait donc assez facile, si je devais seulement me borner à vous apprendre les caractères chinois et l'annamite littéraire. Elle se heurte à des difficultés particulières quand il s'agit, comme je me le propose, de vous faire connaître en un cours d'une heure par semaine l'ensemble de la littérature sino-annamite depuis les origines jusqu'à nos jours, d'étudier avec vous les principales œuvres qu'elle a produites, les plus grands hommes qui l'ont illustrée et l'influence exercée par eux sur l'histoire des idées, comme sur l'évolution sociale et politique. Nous nous trouvons ici sur un terrain à peu près inexploré. Vous savez que malgré tous les *địa-bạ* existants, celui de Gia-long comme les autres, on ne sait pas encore exactement la superficie des terres cultivées dans le Delta tonkinois, et on ne pourra le savoir que le jour où tout le delta aura été cadastré. C'est le cas de la littérature sino-annamite. C'est un domaine qui n'a jamais encore été cadastré, et dont on ne connait exactement ni la superficie ni les richesses. On y trouve à peine ces jalons qui bornent les propriétés, qui indiquent les routes et les sentiers et évitent au voyageur qui s'y aventure de se perdre dans les fourrés et les broussailles. S'il existe sur des questions de détail, sur des points particuliers d'histoire ou des problèmes spéciaux de linguistique, des

khó cũng là khó vậy mà thôi, vì như tôi đã nói người An-Nam không chủ học chữ Hán để làm văn bài, thời học lấy cho thuộc vài ba nghìn chữ (mà trong số ấy ít ra cũng đến một phần năm đã nhập-tịch tiếng ta rồi), tưởng cũng chẳng phải công-phu gì cho lắm mà lâu-dài gì cho nhiều.

Vậy giá tôi chỉ phải dạy các ông chữ nho và văn nôm mà thôi, thời công việc tôi tưởng cũng dễ-dàng. Nhưng chủ-ý tôi lại muốn mỗi tuần-lễ một giờ đem cả toàn-thể văn-chương Hán-Việt từ nguyên-thủy cho đến ngày nay phô-bày cho các ông biết, cùng các ông nghiên-cứu những sách-vở trọng-yếu trong văn-chương ấy, những danh-nhân đã làm cho văn-chương ấy rực-rỡ, cùng đã ảnh-hưởng đến lịch-sử tư-tưởng và sự tiến-hóa về xã-hội, về chính-trị thế nào; như vậy thời lại có nhiều nỗi khó-khăn lắm. Vì đó là bước chân vào một cõi đất hầu như chưa khai-tịch vậy. Các ông cũng biết rằng tuy có sách địa-bạ, kể cả địa-bạ Gia-long nữa, mà hiện nay vẫn chưa biết đích số ruộng ở Trung-châu Bắc-kỳ là bao nhiêu; ngày nào đạc-điền xong cả Trung-châu thì mới có thể biết được. Ấy văn-chương Hán-Việt cũng vậy. Cũng tức như một cõi đất còn chưa đạc, không biết rõ được diện-tích là bao nhiêu, sản-vật có những gì. Chưa thấy cắm mốc để phân địa-giới, chỉ đường đi, cho người nào bước chân vào khỏi lạc vào những nơi rừng sâu bụi rậm. Tuy về những vấn-đề vụn-vặt hoặc đặc-biệt về sử-học hay về ngữ-học, đã có được ít nhiều bài chuyên-khảo nhiều khi cũng tường-tận, nhưng chưa có một quyển sách nào tổng-quát về khoa ngữ-ngôn văn-tự nước Tàu nước ta, đủ

monographies souvent très poussées, nous n'avons pas encore à l'heure actuelle un seul travail d'ensemble sur la langue et la littérature sino-annamites suffisamment complet et suffisamment commode pour guider les premiers pas dans ces études. Vous qui, au lycée ou au collège, avez vécu dans l'intimité des manuels, vous savez quelle aide précieuse sont pour l'élève comme pour le professeur qui prépare les leçons ces compendiums commodes dont le principal mérite est de résumer toute la science acquise dans un domaine déterminé du savoir. Eh bien, dans le domaine sino-annamite, nous n'avons à notre disposition aucun de ces manuels sauveurs, de sorte que quand M. le Directeur de l'Ecole des Hautes Etudes me demandait quels livres je désirais mettre entre vos mains, je n'ai pu lui fournir qu'une liste bien maigre comprenant quelques titres d'œuvrages tout à fait secondaires. Et ainsi nous devrons, si vous voulez bien me passer ce mot, nous « débrouiller » tout seuls au milieu de cette multitude d'auteurs et d'œuvres de valeur souvent inégale qu'il faudra compulser, analyser, soumettre parfois à une exégèse au moins sommaire avant de pouvoir en extraire la quintessence. Et que dire encore de la littérature annamite dont toutes les œuvres n'ont pas été recueillies, collationnées, dont une grande partie est orale et qui constitue un domaine non seulement inexploré, mais encore inconnu, insoupçonné jusqu'ici ? Nous sommes vraiment comme ce voyageur qui navigue sans boussole sur une mer inconnue.

Aussi saura-t-on être indulgent, s'il nous arrive parfois de nous égarer dans quelque parage difficile.

Pour moi, si malgré ces difficultés, j'ai accepté à être votre guide dans ce voyage nouveau que bien peu de per-

kiêm-bị và đủ tiện-dùng để dẫn đường cho người mới học. Các ông đây, khi ở trường trung-học, đã quen dùng sách giáo-khoa, tất cũng biết rằng sách giáo-khoa có ích-lợi cho học-trò, cho thầy giáo soạn bài là dường nào, vì sách ấy được một điều hay là thuộc về khoa nào thì tóm-tắt được cả những điều đã biết về khoa ấy. Nay thuộc về khoa Hán-Việt đây, không có được một quyển giáo-khoa nào để giúp đỡ cho ta, khiến cho khi quan Đốc trường Cao-đẳng hỏi tôi nên mua những sách gì cho các ông dùng, tôi chỉ kê được cho ngài một cái sổ rất sơ-lược được giảm ba tên sách tầm-thường mà thôi. Thành ra chúng ta phải tự mình « xoay-xở » lấy trong cái rừng văn bát-ngát kia, biết bao nhiêu là tác-giả, bao nhiêu là tác-phẩm, giá-trị không giống nhau, phải toản-tập, phải phân-tích, có khi phải hiệu-đính qua lại rồi mới có thể trích được cái tinh-hoa. Lại đến văn-chương nôm của ta mới khó nữa, vì những thơ-văn nôm chưa sưu-tập hết, phần nhiều còn truyền-khẩu cả, thật là một cõi đất không những chưa khai-tịch, mà lại hướng-lai chưa ai biết, chưa ai ngờ đến nữa. Ta đến đây thật như người vượt bể lạ mà không có kim chỉ-nam vậy.

Vậy hoặc có khi gặp quãng khó mà lạc đường, tưởng người ngoài cũng nên rộng lượng cho ta.

Về phần tôi thời tuy có nhiều sự khó-khăn như thế mà tôi cũng nhận làm người hướng-đạo cho các ông

sonnes ont entrepris avant nous, c'est d'abord que j'ai une prédilection particulière pour les études sino-annamites et un profond amour de notre langue maternelle. Cet amour et cette prédilection, je voudrais vous les faire partager. Je ne peux jamais sans émotion entendre chanter une de ces complaintes populaires qui semblent s'exhaler de la rizière et de la montagne comme la voix même de notre race, ni ouvrir un de ces vieux bouquins chinois à la couverture usée, ratatinée, recroquevillée comme la peau d'une vieille femme et aux feuillets jaunis, en partie mangés par les vers, mais dont les lignes conservent encore ces points et ces ronds en rouge et en noir qui attestent que l'ouvrage a été lu, étudié, appris par cœur, transmis précieusement de génération en génération. Ces livres sont les témoins d'une culture qui, quoiqu'on dise, a satisfait durant des siècles les besoins intellectuels de tout un peuple. Ils représentent «l'Annam d'autrefois», qu'il nous appartient, sous peine de créer une solution de continuité néfaste à notre évolution intellectuelle et morale, de relier à l'Annam d'aujourd'hui et à l'Annam de demain. Mon but serait atteint si je pouvais, avec toute la ferveur et toute la conviction dont je suis animé, éveiller en vous cette curiosité ardente et sympathique pour les choses du passé, d'un passé qui tient à nous par nos fibres les plus profondes et qui constitue la seule base solide à tous les progrès futurs.

Une autre raison qui me fait accepter de me charger de ce cours, malgré les difficultés qu'il présente, c'est que dès le début de ma carrière, j'ai eu la bonne fortune d'être un des modestes collaborateurs des éminents savants de l'Ecole française d'Extrême-Orient dont

trong cái cuộc du-lịch mới-mẻ này, trước ta chưa mấy người đi, là trước hết bởi tôi vốn có tính ham nghiên-cứu về cổ-học Hán-Việt, và có lòng rất thương yêu tiếng quốc-âm của ta. Tôi muốn cho các ông cũng biết ham, biết yêu như thế. Mỗi lần tôi nghe thấy hát một câu ca-dao kia, văng - vẳng trên núi non, dưới đồng ruộng như tiếng thiên-lại của giống Lạc Hồng ta, hay mỗi lần mở một quyển sách nho cũ, cái bìa đã rách, đã nát, giăn-gieo như cái má bà lão già, giấy thời vàng hoen, sâu ăn mất một phần, mà giòng chữ hãy còn những chấm những khuyên bằng mực bằng son, tỏ rằng sách đã có người đọc, có người học, có người thuộc lòng, và đã truyền đi như của báu hết đời nọ đến đời kia, mỗi lần như thế, tôi không thể cầm lòng cảm-động. Những sách đó là chứng-tích của một cái văn-hóa, — dù ai nói thế nào mặc lòng, — cũng đã đủ làm được thỏa-mãn sự cần-dùng về trí-tuệ của cả một dân - tộc trong mấy mươi thế-kỷ nay. Sách đó là tiêu-biểu cho cái Cổ-Việt-Nam kia mà phận-sự chúng ta phải làm thế nào cho nối liền với Việt-Nam ngày nay và Việt-Nam sau này, kẻo sinh ra gián-đoạn tai-hại cho sự tiến-hóa của ta về đường trí-thức, về đường tinh-thần. Tôi nay hết sức nhiệt-thành, nếu có thể gợi được cho các ông cái lòng sốt-sắng ham biết những việc đời xưa, — đời xưa mà có mật-thiết quan-hệ với tâm-hồn tinh-tính của ta, đời xưa mà chính là cái cơ-sở độc-nhất cho mọi sự tiến-bộ sau này, — thời là tôi đạt được cái mục-đích của tôi vậy.

Còn một lẽ nữa khiến cho tôi dù khó-khăn mà cũng nhận đương lấy khoa dạy này là, ngay từ khi mới ra thi-thố với đời, tôi đã được cái may-mắn làm một tay giúp việc nhỏ mọn của các nhà bác-học danh-giá ở trường Bác-cổ Viễn-đông, là một sở học có

vous connaissez tous la réputation mondiale. Sœur des Ecoles d'Athènes, de Rome et du Caire, elle travaille depuis vingt-cinq ans à l'exploration philologique, historique, archéologique de la presqu'île indochinoise et des grands pays voisins. C'est dire quelle autorité elle s'est acquise dans les études extrême-orientales en général et les études indochinoises en particulier. Pendant neuf ans, j'ai travaillé comme secrétaire à l'Ecole, et j'ai pu mettre à profit les loisirs que me laissait mon travail de bureau pour m'initier aux recherches philologiques et participer de loin aux travaux de ses membres.

Certes, tout cela ne suffit pas pour faire d'un simple journaliste un professeur de Philologie. Mais à défaut de personnalité plus compétente, et dans un domaine encore insuffisamment exploré, j'espère pouvoir avec vous, sinon entreprendre ce travail de cadastrage qui est à peine commencé, du moins, avec les moyens et le temps limités dont nous disposons, jeter les premiers jalons et faire un levé sommaire qui ne sera pas sans utilité pour vos études futures. Car mon rôle ne sera que celui d'un initiateur. Quand vous aurez pris goût à ces études, vous les continuerez, j'en suis sûr, après la sortie de l'Ecole. Quelle que soit la carrière que vous aurez embrassée, il vous sera toujours doux, toujours reposant, au milieu même de vos occupations professionnelles, de revenir de temps en temps à ces vieux auteurs qui en des vers harmonieux et des proses magnifiques ont exprimé d'une façon définitive les sentiments éternels de l'humanité.

Il se trouvera toujours des gens imbus d'une fausse conception du progrès tiếng trong hoàn-cầu, các ông cũng đã biết cả. Trường Bác-cổ Viễn-đông là liệt bằng-đẳng với các trường Bác-cổ Hi-lạp, La-mã và Ai-cập, trong hai-mươi-lăm năm nay chuyên khảo-cứu về ngữ-ngôn, lịch-sử, cổ-tích của bán-đảo Ấn-độ Chi-na này cùng với các nước lớn chung quanh. Nghĩa là thuộc chung về khoa-học Đông-Á và riêng về khoa học Ấn-độ Chi-na, trường Bác-cổ có một cái thanh-giá rất lớn. Trong chín năm tôi làm thư-ký ở trường, ngoài thì-giờ làm việc nhà giấy, được rảnh chút nào tôi cũng tập kê-cứu về khoa bác-cổ, gọi là tham-dự xa-xa vào các công-việc của các ngài trong trường.

Tôi cũng biết rằng bấy nhiêu điều chưa đủ cho một nhà làm báo tầm-thường có tư-cách làm một ông giáo bác-cổ. Nhưng mà hiện chửa có ai đủ tư-cách hơn, và thuộc về một môn học hãy còn ít người kê-cứu đến, tôi mong rằng cùng các ông dẫu không làm được cái việc « đạc-điền » chửa ai khởi-công kia, thời ít ra cũng tùy cái tài-lực và cái thời-giờ hữu-hạn của chúng ta cắm được mấy cái mốc làm dấu trước và phác-họa qua cái bản-đồ, tưởng cũng không phải là không có ích cho sự học-vấn của các ông sau này. Vì cái phận-sự của tôi là phận-sự một người vỡ lòng đó mà thôi. Khi các ông đã biết sự học này là có thú, thời tôi chắc rằng tốt-nghiệp nhà trường rồi các ông cũng còn học mãi. Dù sau này làm chức-nghiệp gì mặc lòng, giữa lúc công việc phiền-kịch, thỉnh-thoảng trở lại đọc mấy pho sách cổ kia, lời thơ êm-ái, lời văn nghiêm-trang, diễn-tả được hết những tình-tình thiên-cổ của loài người một cách tuyệt-bút, tưởng cũng lấy làm thú-vị, làm thanh-cao lắm chứ.

Chắc có kẻ hiểu lầm về chữ tiến-bộ bảo các ông rằng: học tiếng tàu

qui vous diront : A quoi bon étudier le chinois et l'annamite ? La littérature annamite, mais elle n'existe pas. La littérature chinoise, elle a assez asservi l'intelligence annamite pendant des siècles pour qu'il ne soit que juste de lui vouer une haine éternelle. Le progrès est dans les études modernes. Pourquoi perdre son temps à ces rêveries d'un passé révolu ? — Croyez-moi, les gens qui vous diront cela, s'ils ne sont pas des ignorants, sont des inconscients ou des béotiens. Le Progrès, il faut bien y croire, puisque c'est le dogme du siècle. Il est encourageant, il est commode d'y croire, encore qu'un certain doute philosophique soit permis sur sa réalité et sa valeur. Mais au nom du progrès, décréter l'abolition de tout le passé, c'est d'un homme qui ne se doute de rien. Il croit être avancé en nous traitant de rétrogrades. Il croit marcher sur les traces de l'Occident. Il ne sait pas qu'en Occident même, un culte fervent et intelligent du passé est une des caractéristiques de la civilisation. Vous avez lu dans les journaux du mois dernier qu'un savant Italien aurait découvert dans un couvent de Naples le manuscrit complet de l'Histoire romaine de Tite-Live perdu depuis des siècles. Cette nouvelle a produit dans les milieux cultivés d'Occident une profonde émotion, à l'égal du plus grand événement politique. « On pouvait se croire, dit un éminent écrivain français, M. René Doumic, revenu aux temps fameux de la Renaissance. . . Pour le moment, et quoique nous réserve l'avenir (car on conserve des doutes sur cette découverte), un fait est certain, que nous nous bornons à constater : c'est l'émotion causée dans le monde entier par l'espoir, à peine entrevu, que ces pages à la gloire de l'ancienne Rome aient échappé au naufrage des siècles. Réponse éclatante à quelques

với tiếng ta làm gì ? Văn-chương An-Nam, nào có đâu. Văn - chương tàu thời trong mấy mươi thế - kỷ đã áp-chế tinh - thần người An-Nam, tưởng nên muôn đời thóa - mạ mới phải. Ngày nay phải theo tân - học mới tiến - bộ được. Cớ chi mà mất thì-giờ mơ - mảng những chuyện đời xưa ? — Các ông nghe tôi : kẻ nào nói thế, không là kẻ dốt-nát, thời là kẻ vô-ý-thức hay là kẻ ngu-xuẩn. Sự tiến-bộ, vẫn hay rằng phải tin sự tiến-bộ, vì đó là cái tôn-giáo của thời-đại này. Vẫn biết rằng nên tin cho nó tiện, nên tin cho được vui lòng mà làm việc, chứ thực ra thì cái chân - tướng, cái giá - trị của sự tiến-bộ, cứ triết-lý-thượng cũng có lẽ hoài - nghi lắm. Nhưng mượn chữ tiến-bộ mà cả quyết xóa bỏ cả đời trước, thời thật là người không biết gì. Tưởng mình thế là người tấn-tới, cho chúng ta là lũ hủ-bại. Tưởng là theo chân nối gót được Thái-Tây. Không biết rằng ngay ở Thái-Tây kia, người ta cũng lấy sự biết thờ chuộng đời trước một cách nhiệt-thành và sáng-suốt là một cái đặc-tính của văn-minh. Các ông đọc báo Tây tháng trước chắc có thấy nói một ông bác-học nước Ý-đại-lợi nghe đâu mới tìm thấy trong một nhà đạo-viện ở thành *Naples* cả toàn-biên chữ viết bộ « La - mã-sử » của TITE-LIVE mất đã mấy mươi thế-kỷ nay. Tin ấy truyền ra làm cho náo-động cả trong các xã-hội tri-thức ở Tây-phương, không kém gì một việc đại-sự về chính-trị vậy. Một nhà danh-sĩ nước Pháp, ông RENÉ DOUMIC, nói rằng : « Được tin ấy tưởng như lại trở lại hồi thịnh-thời về đời cổ-học Phục-hưng. . . Hiện nay, thời dù thực dù hư thế nào mặc lòng (vì người ta còn ngờ không biết sự phát-minh ấy có thực không), có một điều chắc, ta nên chứng - nghiệm : là mới phảng-phất được mong - mỏi rằng cái áng

démolisseurs d'aujourd'hui. Vous prétendez que l'antiquité est une chose morte ; mais ouvrez donc les yeux et ne niez pas l'évidence ! Il a suffi de l'annonce qu'un peu de l'heritage antique va peut-être nous être rendu : il n'est, dans quelque pays que ce soit, pas un homme, seulement instruit, qui ne soit dans l'attente. » — Une civilisation qui, en plein siècle de l'aéroplane et de la T. S. F., est ainsi capable de s'émouvoir à la nouvelle de la découverte d'un manuscrit de Tite-Live, n'est pas une civilisation qui a le mépris du passé. C'est la méconnaître, c'est être criminel à son égard que de lui prêter une conception du Progrès qu'elle est la première à répudier.

Quant à la littérature annamite, je refuse à quiconque ne l'a pas étudiée à fond le droit de porter un jugement quelconque sur elle. Et qui peut avoir la prétention de l'avoir étudiée à fond, puisqu'on est en train de la découvrir, que beaucoup d'œuvres en *nôm* ne sont pas encore publiées ni même connues, et que toute la littérature populaire est encore à recueillir ? C'est comme la légende de la pauvreté de la langue annamite. Sous prétexte qu'elle manque d'un vocabulaire scientifique moderne, on décrète qu'elle est pauvre, d'une pauvreté désespérante, puisqu'elle ne serait même pas capable de donner un bon enseignement primaire, sans même soupçonner quel riche fonds populaire elle recèle. Si une langue qui a produit le *Kiều* et des văn - chương kỷ-niệm sự toàn - thịnh của La-mã đó không đến nỗi chìm-đắm trong vực thiên-cổ mất, thế mà thiên-hạ ai ai cũng lấy làm náo-động. Đó tức là một cách phản - đối hiển-nhiên cho mấy kẻ rắp tâm phá - hoại ngày nay. Các bác dám cả quyết rằng cổ-điển đã thành tro tàn rồi ; nhưng hãng mở mắt ra mà coi đó, sự thực rõ-ràng, còn cãi nữa đi ! Chỉ mới có tin báo rằng một cái của báu của kho văn-chương xưa sắp tìm lại được, thế mà suốt trong các nước, phàm người tri-thức, không những người tri-thức, phàm người có chút học nữa, không ai là không nức-nỏm ngóng-trông. . . » — Một cái văn-minh ở giữa đời tàu-bay và giây - thép gió mà biết cảm-kích về cái tin tìm được nguyên - bản bộ « La - mã - sử » của Tite-Live, thời không phải là cái văn-minh khinh-rẻ đời trước. Cái văn-minh ấy không có hiểu lầm về sự tiến-bộ như trên kia, nếu đem cách kiến-giải sai-lầm như thế mà buộc cho cái văn-minh ấy, thời là oan cho nó và có tội với nó vậy.

Còn đến văn-chương An-Nam thời tôi dám không cho kẻ nào chưa nghiên-cứu đến nơi được quyền phán-đoán điều gì về văn - chương ấy. Mà ai là người có thể tự-phụ rằng đã nghiên-cứu đến nơi, vì văn-chương ấy hiện nay hãy còn đương phát-minh, nhiều thơ văn nôm còn chưa công-bố ra, có khi chưa biết đến nữa, và bao nhiêu văn-chương truyền-khẩu trong dân-gian hãy còn chưa sưu-tập ? Tức cũng như câu chuyện hão-huyền về tiếng An-Nam nghèo. Lấy cớ rằng tiếng An-Nam không có những danh-từ về khoa-học mới, bèn quyết rằng tiếng nghèo, nghèo khốn nghèo nàn, đến không thể dùng mà dạy học bậc sơ-đẳng được, không ngờ rằng tiếng nói phổ-thông trong dân-gian có một cái gốc rất phong-phú. Một thứ tiếng đã

poètes comme Nguyễn Công-Trứ, comme le Tam-nguyên de Yên-đổ, comme la fameuse Xuân-Hương, ou tout près de nous le populaire Tú Xương, est pauvre et inculte, eh bien, vraiment, je ne sais ce qu'il faut pour qu'une langue soit riche et qu'elle soit littéraire. A ceux qui prétendent que la littérature annamite n'existe pas, citez les vers de Nguyễn Du que vous savez tous par cœur, ou ceux de Nguyễn Công-Trứ, ou les poésies de la Xuân-Hương, et demandez-leur s'il existe dans beaucoup de littératures des vers aussi exquis, aussi spirituels, exprimant dans une forme aussi parfaite des sentiments aussi nuancés ou aussi finement grivois?

En ce qui concerne la littérature chinoise, on ne peut tout de même pas nier qu'elle existe, mais on affirme qu'elle aurait asservi l'intelligence annamite. Si un quelconque « je l'école » se met en tête, pour mieux réussir aux examens, de découper Anatole France et de faire des compositions françaises avec des bribes de phrases de l'auteur de *Thaïs*, allez-vous soutenir qu'Anatole France asservit l'intelligence annamite ? C'est exactement ce que faisait une certaine catégorie de lettrés qui se préparaient aux fameux concours littéraires en pillant et en plagiant sans vergogne les auteurs chinois. Nie-t-on pour cela l'influence profonde exercée par ces derniers sur le mouvement intellectuel du pays d'Annam depuis des siècles ? Ce serait nier l'évidence, et toute l'histoire d'Annam protesterait là contre. En vérité, nous avons été nourris pendant deux mille ans du suc de la culture chinoise savamment distillé par une pléiade de grands poètes et de grands prosateurs qui n'ont leurs égaux que dans l'ancienne

sản được truyện *Kiều*, sản được những tay ngâm-vịnh như cụ Nguyễn Công-Trứ, cụ Tam-nguyên Yên-đổ, như cô Xuân-hương hay gần đây ông Tú Xương nức tiếng trong dân-gian kia, mà cho là tiếng nghèo-ngặt mộc-mạc, thời thật tôi không biết phải thế nào mới gọi là tiếng giàu-có và có văn-chương. Kẻ nào cả quyết với các ông rằng văn-chương An-Nam không có, thời cứ đọc ngay cho nghe những câu thơ của cụ Nguyễn Du mà các ông đã thuộc lòng cả đó, hay là thơ của cụ Nguyễn Công-Trứ hay của cô Xuân-hương, mà thử hỏi họ xem trong thiên-hạ này đã có mấy văn-chương sản được những câu thơ thanh-tao đĩnh-ngộ như thế, tả-mạc được một cách tuyệt-bút những cái cảm-tình dịu-dàng tinh-tế hay là dí-dỏm tinh đời như thế ?

Nói đến văn-chương Tàu thời hẳn không thể cãi rằng văn-chương Tàu không có được, nhưng quyết rằng văn-chương Tàu đã áp-chế tinh-thần người An-Nam. Nay ví có một anh học chữ tây bập-bẹ nào, muốn đi thi cho mau đỗ, đem văn-chương của ông ANATOLE FRANCE cắt vụn ra từng câu từng mảnh để khi làm bài Pháp-văn thời chắp nối ken liền lại, các ông có đổ tội cho văn ông ANATOLE FRANCE là áp-chế tinh-thần người An-Nam không ? Ấy ngày xưa có một hạng người học hán-văn để đi thi, chỉ gia công mà phá mà phỏng những nhà văn Tàu, cũng tức y như thế. Nhưng có thể vì lẽ đó mà không công-nhận cái ảnh-hưởng sâu-xa của văn-chương Tàu đối với sự học-vấn tư-tưởng nước Nam trong bao nhiêu đời không? Không nhận sự đó là trái với sự thực hiển-nhiên, và cả lịch-sử nước Nam sẽ dựng lên mà phản-đối lại. Cứ thực thì chúng ta đây trong hai nghìn năm đã nuôi bằng cái tinh-túy của văn-hóa Tàu, do những tay đại-văn-hào, đại-thi-hào nung-đúc mà chắt lọc cho ta,

Grèce ou dans l'ancienne Rome. Un Lý Thái-Bạch, un Đỗ Phủ, un Hàn Dũ, un Tô Đông-Pha, appartiennent à la littérature universelle. Qu'est-ce qui fait, en Occident, la valeur éminente des littératures grecque et latine? Qu'est-ce qui fait l'avantage unique de la culture classique pour l'éducation de l'esprit dans les pays d'Europe ? « L'avantage ? (je cite encore M. René Doumic). Faire émerger par dessus les temps, par dessus les bouleversements sociaux et les révolutions morales, les grands traits de ce que Montaigne appelait « l'humaine condition ». L'âme des anciens était moins tourmentée que la nôtre. Avec une simplicité de lignes, qui, depuis, ne s'est plus retrouvée, ils ont fixé les types qui subsistent sous la déformation des siècles. A leur école, le jeune homme apprend à devenir un homme. Cette simplicité se reflète dans la manière dont ils conduisaient leur pensée, dans la forme où ils l'exprimaient... » — Ce sont exactement les mêmes caractères de simplicité et d'humanité qui distinguent les grands classiques chinois. Il n'y a, pour s'en convaincre, qu'à relire une des pages de Bạch Cư-Dị ou de Vương Bột, telle « cette préface à un banquet dans le palais du roi de Đằng », que le génial écrivain composa, dit-on, à l'âge de vingt ans, et où, après avoir décrit les magnificences d'une demeure royale et les splendeurs d'un ciel d'automne « que traverse un canard sauvage avec des flocons de nuage blanc et que reflète la grande nappe des eaux tranquilles » (落霞與孤鶩齊飛, 秋水共長天一色), il termine par des réflexions mélancoliques sur la pérennité de l'univers et la fugacité du bonheur humain, sur les déboires qui attendent le sage dans la vie et l'énergie morale

những tay này chỉ có sánh với Hi-lạp La-mã đời xưa họa may mới có người bằng vậy. Những bậc như Lý Thái-Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Tô Đông-Pha, là thuộc về làng văn chung của cả thế-giới. Cớ sao ở Tây-phương, văn-chương Hi-lạp La-mã lại có cái giá-trị đặc-biệt như thế ? Bởi đâu mà sự học cổ-điển ở các nước Âu-châu lại có cái hay tuyệt-đích về đường giáo-hóa cho tinh-thần người ta ? « Cái hay bởi đâu ? (đây tôi lại dẫn lời ông René Doumic). Hay là bởi tiêu-biểu được những cái tính căn-bản của « thân-phận người ta », theo như lời Montaigne đã nói, tiêu-biểu cho siêu - việt ra ngoài cả thời - gian cùng những sự biến-loạn trong tinh-thần, trong xã - hội. Tâm-hồn cổ-nhân không có lao-động như người đời nay. Dùng nét bút đơn - sơ mà vẽ được những kiểu người thiên-cổ, dù thời-thế biến-thiên, kiểu ấy vẫn dùng, mà nét bút kia thời sau này không từng thấy nữa. Học cổ-nhân thời kẻ thanh-niên biết làm người đứng-đắn. Sự giản-phác của cổ-nhân đó, lộ ra từ trong cách tư-tưởng cho đến lời thơ văn... » — Ấy các nhà văn cổ-điển nước Tàu cũng có những cái đặc-tính thuần-lương và giản-phác như thế. Muốn nghiệm cho rõ, đọc ngay một vài bài văn của Bạch Cư-Dị hay của Vương Bột thì đủ biết, như bài tựa đám tiệc trong «Đằng-vương-các» của Vương Bột làm thủa hai-mươi tuổi, tả cái vẻ tráng-lệ của một nơi vương-phủ, cái vẻ rực-rỡ của một cảnh trời thu, « con chim lạc đàn cùng với đám mây rơi phấp-phới, giải nước mùa thu cùng với vẻ trời rộng một mầu » (*lạc-hà dữ cô-vụ tề phi, thu - thủy cộng trường-thiên nhất sắc*), rồi kết đến buồn-rầu ngẫm-nghĩ về nỗi trời đất vô-cùng mà phận người chẳng mấy, kẻ đạt-nhân quân-tử thường gặp cảnh trắc-trở gian-nan, phải biết kiên-nhẫn

dont il doit faire preuve pour maintenir intact le haut idéal qui l'anime.

Jamais sentiments d'une plus grande élevation morale ne furent exprimés dans une prose plus somptueuse et plus sereine à la fois.

Je m'excuse, Messieurs, d'avoir répondu si longuement à d'aussi piètres objections. Au reste, la cause est entendue. Il ne se trouve pas à l'heure actuelle un seul homme cultivé, Français ou Annamite, qui n'admette la légitimité, l'utilité des études sino-annamites.

Il me reste maintenant à jeter un coup d'œil sur le programme qui doit constituer notre plan d'études. A première vue, ce programme paraît un mélange assez disparate de choses chinoises et de choses annamites. Je l'ai fait exprès, car mon intention est d'étudier les œuvres chinoises non pas du point de vue de la sinologie générale, mais du point de vue annamite. Aussi le chinois et l'annamite figurent-ils concurremment, à doses presque égales, de manière à pouvoir éclairer l'un par l'autre.

En première année, nous aurons à faire une étude générale comparée des langues chinoise et annamite. Je ne vous donnerai pas ma théorie personnelle sur la question des origines de la langue annamite, n'étant pas assez spécialiste en linguistique pour le faire. Mais je vous exposerai les thèses en présence et vous dirai ce qui peut être retenu dans chacune d'elles. Puis nous aborderons les classiques et les annales en les envisageant toujours du point de vue annamite. Ainsi le *Kinh Thi* sera étudié concurremment avec les chansons populaires annamites.

Le Cours de 2e année sera un vrai cours de littérature sino-annamite. Nous étudierons les différents genres et les grandes époques, les genres dé-

mời giữ được trọn cái lý-tưởng thanh-cao ở trong lòng.

Không bao giờ thấy những tư-tưởng cao-thượng như thế mà diễn ra lời văn vừa tráng-lệ, vừa thanh-tao như vậy.

Những lời bẻ-bác vô-vị như trên đó mà tôi phải phản-đối lại dài như thế, cũng là quá, xin miễn thứ. Vả lại, vấn-đề đã giải-quyết rồi. Hiện nay không có một người nào có học-thức, dù là người Tây hay người Nam, mà lại không công-nhận rằng sự cổ-học Hán-Việt là ích-lợi, là chánh-đáng.

Nay tôi muốn xét qua cái chương-trình học của chúng ta. Mới coi thì chương-trình ấy tựa-hồ như hỗn-hợp cả chuyện tàu với chuyện ta, không khỏi bác-tạp. Nhưng tôi làm thế là có ý, vì chủ-ý tôi là định nghiên-cứu văn-chương Tàu không phải là theo cái phương-diện chung của khoa Chi-na-học đâu, nhưng là theo cái phương-diện về An-Nam ta. Bởi thế nên Hán với Việt cùng liệt ngang nhau, độ-lượng cũng gần bằng nhau, để đối-chiếu lẫn cho nhau.

Năm thứ nhất thời ta so-sánh chung về tiếng tàu và tiếng ta. Thuộc về vấn-đề cỗi-rễ tiếng An-Nam, tôi không có xướng một cái thuyết riêng của tôi, vì không phải là một tay chuyên-môn về khoa ngữ-học mà làm được. Nhưng tôi sẽ bày tỏ cái thuyết của các nhà cho biết mỗi nhà nên xã-thủ thế nào. Rồi ta xét đến kinh-truyện và sử, nhưng bao giờ cũng theo về phương-diện An-Nam. Như nghiên-cứu về kinh *Thi* thời ta sẽ xét cùng với ca-dao của ta.

Năm thứ nhì mới thật là một khoa Hán-Việt-văn-chương. Ta sẽ khảo về các lối văn và các thời-đại trong văn-học-sử, lối nào xuất ở Tàu ra, lối nào

rivés du chinois et les genres proprement annamites, la versification et la prosodie, les compositions des concours littéraires. Côté chinois, nous aurons à traiter des philosophes en dehors de l'Ecole confucianiste (Lão-tử, Trang-tử, etc) et des grands poètes et écrivains ayant exercé la plus profonde influence sur la litttérature annamite (Khuất Nguyên, Đào Tiềm, Lý Thái-Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Tô Đông-Pha, etc). Côté annamite, nous étudierons les poésies de la période Hồng-đức (15è siècle), celles de Trạng Trình, les premières histoires nationales, les œuvres de Nguyễn Trãi, etc. . .

La 3è année nous mènera, côté chinois, des philosophes néo-confucianistes des Tống et des Minh jusqu'à l'époque contemporaine où nous aurons à étudier les écrivains de l'école nouvelle, les Khang Hữu-Vi et les Lương Khải-Siêu; et côté annamite, de la fin des Lê jusqu'à l'avènement de la nouvelle littérature *quốc-ngữ*, en passant par les grandes œuvres historiques et géographiques de la dynastie actuelle et les grands poèmes, le *Kiều* et autres.

Ce vaste programme, je n'ai pas la prétention de le traiter en savant; toute une vie n'y suffirait pas. Pour les sujets déjà étudiés par des philologues compétents, j'exposerai leurs théories d'après les travaux connus. Pour le reste, je me bornerai au point de vue de la critique traditionnelle, en le complétant et en l'élargissant s'il y a lieu.

∴

Pour terminer cette leçon d'ouverture, où j'ai tâché de faire ressortir l'utilité des études classiques sino-annamites, je me permets de citer en guise de conclusion les paroles du plus haut représentant de la nation la plus jeune et la plus prospère du monde, la plus réputée pour son esprit pratique, la plus entendue en affaires, la plus réa-

thuần của An-Nam, phép làm thơ, phép làm bài thi Hương thi Hội. Về mặt Hán thời ta xét về các nhà triết-học ở ngoài nho-phái (Lão, Trang, v. v.), cùng những văn-hào thi-hào có ảnh-hưởng to đến văn-chương Nam-Việt ta (như Khuất Nguyên, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Tô Đông Pha, v. v.) ; về mặt Việt thời ta xét về những thơ nôm đời Hồng-đức (thế-kỷ thứ 15), thơ trạng Trình, các bộ Quốc-sử đầu, sách của Nguyễn Trãi, v.v.

Năm thứ ba thời về mặt Hán sẽ xét tự Tống-Minh-nho cho đến các văn-sĩ mới ngày nay, như Khang, Lương, v.v.; về mặt Việt thời sẽ xét về văn-chương từ cuối đời Lê, qua những sách địa-dư và sử-ký của bản-triều, các truyện nôm như truyện *Kiều*, v. v., cho đến khi nhóm lên văn quốc-ngữ mới.

Chương-trình đó to rộng, tôi không dám tự-phụ nghiên-cứu ra tay bác-học, vì như thế thì suốt một đời người cũng không đủ. Vấn-đề nào các nhà bác-cổ đã kê-cứu rồi thời tôi sẽ cứ theo những sách đã xuất-bản mà đem cái thuyết của mỗi nhà diễn-giải ra. Còn ngoại-giả thời cứ theo cái phương-diện phê-bình cũ, mà tùy ý châm-chước sửa-sang cho thích-đáng.

∴

Trong bài khai-giảng này, tôi chủ-ý phát-biểu sự ích-lợi của khoa cổ-học Hán-Việt thế nào, nay kết-luận tôi xin mượn mấy lời của bậc đại-biểu cao nhất của một nước trai-trẻ thịnh-vượng nhất trong thế-giới, có tiếng nhất vì tính vụ-thực, vì tài doanh-nghiệp, vì cái

liste, en un mot, et la moins encline aux rêveries du passé. Voici comment s'exprime, dans un discours aux étudiants de l'Université de Pensylvanie, le Président Coolidge des Etats-Unis d'Amérique :

«Certes, le monde actuel est dominé par la science et le commerce. Sans ces deux puissances, des territoires immenses seraient immédiatement dépeuplés aussi bien par la famine que par la maladie. Grâce à elles, et d'une manière inusitée jusqu'à nos jours et qui se développe sans cesse, se répandent le confort et la prospérité.

«Il serait vain de nier ces avantages, qui nous sont devenus indispensables ; il faut au contraire les reconnaître et hautement les louer, à condition de les situer, non point dans l'absolu, mais dans le relatif. . .

« La science et le commerce ont leur siècle: c'est le nôtre. Aucune raison ne peut nous inciter à souhaiter qu'il en soit autrement, et la sagesse ne serait pas de détruire ces éléments, mais de les utiliser, de les diriger. Nous ne devons pas les subir en esclaves ; les forces matérielles ne doivent pas dominer es forces morales et la vie doit trouver sa règle dans la recherche de la justice et non pas des poursuites utilitaires....

« Il n'est pas de problème qui puisse être résolu sans l'étude de l'antiquité, La civilisation moderne a ses racines chez les anciens... Ne perdons pas de vue le point de départ. Quelle que soit la perfection de l'édifice, sa solidité dépend des fondations... Il est impossible qu'une société rompe avec le passé, car elle est constituée par l'ensemble de toutes les expériences acquises... La biologie nous enseigne que l'individu passe par de nombreuses phases avant de parvenir à l'état présent de son évo-

khí-khái thực-hành, không ưa mơ-màng những chuyện cũ, tức là quan Giám-quốc COOLIDGE nước Hoa-kỳ, trong một bài diễn-thuyết cho sinh-viên trường Đại-học *Pensylvanie* có nói như sau này :

« Vẫn biết rằng hai cái sức mạnh nhất đời nay là khoa-học và thương-mại. Không có hai cái sức mạnh đó thời từng cõi đất lớn sẽ tức-thì bị bệnh-tật và đói-khát đến chết hại mất cả. Nhờ có hai sức mạnh đó, mọi nơi mới được sung-sướng thịnh-vượng, mỗi ngày một hơn, xưa nay chưa từng được thế bao giờ.

« Những sự tiện-lợi đó, ta không thể không công-nhận được, vì đã thành sự yếu-cần cho ta. Ta phải thừa-nhận và phải ca-tụng, duy phải biết rằng nó thuộc về đối-đích, chứ không phải thuộc về tuyệt-đích . . .

« Phải có một thế-kỷ riêng cho khoa-học và thương-mại : thế-kỷ ấy là thế-kỷ ta đây. Không có lẽ gì khiến cho ta ước-ao cách khác, và sự khôn-ngoan không phải là nên phá-hoại những cái nguyên-chất ấy đi, mà là nên biết khéo lợi-dụng, biết khéo sai-khiến nó. Ta không nên làm nô-lệ nó mà để cho nó làm thầy ta ; ta không nên để cho sức vật-chất đoạt được sức tinh-thần, và cái tôn-chỉ ở đời không phải ở sự mưu-lợi mà là ở sự hiếu-nghĩa.

«Không có vấn-đề gì không khảo-cổ mà giải-quyết được. Văn-minh đời nay là nguồn gốc tự cổ-nhân . . . Ta không nên quên nơi khởi-điểm. Cái nhà dù tốt đẹp thế nào mặc lòng, chắc hay không chắc cũng ở như cái nền cả . . . Một xã-hội không thể đoạn-tuyệt với đời trước được, vì xã-hội là tích-lũy những sự kinh-lịch từ xưa đến nay mà thành ra... Khoa sinh-vật-học dạy rằng người ta đã phải qua nhiều bậc mới đến được trình-độ tiến-hóa như ngày nay. Các thuyết giáo-dục đều tỏ rằng

lution. Toutes les théories d'éducation nous montrent que le cerveau des hommes se développe de la même manière et qu'il s'élève en suivant les étapes diverses qui ont marqué notre ascension depuis la sauvagerie primitive jusqu'à la civilisation la plus élevée. Ce fait nous ordonne impérieusement de poursuivre l'étude des Grecs et d'en faire la base de notre enseignement, puisque c'est par ce moyen que nous sommes parvenus au présent état de notre développement.

cái óc người ta cứ tuần-tự mà phát-đạt lên, đã qua nhiều bậc, nhiều độ mới dần-dần từ đời ăn lông ở lỗ tiến lên được trình-độ văn-minh rất cao. Nghiệm như thế thời ta quyết-nhiên không thể không nghiên-cứu cái cổ-điển của Hi-lạp, lấy làm gốc sự giáo-dục của ta, vì nhờ có cái cổ-điển đó ta mới được tới cái tình-trạng phát-đạt như bây giờ.

« Cela signifie-t-il que tout homme doit être un humaniste ? Non, certes. Pour traverser l'Océan est il nécessaire à chacun d'avoir l'expérience d'un navigateur ? L'ouvrier qui travaille à quelque ample édifice doit-il être un docte architecte ? Non, sans doute. Cependant, si la rive est atteinte, si la maison est belle et confortable, on le doit aux méthodes qui reposent sur des principes et sur des idées bien définies.

« Nói thế có phải là nói rằng người nào cũng phải là một tay bác-cổ không? Chắc là không. Như muốn đi bể có cần phải ai ai cũng là một tay hằng-hải chuyên-môn không? Lại như người thợ xây một cái lâu-đài lớn, có cần phải là một tay kiến-chúckỹ-sư không? Chắc rằng không. Vậy mà nếu vượt bể được tới nơi trót-lọt, làm nhà được đẹp-đẽ phong-quang, là nhờ những phương-pháp gốc ở những kỷ-cương và lý-tưởng nhất-định.

« Les principes et les idées desquels nous dépendons, non seulement pour le maintien de la culture, mais encore, à mon avis, pour la sauvegarde et le développement de la science nous viennent des études classiques. Voilà pourquoi les sciences et les études professionnelles atteignent à leur apogée lorsqu'elles s'appuient sur la culture de l'antiquité...

« Những kỷ-cương và lý-tưởng nó thống-thuộc ta đó, không những bảo-tồn cho văn-hóa của ta, mà lại phát-đạt cho khoa-học của ta nữa, là do nền học cổ-điển mà ra. Bởi thế nên khoa-học và kỹ-nghệ có căn-cứ ở cổ-điển thời mới mở-mang được hết sức.

« La culture grecque et romaine appartient au passé ; on ne saurait la faire renaître ; essayer de la copier serait inutile, mais il en faut continuer l'étude pour donner plus de solidité à notre enseignement. Nous ne désirons pas être des Grecs ; nous n'aspirons pas à être des Romains ; avant tout et par dessus tout nous voulons être des Américains, *et ce but nous n'y atteindrons qu'en poursuivant les traditions qui nous ont faits ce que nous sommes. Nous nous*

« Cái học của Hi-lạp và La-mã là thuộc về quá-khứ ; nay không thể làm cho phục-sinh lại được; muốn mô-phỏng cũng vô-ích, nhưng cần phải nghiên-cứu cho sự học của ta được chắc-chắn. Ta không muốn làm người Hi-lạp ; ta cũng không mong làm người La-mã ; trước hết, cốt nhất là ta muốn làm người Mĩ đã, mà *muốn được như thế thời ta phải theo dòi cái cổ-điển đã gây-dựng cho ta được như bây giờ. Ta nuôi mình bằng cái tư-tưởng những*

nourrissons de la pensée des hommes qui ont posé les bases de nos institutions. L'enseignement qui les a formés, c'est l'enseignement qui doit nous former à notre tour. Le souci d'améliorer notre bien-être matériel ne doit pas nous faire oublier qu'il est indispensable que nous améliorions notre bien-être spirituel. Enseigner les sciences ne suffit pas, la grande affaire est d'apprendre comment nous devons utiliser notre science...»

Je ne peux rien ajouter de plus à cette longue citation qui constitue une belle défense de l'antiquité et des études classiques, d'autant plus autorisée qu'elle vient d'un homme d'Etat du Nouveau Monde, et dont il n'y a qu'à changer quelques termes pour que ses paroles s'appliquent complètement à nous.

người đã dựng đặt ra cơ-sở các chế-độ của ta. Cái học đã tác-thành ra các người ấy, là cái học phải tác-thành cho chúng ta. Ta không nên vì chăm sự sung-sướng về đường vật-chất mà quên rằng sự sung-sướng về đường linh-thần lại cần phải chăm-chút lắm nữa. Dạy khoa-học chưa đủ, sự hệ-trọng là phải biết cách lợi-dụng khoa-học của mình thế nào...»

Tôi thuật lại lời quan Giám-quốc Mĩ dài như thế tưởng không cần phải thêm câu gì nữa; mấy lời đó là một bài hộ-biện hùng-hồn cho khoa cổ-điển-học, lại thêm có giá-trị nữa là do một nhà chính-trị ở Tân-thế-giới nói lên; tôi tưởng chỉ phải đổi đi một vài chữ là những lời ấy thích-hợp hẳn cho chúng ta đây.

PHẠM QUỲNH

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XX

Thứ sáu, 23 tháng 6.

Buổi sớm đến thăm quan cai-trị C. ở Kinh-tế-cục, đưa bản thảo bài diễn-thuyết ở trường Thuộc-địa để đem in. Nguyên sau hôm diễn-thuyết có nhiều các quí-quan khuyên nên in bài diễn-thuyết, cho công-bố được rộng hơn. Nhưng in sách ở bên này đắt lắm, lấy tiền đâu mà làm được. Vả lại không phải là thứ sách bán được; có in ra chẳng qua cũng để tặng các nhà văn-sĩ hay nhà chính-trị có để ý về việc thuộc-địa để mong cho người ta biết đến nước Nam mình một chút, thế mà thôi. Cũng có một vài cái báo muốn xin để đăng, nhưng đăng trong báo thì lẫn-lộn với các bài khác, tất không ai chú-ý đến. Bên này người ta còn nhiều những việc tầy đình, việc thuộc-địa, việc nước Nam mình có ai cho vào đâu. Thật có đi ra ngoài mới biết thế-giới là rộng. Các báo lớn bên này, thường mỗi tuần-lễ hay nửa tháng mới có một mục nói về việc thuộc-địa, mà đặt vào trong thứ tư hay thứ năm, chứ có được vào trang nhất hay trang nhì bao giờ. Như mình chuyến này cũng là may lắm, được mấy cái báo như *La Dépêche coloniale*, *L'Eclair*, *l'Echo de Paris*, *Comœdia*, chú-ý đến, nói về sự diễn-thuyết và lại trích mấy đoạn diễn-thuyết nữa. Song bài nhật-

(1) Xem *N.-P.* từ số 58.

báo thời cũng không ai để ý xem cho kỹ làm gì. Nhân nói chuyện với quan Cai-trị C., ngài nói rằng để sẽ bàn với Kinh-tế-cục xuất tiền ra in cho, không ngại gì, vì Kinh-tế-cục vẫn có một bộ tùng-thư in những bài khảo-cứu về Đông-Pháp. Bởi thế nên hôm nay đem bản thảo đến cho ngài, ngài hứa sẽ bảo in riêng ra mấy trăm quyển để gửi về nhà, còn ở Pháp này muốn biếu hay tặng những ai, cứ kê tên ra sẵn, khi nào in xong sẽ gửi thẳng cho những người ấy. Thế thật là tiện cho mình đủ đường.

Chiều hôm nay được quan đại-tướng P. cho phiếu vào xem ở Thượng-Nghị-viện. May lại gặp giữa buổi một ông nghị (nghe đâu thuộc về đảng xã-hội, không rõ tên là gì) đương chất-vấn Chính-phủ về việc trong khi chiến-tranh quan binh có kết án lầm mấy người lính đem xử-tử vì tội tháo-lui trước quân giặc, sau xét ra mới biết rằng án ấy oan và mấy người lính kia vô-tội. Tức gọi là cái án *Vingré*. Ở Thượng-viện tuy thường vẫn êm-ái hơn ở Hạ-viện, nhưng cũng có khi nghị-luận kịch-liệt; hôm nay kể cũng là một buổi kịch-liệt. Ông nghị chất-vấn Chính-phủ này hết sức công-kích bọn quan binh vì võ-đoán mà đã làm chết oan mấy mạng người, công-kích Chính-phủ đã dung-túng những cách võ-đoán như thế. Ông nói rất là hùng-hồn cảm-động: có một lúc ông đập tay xuống bàn mà nói to lên rằng: « Ừ, nào có phải thiệt oan mấy mạng người mà thôi đâu, còn để cái khổ cái nhục cho người sống nữa! Các ngài có nghĩ đến tình-cảnh những cha mẹ, những vợ con mấy người chết oan ấy không? Các ngài có nghĩ đến cái đau-đớn, cái tủi-nhục vô-cùng của lũ con trẻ kia, trong khi các trẻ con khác trong làng có cha anh đi trận về, nào là mền-đay, nào là bội-tinh, nghênh-ngang vang-vẻ trong làng xóm, mà mình hễ thò mặt ra đầu ngõ thời người ta vạch mặt gọi tên, nói rằng: «Thằng nay là con thằng phản-quốc đây Cha nó ngày trước đã bị xử-tử. » Các ngài có nghĩ đến những nông-nỗi đắng cay chua-xót ấy trong lòng một kẻ hài-nhi không? Kẻ hài-nhi ấy sau này là dân nước đấy, là lính nước đấy! v.v. » — Quan Binh-bộ là ông MAGINOT, người cao lớn, giọng dõng-đạt, rõ ra cái thái-độ một quan Thượng-thư Binh, lên diễn-đàn đáp lại, đại-khái nói rằng: « Chính-phủ cũng biết án đó là lầm, tội đó là oan. Nhưng mà đương buổi chiến-tranh bối-rối, những sự oan-uổng ấy làm sao mà tránh cho khỏi được? Vả lại, dù thế nào nữa, việc đã dĩ-nhiên rồi, bây giờ nói sao cũng không thể khôi-phục được mệnh người nữa. Như vậy thì dở-dói ra làm chi cho thêm nỗi đau lòng. Thôi thời bây giờ Chính-phủ đã nhận lỗi, sẽ ra sức giúp đỡ cho cha mẹ vợ con những người ấy, ban tiền dưỡng-lão, tiền tuất-cô, tiền tuất-quả cho người ta được yên thân. Vả trong buổi binh-hỏa dị-kỳ, những người chết oan chết khổ biết là bao nhiêu, biết mấy mươi nghìn vạn mà kể; tổng-chi cũng là chết cho nước cả! v.v. » — Quan Binh-bộ hết sức biện-bạch, mấy ông nghị về đảng phản-đối nhất-định không nghe, xin phải tra cho ra lỗi tự ai và làm tội những viên tướng-tá đã kết cái án oan ấy. — Hai người nói cùng giỏi cả, nói xong đảng nào vỗ tay cho người đảng ấy, biểu đồng-tình. Duy người xem thì không có phép vỗ tay, phải giữ cái thái-độ khách bàng-quan, nghe nói hay, nghe nói dở, cũng phải cứ nghiêm-lặng như không; ấy là lệ trong nghị-viện như thế!

—Sáng sớm mai Hoàng-thượng đến *Paris*. Mình tuy không dự sự gì, nhưng cũng là người An-Nam, tưởng nên cùng anh em ra đón ở ga cho phải phép. Song tự mình đã không đóng vai gì mà đánh cái áo gấm súng-sính, thời

chỉ tỏ cho thiên-hạ chỉ-trỏ vô-ích, thà rằng làm hoàn-toàn một anh khách-quan còn hơn. Bởi thế nên mấy bữa nay phải đi cắt một bộ *jaquette* mấy trăm quan, lối này là một lối lễ-phục không trọng-thể mà cũng không tầm-thường, trung bình, mặc vào dịp nào cũng được. Mình mặc *jaquette*, đầu đội mũ « qủa dưa » (*melon*), coi cũng « ra phết » một thầy « thư ký tòa sứ » (tòa sứ đây không phải như tòa sứ bên mình). Vào hiệu ảnh chụp cái ảnh gửi về nhà, người thợ ảnh cho là một viên quan-lại ở tòa sứ Nhật-bản, nhưng lại nói rằng : « Ông là người Nhật thì khí cao quá. » Mình nghĩ bụng rằng nếu quả được là người Nhật, — dẫu là một người Nhật « quá khổ » nữa mặc lòng, — thì còn gì bằng !...

Thứ bảy, 24.

10 giờ sáng, Hoàng-thượng đến *Paris*, đi chuyến xe lửa riêng ở *Lyon* lên, đỗ ở ga *Bois de Boulogne* là nhà ga để riêng đón các bậc vua chúa. Hoàng-thượng đi cùng với quan Thượng-thư Thuộc-địa SARRAUT ; quan Giám-quốc và quan Thủ-tướng có phái đại-biểu ra đón. Kèn, trống, cờ, quốc-ca, lính bồng súng, lính kỵ-mã, nghi-vệ cũng như nghi-vệ thường, tưởng không có gì là đặc-biệt. Có lẽ chỉ có la mắt cho người *Paris* là các sắc gấm sặc-sỡ của các quan hộ-giá. Mình không được biết thành *Paris* xưa nay đón các bậc đế-vương các nước thế nào, nên không thể so-sánh được lần này với các lần kia khác nhau thế nào. Nhưng nhận ra người đứng xem ít lắm. Nghe khách qua đường thấy đám lạ dừng lại xem, chỉ thấy nói : « Ồ ! họ ăn mặc hay nhỉ ! kỳ nhỉ ! »; có người lại hỏi lẫn nhau : « Người nước nào vậy ? »

Anh em cất mũ cúi chào, thế là hết phận-sự kẻ thần-dân ở nơi khách-địa, rồi vua quan trảy về dinh quan Thuộc-địa, bọn mình cũng nhân mũ cao áo dài thuê xe hơi dạo quanh một vòng phường-phố, mặc dầu cho thiên-hạ cho là người Tàu hay người Nhật, cũng chẳng hề phải biện-bạch là giống An-Nam.

Cơm trưa rồi, đi chơi cửa hàng *Bon marché* ở đường *de sèvres*. Hàng này vào hạng các « cửa hàng lớn » (*grands magasins*), như *Le Louvre*, *Le Printemps*, *Galeries La fayette*, v.v., bán đủ các đồ hàng, thứ nhất là đồ ăn-mặc. Hàng này rộng bằng mấy rẫy phố thông luôn, tầng trên, tầng dưới, tầng hầm, ngõ ngang, ngõ giọc, thang cuốn, thang máy, kẻ lên người xuống, người ra kẻ vào, lúc nào cũng tấp-nập như ngày hội, đi vào dấy không khỏi lạc đường, vào phố này mà ra tận đầu phố kia. Nhân vào khu bán các đồ chơi trẻ con, mua mấy thằng phệnh, con thú và cái xe, để gửi về lũ trẻ ở nhà cho vừa kịp tết tháng tám. Nhà hàng nhận gói gửi cẩn-thận, chỉ phải chịu thêm tiền bưu-phí mà thôi. Lũ trẻ nhận được mấy gói này chắc là mừng lắm. Nghĩ đến chúng nó lại càng thêm nhớ ; nhưng mình nhớ nhà có lẽ nhà lại nhớ mình hơn, vì người đi còn có dịp khuây - khỏa, chứ kẻ ở thường hay chuyên lòng tơ-tưởng ; đó cũng là cái thường-tình của người ta, dẫu người anh-hùng còn không khỏi, huống nữa là kẻ tầm-thường. Nhưng có người nặng tình thê-tử quá, chưa bước chân ra khỏi cửa đã thương nhớ xụt-xùi, lúc nào cũng như deo cái mặt sầu kẻ tha - hương, như thế thì cũng quá. Người nước mình phải cái nỗi gia-đình bận-bịu, lắm khi cũng ngăn-trở cho người có chí.

Ở hàng *Bon Marché* ra, cạnh ngay đấy là đường *du bac*. Sực nhớ đây chính là nơi nội-sở của hội Truyền-giáo Viễn-Đông (*Séminaire des Missions étrangères*) cố R. cùng đi tàu với chúng

mình mấy tháng trước có hẹn khi nào lên *Paris* vào đây thăm, mà bấy lâu chưa có dịp nào. Anh em bèn rủ nhau vào thăm Cố. Đây tức là nơi nhà giòng chính để luyện - tập các cố đi sang truyền - giáo ở bên ta. Trong phòng khách thấy có treo mấy cái hình Đức - cha Bách - đa-lộc. Cố được gặp mặt anh em lấy làm vui - vẻ lắm, hỏi - han về sự cảm - giác ở *Paris* thế nào. Sự cảm-giác của chúng mình thì chắc là tốt cả, chỉ hiềm không có thể ở đây lâu được mà thôi. Về phần cố thời nói rằng vì bận công việc nhiều, có lẽ đến cuối năm hay đầu sang năm mới trở lại Á-Đông được.

Chủ-nhật, 25

Còn nhớ MAURICE BARRÈS có câu nói rằng : « Nhìn bức tranh đẹp mà cảm, không phải là cảm cái nét bút nó vẽ khéo, không phải là cảm cái mầu sắc nó tốt-tươi, chính là cảm cái tâm-tình của người họa giữa lúc cầm bút vẽ vậy. » (*Ce que l'on admire dans un tableau, ce n'est pas la couleur, ni le dessin, mais plus profondément la qualité de l'âme de l'artiste au moment où il peignait.*) Vậy thời muốn hiểu một bức họa phải hiểu cái tâm-tình của người họa. Như xem bức tranh Tàu, vẽ một cái lều gianh với một khóm trúc ở giữa đám núi đá gồ-ghề, tưởng ngay đến cái cuộc đời thanh - tĩnh của một người đạo-sĩ ẩn mình ở chốn sơn-lâm ; hay là vẽ chiếc thuyền con đủng-đỉnh trên mặt nước thời nghĩ ngay đến cái tư-cách an-nhàn phóng-dật của một tay thi-ông mặc-khách nào lấy gió mát trăng thanh làm bạn, câu thần chuốc rượu làm duyên mà vui qua ngày tháng trong chốn sơn-thủy hữu-tình. Chỉ ư trông bức tranh mẫu-đơn, tức nghĩ đến cái vẻ đẹp của người mĩ-nhân; trông bức tranh tùng-bách, tức tưởng đến cái tiết-tháo của người cao-sĩ. Bởi thế nên mắt nhìn mà lòng cảm, vì tựa-hồ như người xem trông qua bức họa mà thấu được tới tâm-tình của người họa vậy. Nay đối với các bức danh-họa của Tây, mình không hề thấy có cái cảm như thế bao giờ. Một người thuần cựu-học mà xem tranh Tây không có cảm gì thì còn có lẽ, chứ mình cũng sở-đắc ở Tây - học ít nhiều mà không biết thưởng-thức cái hay cái đẹp của mĩ-thuật Tây-phương, thì cũng lạ thật. Có lẽ bởi cái óc tối-tăm mà chưa khai-quang được ra chăng ? Hay là bởi con mắt thịt thiếu cái tia sáng về mĩ-thuật? Chẳng hay bởi cớ gì, nhưng trông những bức vẽ đàn-bà trần-truồng thổn-thiện, thịt bắp vai u, thật không hiểu cái ý-tứ của họa-giả thế nào. Nghe người ta cắt nghĩa thì cũng biết vậy ; đọc thấy ở trong sách thì cũng hiểu vậy ; thấy người khen thì cũng khen theo cho khỏi mang tiếng dốt, chứ cứ thực thì chẳng có cảm một chút nào. Có lúc nghĩ lẩn-thẩn những bức họa họ cho là tuyệt-bút kia, giá đáng kể hàng muôn hàng triệu, tưởng giá có người cho để treo nhà cũng không lấy làm thích, vì không hiểu nó là cái gì. Nhiều khi vẫn lấy cái đó làm một điều khuyết-điểm trong sự giáo - dục của mình, mà tự lấy làm băn-khoăn một mình. Vì những cái công - trình mĩ-thuật kia, cả một phần thế giới có tiếng là văn - minh đều công - nhận là tuyệt-phẩm tuyệt-tác, mà mình tuyệt-nhiên không biết cảm-phục, thời chẳng là ngu và dốt lắm dư ? Cũng biết thế, nhưng không thể làm sao được, thời thà thú thật rằng ngu và dốt còn hơn là miễn-cưỡng mà a-dua. Song xét cho cùng ra thì có lẽ là bởi cái tinh-thần của Đông Tây khác nhau, thuộc về đường học-vấn, đường nghĩa-lý thời sự mâu-thuẫn ấy còn có thể giải-quyết điều-hòa được, chứ thuộc về đường mĩ-thuật, đường cảm-giác thời sự mâu-thuẫn ấy lại càng biểu-lộ ra rõ-rệt vậy.

Bởi thế nên sách tây, nghĩa-lý tây ta có thể hiểu được, mà đàn tây, hát tây, tranh tây, ta không bao giờ hiểu được bằng người Tây. Có khi tưởng rằng hiểu, mà xét kỹ ra thật chưa hiểu, vì không có cảm. Lại có khi miễn-cưỡng muốn cảm cho được, nhưng cái cảm đó không cho là thành-thực được. Cho nên mỗi lần thấy có người nhìn bức tranh tây khen là đẹp, nghe bài đàn tây khen là hay, mình vẫn tự hỏi không biết lời khen ấy có quả là thành-thực không? Đông Tây tuy vậy vẫn còn xa cách nhau lắm.

Nhân hôm nay đi xem nhà bảo-tàng *Le Louvre* một lần nữa, nên về mới nghĩ-ngợi lan-man và nghị-luận lông-bông như thế. Trong mấy giờ đồng-hồ, mắt nhìn không biết mấy nghìn bức tranh, mấy trăm pho tượng, thật là bao nhiêu cái tinh-xảo của văn-minh mĩ-thuật Thái-Tây trong mấy trăm năm tích-tụ cả lại đây, nhiều cái cũng biết là đẹp, cũng phục là khéo, nhưng thật chưa được hiểu rõ cái tinh-thần nó thế nào.

Khi xem xong ra về, mua mấy pho sách về nghề họa và nghề chạm của nước Pháp (sách bán ngay trong nhà bảo - tàng) và một hộp *cartes postales* chụp ảnh những tranh và tượng đẹp nhất trong viện này. Bao giờ về nhà rảnh thì giở thử nghiên-cứu xem có hiểu được cái tinh-thần của mĩ-thuật Thái-Tây không. Nếu thật không thể cảm được thời có lẽ phải chịu cho cái câu của văn-sĩ nước Anh RUDYARD KIPLING: « Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ gặp nhau được », là phải vậy.

— Ông V giỏi thật. Ít người có cái tài tháo-vát như ông. Nghĩ bọn mình đi chơi ở *Paris*, nếu cứ cuốc bộ thì không đi được mấy tí, mà mỗi bước một lên xe thì hai tiền quá; nhân đọc báo thấy có người có cái ô-tô muốn bán, ông liền mua ngay, rồi làm đơn xin sở tuần-cảnh cho giấy phép cầm máy lấy. Muốn được phép phải cầm máy thử trong mấy nghìn thước, ở nơi đường phố đông-đảo, mà đường phố bên này nguy-hiểm hơn bên ta biết bao nhiêu. Thế mà ông « thi » được, chẳng kém gì các trạng « sô-phơ » bên này. Ông nói rằng mua cái xe như thế, tự mình cầm máy được, thì chỉ phải mất tiền dầu mà đi chơi tiện biết bao nhiêu, nếu xem ra xe tốt dùng được thời khi về sẽ đem về, nếu không tốt lắm thời sau này bán lại cũng không thiệt gì. Cái xe sơn vàng, hiệu *Berliet*, trông cũng ra dáng lắm. Hôm nay mới lau dầu xong, anh em lên xe, dạo chơi phường - phố, nghiễm-nhiên ra một bọn phong-lưu công-tử lắm. Ông chủ cầm máy, một người ngồi bên cạnh trông bản - đồ xướng lên từng phố. Lắm lúc đi đường nọ ra đường kia, vì có ai thuộc đường đâu. Nhưng đi đã không có mục-đích thời đi đâu thì đi, đâu cũng là đi chơi cả. Bọn mình ở nhà ai cũng có công này việc nọ, bước chân ra cửa là có việc phải đi, có nơi phải đến, nay mới biết cái thú đi chơi bông - lông.

Hôm nay đem cả M. B. học - trò trường Thuộc-địa, — sắp quan cai-trị chúng mình nay mai đây, — cùng đi chơi. Đi bâng - quơ một hồi, rồi sau định lên thẳng xóm Mông-mạc, nhưng không phải là chủ - ý thăm các « chị em », vì « chị em » đây — cũng như chị em bên ta, — không có «làm việc» ban ngày, và xóm này giữa thanh-thiên bạch-nhật thường vắng ngắt buồn tênh, chỉ bắt đầu từ 8, 9 giờ đêm trở đi mới thấy đèn như sao sa, người như kiến cỏ, tiếng đàn ánh - ỏi, khói thuốc mịt - mù. Xóm Mông-mạc không phải chỉ là một xóm ăn chơi, lại là một xóm thuyền-thợ nữa. Trừ mấy phố lớn toàn những hàng ăn, hàng rượu, rạp múa, rạp hát, còn thì là những đường giốc

quanh-co, nhà ở cũ-kỹ, vì đây chính như một nơi cao-nguyên ở giữa thành *Paris*, cho nên lên chơi đây gọi là « lên giốc » hay « lên đồng » (*monter vers la Butte*). Ở chỗ cao nhất có dựng một tòa nhà thờ tên là *Basilique du Sacré-Cœur* (Nhà thờ Quả-tim thánh», kiểu *romano-byzantin*, trông rất là vĩ-đại, xây ngoài bằng cương-thạch, trong bằng cẩm-thạch, lại lòng những kinh vẽ rất lộng-lẫy, dài một trăm thước, rộng 50 thước, trên có cái mái tròn cao 60 thước và cái gác chuông cao hơn 90 thước. Nhà thờ này bắt đầu làm từ năm 1875 bằng tiền của thập-phương cúng, mãi đến năm 1921 mới xong. Trèo lên trên gác chuông thời gồm được toàn-cảnh thành *Paris*, trông vùng ra bốn bề được tới 50 cây-lô-mét. Quả chuông đây có tiếng là to nhất nhì trong thế-giới, đúc năm 1895, nặng tới 1 vạn 7 nghìn 7 trăm 35 ki-lô. Trước mình vẫn tưởng rằng các nhà thờ lớn là lối kiến-trúc đời xưa, nhất là đời Trung-cổ, thiên-hạ có lòng sùng đạo hơn bây giờ, không ngờ ngày nay lối ấy cũng còn thịnh-hành mà giữa thế-kỷ thứ 19 người Tây-phương còn có đủ lòng tín-ngưỡng mà dùng tới năm-mươi năm trời, mấy trăm triệu bạc để dựng nên một nơi giáo-đường vĩ-đại như thế này. — Hôm nay là ngày chủ-nhật, thập-phương đến lễ đông lắm; bước chân vào trong nhà thờ thấy người đứng chật ních cả, phần nhiều là những hạng bình-dân, người lao-động, tiếng đọc kinh, tiếng cầu nguyện, tiếng chuông đánh, om-om như trong một cái đồng lớn, mà ở giữa bàn thờ hàng nghìn cây bạch-lạp lấp-lánh trong xa-xa. Coi cũng có cái vẻ uy-nghiêm thật.

Ở nhà thờ ra trong bụng vơ-vẩn, nghĩ rằng người ta ở đời có sống là có khổ, cho nên tôn-giáo nào cũng bày phương cứu-khổ cho loài người. Xem như những bọn làm ăn lam-lũ này, đầu tắt mặt tối cả ngày, chiều đến vào cầu ở nhà thờ cũng quên được nỗi lao-khổ đi ít nhiều, và mong rằng đời này khổ đời sau có lẽ được sướng hơn. Lòng tín-ngưỡng là cái của quí của loài người, người nào đã mất lòng tín-ngưỡng thời cũng nên tự tiếc cho mình mà trông thấy kẻ khác có tín-ngưỡng, dẫu sự tín-ngưỡng ấy biểu-lộ ra ngoài một cách thật-thà nữa mặc lòng, cũng không nên đem lời gièm-pha báng-bổ. Nhân sực nhớ đến chiều ngày 30 tết năm nọ, hàng phố đã đóng cửa, các nhà đã lên đèn, pháo đã bắt đầu nổ lác đác ở vài nơi, chợt đi qua trước một cái miếu nhỏ ở phố kia, thấy một người đàn-bà quần nâu áo vải đương cầm mấy nén hương lum-khum vừa khấn vừa vái, khấn một cách thiết-tha và nói to như người kêu trước cửa quan: « Tâu lậy đức Thánh-mẫu, thân con cực-khổ trăm đường, nay là tối ba-mươi rồi, chạy chợ cả ngày không được mấy hào bạc mà chồng ở nhà chỉ cờ bạc rượu chè, tối về không có tiền cho nó thì nó đánh nó chửi. Tâu lạy Thánh-mẫu, xin Thánh-mẫu phù-hộ cho chốc nữa về nó đừng hành-hạ, để cho con vải con được yên trong ba ngày tết... » — Tự đó thấy những sự lễ-bái trong dân-gian, không dám làm mặt kẻ cả cao-thượng mà bĩu miệng chê-bai nữa, biết rằng sự tín-ngưỡng là cái thuốc giải-phiền cho người đời...

Chung quanh nhà thờ rặt những đường phố ngúc-ngoắt, chỉ những lên giốc xuống giốc hoài, mà nhà cửa coi ra dáng cổ lắm, xe ô-tô phải gửi một lão chủ quán ở tận dưới phố xa kia, vì không thể nào trèo lên được, giốc hơn là giốc Tam-đảo.

Cạnh nhà thờ có một bức tượng đồng, hình một người võ-sĩ phải chịu tội, đến gần xem thì thấy đề rằng: « Tượng võ-sĩ DE LA LARRE, năm 1766 bị Giáo-hội làm tội ở thành *Abbeville*

vì đi trước một đám rước đạo không ngả mũ chào. » Hỏi ý cái tượng ấy làm ra là bởi thế nào thì ông B. nói rằng tượng này là do một phái dân sở-tại đây không tin sự lễ-bái, muốn tỏ ý phản-đối việc lập nhà thờ, bèn cũng quyên tiền dựng ngay cạnh đây, cho thiên-hạ biết cái thói chuyên-chế độc-ác của giáo-hội xưa nay vẫn hay bách-hại những người không tin đạo mình. Ở nước tự-do có khác, tư-tưởng gì cũng có cách biểu-lộ ra được.

Khi quay xe về có rẽ vào một nơi để là « nhà thị-sảnh » (*mairie*) mà trông ra dáng tồi-tàn, không phải như các nhà thị-sảnh khác. Sau mới biết nhà thị-sảnh đây không phải là nhà thị-sảnh chính-thực, chính là một nhà thị-sảnh « hoạt-kê ». Người Mông-mạc đây có tính hiếu tự-do và thích khôi-hài, cho nên hay làm nhiều chuyện kỳ-khôi, không phải là phản-đối với quan-quyền, nhưng có ý nhạo-báng quan-quyền. Cho cách cai-trị của nhà nước là phiền, một bọn hiếu-sự bèn rủ nhau tuyên-bố xóm Mông-mạc độc-lập, đặt làm một « chợ tự-do » (*commune libre*), cũng bầu thị-trưởng, cũng đặt thị-sảnh, cũng có hội-đồng, cũng có phần việc, nhưng nhất-thiết làm trái nhà nước cả, để làm một chuyện chơi đùa. Nhà « thị-sảnh » đây tức là nơi họp-tập của bọn hoạt-kê hiếu-sự đó. Gần đến nơi chỉ nghe thấy những tiếng kèn nói, tiếng người say rượu hò-hét và đập bàn đập ghế om-sòm. Thấy vậy, bọn mình đều lùi ra cả. Nghe nói trong nhà có cuộc đấu-xảo, bày những tranh vẽ của các tay tài-tử « nghèo đói » ở trong xóm để bán lấy tiền lập một kho trử-kim cứu giúp cho họ, nhưng thấy các tài-tử to tiếng quá không dám vào. Định bữa nào vào chơi đây phải đánh cái « cát-két » lệch, đeo cái « cà-vạt » nghiêng, và tập lấy cái giọng lè-nhè be-bét như anh em, thời mới thật là hợp-cách. Biết đâu đấy ? Nếu có thì-giờ ở lâu bên này, có lẽ cũng có ngày thí-nghiệm một phen như thế; cũng là một cách khảo-cứu phong-tục vậy.

Gần bảy giờ tối mới đánh xe về trọ.

Thứ hai, 28.

Hôm nay Hoàng-Thượng cùng quan SARRAUT đến thăm nghĩa sĩ-từ ở *Nogent-sur-Marne*. Sẵn có ô-tô, anh em cũng đánh bộ « gia-két », đội mũ « mơ-lông » chạy xe về *Nogent* xem lễ. Quan nguyên học-chính GOURDON làm hội-trưởng hội « Đông-Pháp Kỷ-niệm » (*Le Souvenir Indochinois*), diễn-thuyết chúc mừng, Hoàng-thượng đáp lại mấy câu, chắc là những lời hùng-biện cả, nhưng đứng xa chẳng nghe thấy chi hết. Xong rồi Hoàng-thượng vào thắp hương trong đền, ra đặt vòng hoa sắt ở cái đài Kỷ-niệm những chiến-sĩ theo đạo Thiên-chúa ở ngoài vườn, dạo quanh vườn một lượt, rồi lên xe, vua quan trẩy về *Paris* hết.

Còn chúng mình ở lại rẽ vào *Joinville le Pont* tìm mả một người học-sinh An-Nam ở nghĩa-địa làng. Người ấy có cha mẹ ở Nam-kỳ viết giấy nhờ ông V. có đi qua đấy thì vào thăm. Ai ngờ chốn nhà quê xa-xôi ở nước Pháp này mà cũng có nắm xương của con em Nam-Việt. Cậu này sang học đây năm trước, chẳng may bị bệnh chết. Hội *Alliance française* tống-táng hẳn-hoi, rồi sau đem di-hài vào đây chôn cùng với mấy anh em học-sinh người Bắc nữa. Mả xây kiên-cố lắm, trên có tấm đá trắng khắc đủ tên tuổi rõ-ràng. Các cậu là những bậc thanh-niên tuấn-tú của nước nhà, vì ham tân-học mà bỏ cửa bỏ nhà, lìa cha lìa mẹ, sang du-học tận đây, mong rằng chóng được tốt-nghiệp về nước đem tài-học mà thi-thố cho ích-quốc lợi-dân, chẳng may nắm xương đất khách, ngọn cỏ rầu-rầu, khiến cho kẻ đồng-

bào lạc bước đến đây, luống những ngậm-ngùi. Nhưng các cậu dù thác mà cũng có công với nước: các cậu là kẻ hi-sinh cho sự học mới vậy. Hồn có thiêng xin phù-hộ cho các anh em du-học sau này học-hành được tấn-tới.

(*Còn nữa*) P. Q.

XÉT VỀ NGUYÊN-DO SỰ HỦY-BẢNG

(*Dịch bài* « Nguyên-hủy » *của Hàn Dũ nhà Đường*)

Trong bài khai-giảng khoa Hán-Việt-Văn-chương ở trường Cao-đẳng của Phạm chủ-bút đăng trên kia, có nói rằng cổ-văn Tàu cũng như cổ văn Hi-lạp La-mã có một cái đặc-sắc mà văn-chương đời nay ít có, là dùng nét bút rất giản-dị mà tả được những tính-tình thiên cổ của loài người, dẫu thời-thế biến-thiên, xã-hội cải-cách, mà đời nào nước nào cũng thấy giống, thấy hệt như thế, cho nên văn-chương cổ-điển chính là một cái lợi-khí cho sự đức-dục, trí-dục của người đời.

Thật thế, nhiều khi đọc một bài văn cổ thấy như vẽ ra một hạng người trong xã-hội, tưởng giả có thể vạch mặt chỉ tên được rõ-ràng, không thể không cảm-phục cổ-nhân có con mắt sáng-suốt và ngọn bút rạch-ròi đến như thế. Gần đây tôi có đọc văn Hàn Dũ, thấy nhiều bài thật là thiên-cổ kiệt-tác, Không kém gì những văn cổ-điển của Tây-phương. Nay xin dịch một bài « Nguyên hủy » 原毀, nghĩa là « Xét về nguyên do sự nói xấu người » như sau nay để cống-hiến các độc-giả.

Xét Hàn Dũ 韓愈 người Đường, người đất Nam-dương 南陽 thuộc Đặng-châu 鄧州 (tỉnh Hà nam bên Tàu bây giờ). Tên tự là Thoái-chi 退之. Tính người lanh-lợi sáng-suốt, mà đức-hạnh kiên-chính. Đỗ tiến-sĩ, làm quan đến thị-lang Bộ Lại. Ở triều ngang-trực, không nể-sợ ai. Về đời Đức-tôn 德宗 (780-805), theo lục cũ đặt chợ ở trong cung, giao cho bọn hoạn-quan làm chủ, bọn này thừa-thế lấy đồ ngoài hàng phố, trả rẻ người ta, nhân-dân ta-thán. Ông dâng sớ vua, phản-đối sự đặt chợ trong cung. Lại đời Hiến-tôn 憲宗 (806-820) nhân vua sai sứ ra đất Phượng-tường để đón lấy bộ xương Phật đem vào trong Cấm, ông cũng dâng biểu hết sức can. Hai lần đều bị biếm cả. Ra làm quan ngoài, chính-sự tốt. Kì làm thứ-sử Triều-châu, được dân cảm mến lắm. Niên-hiệu Trường khánh 長慶 (821-824) ông mất, thọ được 57 tuổi, được tặng Lễ-bộ Thượng-thư, tên thụy là Văn 文. Tiên-tổ trước ở đất Xương-lê 昌黎, cho nên về niên-hiệu Nguyên-phong 元豐 đời Tống, được truy phong là Xương-lê-bá, và đời sau thường gọi ông là Hàn Xương lê.

Ông sinh được ba tuổi thời mồ-côi, theo người anh con nhà bác tên là Hội bị biếm ra làm quan ngoài lĩnh-biểu. Ông Hội chẳng may mất, bà chị dâu họ Trịnh nuôi. Ông tự thủa nhỏ đã biết đọc sách, mỗi ngày nhớ được hàng trăm hàng nghìn chữ, lớn lên thời thuộc cả lục-kinh bách-gia. Văn-chương nước Tàu từ Tư-mã Tương-như, Tư-mã Thiên, Lưu Hướng, Dương Hùng nhà Hán về sau không đời nào là không có những tác-giả xuất-thế. Ông gia công nghiên-cứu các nhà văn trước, thâm-thám cho đến chỗ bản-nguyên, rồi trác-nhiên tự-lập riêng thành một nhà. Những bài của ông như thiên *Nguyên Đạo, Nguyên Tính, Sư thuyết*, lời lẽ rộng-rãi mà thâm-trầm, có thể cùng với Mạnh Kha, Dương Hùng làm bề-lí, mà bổ thêm cho lục-kinh của các cổ thánh-

biến nữa. Nhưng đến cái cách ông dựng ý đặt lời, cái phép làm văn của ông thời thật là không giống người trước, biệt ra một lối riêng. — Bởi ông có tài cao học rộng như thế, nên người đương-thời có kẻ ghen-ghét, đem lời gièm-pha; nhân đó ông mới viết thiên *Nguyên-hủy* dịch sau này. Về sau ông Tô Đông Pha làm bài bia kể rõ tài-đức của ông, những lời dị-nghị mới tắt hẳn.

Lời chú của người dịch

Dịch bài « Nguyên hủy »

Đứng quân-tử ngày xưa, trách mình nặng và nghiêm, trách người nhẹ và dễ; nặng và nghiêm cho nên không trễ-nải, nhẹ và dễ cho nên người ta vui lòng mà làm lành. Nghe đời xưa có ông Thuấn, làm người có nhân có nghĩa. Người muốn cầu được như ông Thuấn, trách mình rằng: « Ông Thuấn là người, ta cũng là người; người được thế mà ta lại không được thế. » Bèn ngày đêm nghĩ-ngợi, trừ bỏ những cái gì không được như ông Thuấn, mà tìm lấy những cái gì được như ông Thuấn. Lại nghe đời xưa có ông Chu-công, làm người đa-tài đa-nghệ. Người cầu muốn được như Chu-công, trách mình rằng: « Chu-công là người, ta cũng là người; người được thế mà ta lại không được thế. » Bèn ngày đêm nghĩ-ngợi, trừ bỏ những cái gì không được như Chu-công, mà tìm lấy những cái gì được như Chu-công. Ông Thuấn là bậc đại-thánh-nhân, đời sau không kịp được; Chu-công là bậc đại-thánh-nhân, đời sau không kịp được. Người đó bèn nói rằng: «Không được như ông Thuấn, không được như Chu-công, là cái kém của ta vậy.» Thế chẳng phải là trách mình nặng và nghiêm dư? — Nay đối với người thời nói rằng: « Người kia được điều đó, thế cũng đủ là một người khá; người kia làm được thế, thế cũng đủ là một người tài. » Thấy khả-thủ được một điều thời không trách đến điều khác nữa. Xét ở cái mới mà không dò đến cái cũ, bao giờ cũng như nơm-nớp chỉ lo rằng người ấy làm điều hay mà không được hưởng lợi. Một điều hay dễ sửa được; một cái tài dễ hay được. Đối với người bèn nói rằng: «Làm được thế, thế cũng đủ vậy; hay được thế, thế cũng đủ vậy.» Thế chẳng phải là trách người nhẹ và dễ dư?

Bậc quân-tử ngày nay thời không thế. Trách người lại kỹ mà trách mình thời dễ. Kỹ cho nên người khó làm được điều hay. Dễ cho nên lợi cho mình ít. Mình chưa được hay đã nói rằng: « Ta được điều ấy, thế cũng đủ vậy. » Mình chưa có tài đã nói rằng: « Ta làm được thế, thế cũng đủ vậy. » Thành ra ngoài dối người mà trong dối mình, chưa được cho mình mấy tí mà đã thôi. Thế chẳng phải là trách mình dễ lắm dư? Nay đối với người thời nói rằng: « Người ấy tuy làm được thế, nhưng người không đủ khen; tuy được điều ấy, nhưng việc không đủ phục. » Phải một điều khuyết thời bày ra, mà được mười điều hay không kể đến; xét việc cũ mà không tính việc mới, chỉ những lo sợ người ta lại có tiếng hơn mình. Thế chẳng phải là trách người kỹ lắm dư? Thế gọi là không lấy chúng-nhân đãi với mình, mà lấy thánh-nhân vọng cho người. Ta chưa từng thấy cách đó là cách tôn mình vậy. Tuy-nhiên, kẻ làm thế, cũng có bởi cớ gì mới làm, là bởi lười-biếng và ghen-ghét vậy. Lười cho nên không sửa được mình, ghen cho nên sợ người hơn. Ta đã từng thí-nghiệm vậy. Ta thử bảo chúng rằng: « Anh Mỗ là người khá; anh Mỗ là người khá. » Kẻ nào cùng ứng với ta, là tất cùng người ấy có tình thân-thiết; không thời là kẻ sơ-viễn, cùng người ấy không có lợi-hại gì;

không thời là sợ. Nếu không thể thời kẻ hung-hăng tất nổi giận ra lời nói, kẻ nhu-nhược tất nổi giận ra sắc mặt. — Lại thử bảo chúng rằng: «Anh Mỗ là người xấng, anh Mỗ là người xấng.» Kẻ nào không cùng ứng với ta, tất là cùng người ấy có tình thân-thiết; không thời là kẻ sơ-viễn, cùng người ấy không có lợi-hại gì; không thời là sợ. Nếu không thể thời kẻ hung-hăng tất hớn-hở ra lời nói, kẻ nhu-nhược tất vui-vẻ ở sắc mặt. *Bởi thế nên làm nên thời hay có người gièm-pha, đức cao thời hay có kẻ báng-bổ. Than ôi! làm kẻ sĩ ở đời này mà muốn cho danh-dự được sáng, đạo đức được tỏ, thật là khó lắm.* Kẻ bề trên muốn trị nước, nghe lời ta nói mà theo thời nhà nước có thể ngõ-hầu trị vậy.

∴

Lời bình của các nhà

Lâm Tây-Trọng nói rằng: — Xưa nay những kẻ nói xấu người, trong bụng đều là muốn để tự-tôn mình. Xét ra cái thói thử-kỷ trách-nhân, khoan với mình, nghiêm với người, làm cho đạo-đức ngày một ô-hạ, mà chưa từng xét được cái nguyên-nhân của nó thế nào. Nay bài văn này kết bằng hai chữ: *đãi* và *kỵ*, nghĩa là lười-biếng và ghen-ghét, có thể nói là đã suy được đến chỗ chí-ẩn, vẽ được hết cái vẻ nhân-tình ác-bạc vậy. Là bởi ông bình-nhật làm việc gì cũng bị kẻ gièm-pha, nên mới làm ra bài này. Tôi đi trong thiên-hạ đã mấy lần, hễ thấy người có tài văn-nghệ, tất có kẻ chê về đức-hạnh; thấy người có tính đôn-hậu, tất có kẻ bới sự âm-tư; kịp đến khi văn-chương công-bố ra, không thể nghị-luận được, thời lại có kẻ chê rằng tổ-tiên có ác-tích. Thật không chịu cho trong thế-giới có một người nào là toàn-nhân. Tôi bèn thử xét những kẻ hay nói xấu người ấy xem thế nào, thời thấy tất là những kẻ văn-nghệ không thông, hạnh-kiểm khuy-khuyết, hay là những kẻ có sự âm-tư không thể cáo với người, hay là những kẻ tổ-tiên tích-ác đã rõ-ràng trong tai-mắt người ta vậy. Cứ lấy lời họ nói mà định cái nhân-phẩm của họ, thật trăm người không sai một người. Đọc ba câu kết bài văn trên kia, tưởng không những muốn cho kẻ bề trên biết dương nghe lời, mà lại muốn vị kẻ bề trên định cái phép xét người vậy. Cho nên nói rằng nhà nước có thể ngõ-hầu trị được, không phải là nói ngoa vậy.

Vương Niệm-ôn nói rằng: — Suốt cả thiên này đều dùng lối bài-ngẫu, duy có chỗ kết là dùng lối câu một để thu-thúc lại. Mao Lộc-môn nói rằng tự Tần Hán không có lối văn ấy và chính ông Xương lê đặt ra trước. Tức là bắt đầu lối bát-cổ về sau này. Bài văn này tả-mạc nhân-tình, hình-dung khốc hệt, như đúc đỉnh đồng để khắc hình vật, đốt sừng tê để soi giống quái. Đại-đề là lấy một chữ *kỵ* (ghen-ghét) làm căn-nguyên cho chữ *hủy* (nói xấu), mà nặng với nhẹ, nghiêm với dễ, là chi-diệp của chữ *hủy* vậy.

Hoàng Phủ nói rằng; — Đạo trời theo năm tháng mà sai đi; nhân-tình cũng theo năm tháng mà bạc đi; Nhưng người có chia ra kim cổ, mà trời không phân ra cổ-kim là làm sao? Không biết rằng thiên-số có sai, nhưng thiên-đạo không hai: nhân-tình đều thiện mà nhân-tình bất-thường. Thế cho nên trời không biến mà người biến luôn. Càng biến mà càng ngày lại càng thấp đi vậy. Bởi thế nên ông Văn-công (tức là ông Hàn Dũ) mới có cái cảm người đời xưa với người đời nay không bằng nhau.

HỒNG-NHÂN *dịch*

XÉT TÂM-LÝ NGƯỜI THÔN QUÊ BẰNG NHỮNG CÂU HÁT(1)

Thưa các Ngài,

Lần trước tôi hầu chuyện các ngài về một vấn-đề giáo-dục, đã được các ngài tỏ lòng yêu, nhưng đầu bài khí nghiêm - khắc một chút, có lúc ngồi nghe chắc cũng chối tai. Hôm nay tôi lại được hân - hạnh tiếp chuyện các ngài nữa, xin chọn một đầu bài có vẻ êm - ái nhẹ - nhàng mà có lẽ vui câu chuyện hơn.

Các ngài vừa dự tiệc trong một nơi quạt máy đèn điện trang-hoàng, hưởng cái thú phong-lưu thành - thị. Bây giờ tôi xin mời các ngài quá-bộ dạo chơi ở chốn thôn-quê, vơ-vẩn ở bên ruộng lúa vườn rau, ngồi gốc cây đa, uống bát nước vối, hút điếu thuốc lào, phảng-phất nghe vài câu hát ở bên bờ sông bay lại, hay ở dưới ruộng lúa đưa lên. Nghe câu hát đó mà ta thấu đến cảnh-vật chốn hương-thôn, xét được tình-tình một hạng người cốt-yếu cho nông-nghiệp ta mà ta hay khinh-thường rẻ-rúng ; một hạng người đầu tắt mặt tối, khố rách áo mang, công-lao nhiều mà hưởng - thụ ít, bẩn-phận lắm mà lợi-quyền không ra gì.

Thưa các ngài, ấy là câu chuyện tôi định nói hầu các ngài tối hôm nay, câu chuyện : « Xét tâm-lý người thôn-quê bằng những câu hát ». Bấy lâu nay dân nông-phu bị cơ-cực về nước lụt, ngày nào cũng có tiếng khóc giọng than, tưởng nói vài câu về tình-trạng chốn thôn - quê không phải là vô-ích vậy.

Tại sao người ta có thể xét tâm - lý người thôn-quê bằng những câu phong - dao, là vì những câu hát đó tức là cái gương phản - chiếu nội-diện của tình-tình thổ-lộ ra ngoài ; tức là một thứ tiếng kêu, tiếng khóc, giọng vui, giọng buồn của thất - tình mà ra. Cái hiện-trạng ngoại - giới đó không bị những lời văn hoa - mĩ che đi, nên thành - thực, rõ - ràng. Trong lòng lay-động thế nào bật ra thế ấy. Người nhà quê đặt ra câu hát không phải là các văn-gia thi-sĩ, phải kén câu văn mà tỏ ý mình, phải bọc mối cảm-tình hoặc ý-tưởng vào trong một cái vỏ đẹp. Đã đành rằng những nhà làm văn, có cảm thật thì mới viết được câu văn thánh-thót thâm-trầm, nhưng có khi nhà làm văn vì ngọn bút luyện quá mà không cảm-xúc cũng viết được văn. Có khi viết một câu văn ra chưa chắc trong lòng đã cảm-động, mà làm cho người sau xem đến tốn bao nhiêu nước mắt vì thương hão khóc huyền. Vì trên ngọn bút văn-gia hình như đã xếp sẵn những lời-lẽ vẫy ra là động lòng người. Cũng như lắm nhà hùng-biện có lúc trong lòng chưa chắc đã cảm, thế mà lời ông luyện, nên ông đứng trước trăm nghìn con người, ông làm cho người ta có khi rơi lụy, vì ông xảo-ngôn.

Những người đọc ra câu phong-dao thì không thế. Tôi đã nói họ không phải là những người làm « nghề » văn hay « nghề » nói.

Họ do cái sức lay động của tình-cảm mà ra.

Một anh thợ cầy, sáng sớm mai dậy giắt con trâu ra đồng, thấy vầng đông mới mọc, chim hót ve kêu, cảnh-vật như chào đón. Cảm cảnh mà không biết mình cảm, vì không phải là văn-sĩ thi-gia gì, chỉ thấy trong

(1) Bài diễn-văn đọc ở Hội Tri-Tri Nam-định ngày 14 Octobre 1924.

mình phấn-chấn nhẹ-nhàng, nên ngâm đọc mấy câu; những câu ngâm đọc ấy là những tiếng âm-vang của tinh-tinh, lúc đó bởi trong lòng có hoạt-động mà thành được. Một ông cụ nhà quê thấy một việc gì xảy đến khác việc thường, hoặc dở, hoặc hay, thì nói một câu để chỉ việc đó cho mọi người hay, nên câu nói bởi việc bất-kỳ mà thành được, cũng vì trong lòng có hoạt-động mà nên. Nhiều khi những câu hát là tiếng nói hàng ngày chắp lại, đại-khái như thấy trời không mưa, không có nước làm ruộng, thì kêu lên rằng :

Lạy ông mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cầy,
Lấy bát cơm đầy,
Lấy khúc cá to !

Hay là trời mưa luôn, thì lại kêu :

Lạy ông nắng lên,
Cho trẻ nó chơi,
Cho già bắt rận,
Cho tôi đi cầy.

Thật là không có một tiếng văn-hoa gì, thế mà cũng đủ tỏ ra những lời khấn-nguyện của kẻ nông-phu. Lời khấn-nguyện tức là những điều lòng ao-ước vậy. Những điều ao-ước trong lòng, người khôn-ngoan giảo-quyệt thường không hay thổ-lộ ra, có nói ra nữa cũng nói xa-xôi lất-léo. Thứ nhất những chuyện về ái-tình lại càng kín-đáo. Thế mà người nhà quê lại nói thẳng : một anh đi trên đường thấy một chị cắt cỏ dưới ruộng ; trời đã tối mà gánh cỏ chưa đầy, còn lúi-húi bên bờ ruộng nọ. Nên tỏ tình yêu-mến, nói ngay rằng :

Mặt trời đã xế về tây,
Cô cô cắt cỏ bên đầy bên vơi.
Cô còn cắt nữa hay thôi.
Để tôi cắt với làm đôi vợ chồng.

Giá một bậc người văn-hoa như chàng Kim nói chuyện với cô Kiều, thì dã : « Đài gương soi đến dấu bèo » hay những « chim xanh » « lá thắm », mượn mây tả núi, lấy gió tả mưa. Nhưng anh nhà quê thì thổ-lộ tâm-tình ra một cách thơ-ngây mộc-mạc. Ấy cũng cảnh, cũng tình, cũng tâm-sự, đủ các mối về cảm-giác, nhưng cảnh là cảnh quê, tình là tình thực, mà tâm-sự cũng là tâm-sự thẳng-ngay, cho nên có cái vẻ tự-nhiên đặc-sắc.

Vì thế mà trong những câu phong-dao, tình-ý hiển-hiện chân-thật, có vẻ mộc-mạc quê-kệch mà hay ; hay vì tả được vẻ quê, mà không tục, hay vì tả được tính-chất người Việt-Nam, không thể lẫn với những tính-tình, văn-chương nước khác được, đọc lên thật rõ vẻ thôn quê, hình như đứng trước đồng lúa xanh bát-ngát, hay bên cái nhà gianh thấp-thoáng sau hàng tre, hay là ngắm một cô bé xinh, khoác áo dồi vai, đội khăn mỏ quạ, mặc yếm cổ xây vậy.

Nhưng ta chớ tưởng những câu phong-dao đó chỉ tả những chuyện tầm-thường, những câu nói hẹp-hòi đầu lưỡi. Đọc hết câu hát ở chốn thôn-quê ta có thể ngẫm nghĩ đến những nghĩa-lý thâm-trầm.

Đại-khái triết-lý như câu :

Trống chùa ai đánh thì-thùng,
Của chung ai khéo vẫy-vùng thành riêng.

Câu :

Phong-lưu là cạm trên đời,
Hồng-nhan là bẫy những người tài-hoa.

Đạo-đức như câu :

Đời người muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Câu :

Thân em như giếng giữa đàng,
Người khôn rửa mặt người phàm rửa chân.

Văn-chương như câu :

Vì mây cho núi lên trời,
Vì chưng gió thổi, hoa cười với trăng...

Câu :

Đến đây những suối cùng khe,
Chân sim bóng núi, tiếng ve gọi sầu.

Chung-tình như câu :

Yêu anh cốt rũ xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh.

Câu :

Thân em như tấm lụa đào,
Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai.

(Lụa đào ở nhà quê thì để cả tấm. Chứ lụa đào ở tỉnh-thành bây giờ, nhờ văn - minh mà xé lẻ ra dùng được nhiều việc, thứ nhất là may khăn mù-soa !)

Đó là những câu lời đẹp ý hay, đọc lên ai cũng biết là cao - thượng. Còn có lắm câu lời rất tầm - thường mà ý rất cao-xa. Chắc các ngài ai cũng có nghe trẻ thường hát câu :

Con cò nó đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi vào,
Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng.
Có sáo thì sáo nước trong,
Đừng sáo nước đục đau lòng cò con.

Cò là chim ăn ngày, bởi sa cơ thất-thế phải ẩn núp ăn đêm, nhưng vì duyên - phận hẩm-hiu, lại đậu phải cành mềm, nên mới lộn cổ xuống ao. Vâng, tôi đã sa xuống ao ông, thì xin ông vớt tôi lên, nếu tôi bội-bạc thì ông sáo măng nướng chả tùy-ý, nhưng ông sáo, ông nướng cho tinh-khiết, kẻo tủi phận cò con.

Chuyện là chuyện cò, nhưng ở đời biết bao nhiêu anh-hùng nghĩa-sĩ, cũng chịu một phận hẩm hiu như cò, mà lúc từ-giã cõi trần, còn muốn cho tấm thân trong-sạch, kẻo ngày sau con cháu lau lòng về nỗi ông cha chết ở nước không trong.

Nghe mấy câu hát đó không những có cái thú vui như ngắm ruộng lúa chín, cô bé xinh, mà có vẻ kính-cẩn như trông một ông cụ già đầu bạc râu dài, chống cái gậy lụ-khụ đứng vơ-vẩn trước cái đền, cái miếu cổ ở chốn thôn quê kia.

Thưa các ngài, có một người bạn tôi đã nản cuộc đời lao-động ở chốn phồn-hoa, về vui-thú điền-viên ở nơi thôn-ổ, bàn đến các câu hát nhà quê, có nói chuyện với tôi rằng : « Một « buổi chiều kia, trong khi buồn bực « nghĩ đến những điều thất bại trong « cuộc đời lao-động của mình, nên đi « ra dạo cảnh đồng cho tiêu-khiển, « đứng trên cái cầu tre, ngắm dòng « nước chảy, chợt nghe hát rằng :

Đêm qua chớp bể mưa nguồn,
Hỏi người tri-thức có buồn chăng ai.
Tưởng rằng đá nát thì thôi,
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng.

« Ngửng mặt lên thấy thằng bé cưỡi « trâu thủng-thỉnh ở bên bờ sông kia « vừa dứt tiếng hát. Nó hát một câu « vô-tình cũng như trăm nghìn câu « hát giã gạo, nấu cơm, gánh nước ở « chốn thôn-quê thôi, thế mà đệ nghe « lấy làm hay, làm cảm.

« Phải, đêm mùa hè ra đứng giữa « đồng không mông quạnh mà ngắm « mưa nguồn chớp bể âm - thầm bốn « phương trời, thì buồn thật, nhưng « ai là người trí - thức thì mới biết « cảnh buồn, cho nên chỉ hỏi ai là « người trí - thức nỗi buồn đó mà « thôi. Nhưng buồn thì buồn thực, « mà không có lẽ rũ người ra, vì hòn « đá nát kia tưởng chỉ vất ở góc « tường chân giậu, hình như vô-ích « cho khí-dụng rồi, ai ngờ đem nung « vôi lại nồng lắm. Câu hát ấy làm « cho đệ lại tỉnh-ngộ được lắm chuyện « đời. Lúc ở tỉnh, đệ đã được đi xem « hát, đi cầm chầu, đi nghe bình-văn, « nghe diễn-thuyết. Thế mà không « mấy khi đệ lấy làm hay như câu hát « đó, ở chốn quê-mùa mà ra. »

Thưa các ngài, ấy là lời của bạn tôi bình-phẩm về ý-vị của câu hát đó, tôi cũng nghĩ như vậy, nên từ xưa tôi vẫn lưu-tâm, khi tôi đã thuộc mà ngẫm-nghĩ về những câu hát thì tôi hiểu thêm được tâm-trí và cảm-tình người thôn-quê, tức là phần chính của dân-tộc Việt-Nam ta là một dân - tộc làm ruộng.

Người nhà quê ta làm-lụng cực kỳ vất-vả mà ăn-ở thì rất là xuềnh-xoàng. Ta thử ngẫm xem tình-cảnh mấy bác nông-phu ở chỗ thôn-quê thì hiểu: họ làm việc cả ngày, trên nắng trang-trang, dưới bùn lầm-lội. Có khi nước ngấm đến thắt lưng, cả ngày theo sau con trâu, hết ruộng này sang ruộng khác. Công việc ấy tưởng không mấy dân-tộc lao-khổ bằng. Ngoài đồng là thế, về đến nhà thì mấy túp nhà gianh, vài ba cái chõng, cơm ăn thất-thểu, cà mắm tương dưa, pha ngô chộn khoai, quí-hồ no lòng là được.

Đấy mới thật đúng câu: « Ăn để mà sống ».

Được có bát ăn thế cũng đã khó, đã tốn mất bao nhiêu nước mắt mồ-hôi, cho nên:

Ai ơi, bưng bát cơm đầy,
Giẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần.

Làm ăn khó-nhọc như thế, chỉ để mong lấy được cái sướng về sau, nên:

Rủ nhau đi cấy đi cầy,
Bây giờ khó-nhọc, có ngày phong-lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cầy vợ cấy con trâu đi bừa ...
Công lênh chẳng quản lâu lâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Xin ai đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

Nhưng nhiều khi thấy lúa tốt mà cũng chưa chắc đã được yên lòng, vì mùa-màng chất-chưởng lắm.

Đói thì ăn ráy, ăn khoai,
Chớ thấy lúa tốt tháng hai mà mừng.

Đã không được mừng, mà đêm ngày lại phải lo sợ:

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời trông đất trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm cảnh lặng mới yên tấm lòng.

Vì những tai-nạn bất-kỳ ở nhà-quê quá nhiều: nào đại-hạn, nào vỡ đê, nào dông, nào bão, nhiều khi cánh đồng lúa đương mơn - mởn chứa-chan bao nhiêu hi - vọng của kẻ nông - phu, mà trong vài giờ đồng-hồ đã thành ra một vùng nước đỏ; lại thêm những khi thiên-thời đảo-địa, bệnh nọ tật kia, khi trâu toi bò dịch. Trước cái thế-lực tai-hại của Hóa-công đó, người nhà quê đã trông thấy biết bao nhiêu lần, mà biết bao nhiêu lần cũng chỉ đứng trông, không thể kháng-cự lại được. Chẳng những thế-lực của Tạo-hóa đè - nén không chống lại được, đến cả thế-lực của người cũng phải chịu ép một bề, nào sưu cao thuế nặng, nào quyền-pháp công-môn, cho nên người thôn-quê ở đời chỉ trông thấy những thế-lực áp-chế, những việc không thể chống lại được đó, đã làm cho thành một thói quen mà luyện nên một thứ tính kiên-nhẫn tự-nhiên vậy. Tính này cũng hay mà cũng dở. Hay là vì nhờ đó mà đương được nỗi lao-khổ, chịu khó cấy cầy, nhiều khi dựng lại được cuộc tàn-hại của tạo-vật; dở, là cũng vì đó mà sinh ra một bọn người « đập, đi, bọ, đứng », rất sợ oai-quyền, mà lại quá hám oai-quyền!

Ấy vì lao-động quá mà cái sở-ước bình-sinh là mong cho đỡ một chút khó-nhọc. Như một anh làng cầy muốn « tán » với một cô thợ cấy, hứa những cuộc sung-sướng mai sau, thì chỉ mong khỏi phải chân lấm tay bùn là được:

Có ấy mà lấy anh này,
Chẳng phải đi cấy đi cầy nữa đâu.
Ngồi trong cửa sổ têm trầu,
Có hai con bé đứng hầu hai bên.

Giá một đôi ngọc-bội kim-môn hay hai người phong - lưu thành-thị, mà hứa cuộc trăm năm thì đã mong những chuyện « võng anh đi trước, võng nàng đi sau », hay mong được cô Tham bà Đốc, cửa cao nhà rộng, lương - bổng vai trăm bạc trong tay, lại thêm được cái xe nhà cao - su dạo phố. Nhưng người thôn-quê làm-lụng quá nên cái ước nhỏ thôi, khỏi phải đi cấy đi cầy là khá, được ngồi cửa sổ têm trầu là sướng rồi. Cái điều mong ước nho-nhỏ thế mà cũng ít khi được.

Nếu người ta sống ở đời chỉ thấy đầu tắt mặt tối, không có cái hi-vọng gì thì cuộc đời tất chán lắm, có khi không tưởng đến công việc. Thế mà dân quê ta vẫn vui-vẻ làm ăn, là phần nhiều sống nuôi con mà nối dõi tông-đường, mà giữ nên gia - tộc. Ấy người Nam ta nhiều khi chịu cơ-cực vì thế. Người thôn-quê ta có cái tính kiên-nhẫn chịu vất-vả, mong gây lấy gia-đình mà để hạnh-phúc cho con.

Cái sống của từng người là cái sống cho gia-tộc. Người ở đời bất-quá sớm còn tối mất, cái quãng đời của từng người có được là bao? Chỉ có cái đời «liên-tiếp» nghĩa là cái sống của một gia-đình là vĩnh-viễn, cho nên có thể nối dài cái đời của mình ra được. Cách nối dài đó tức là cách vun-trồng cho kẻ hậu-sinh. Cho nên cuộc hành-động của những người yêu gia-tộc phần nhiều là để mua cho bọn tương-lai một cuộc đời vẻ - vang hơn cuộc đời mình.

Vì vậy mà :

Có con gây dựng cho con,
Gọi là nối đức tổ-tôn dõi truyền.

Ấy cũng do cái lý-tưởng,

Máu gà lại tẩm xương gà,
Máu người đem tẩm xương ta sao đành.

Cho nên giữ lấy nòi giống, biết thương nòi giống, muốn mở-mang cho kẻ hậu-sinh, lấy câu «Con hơn cha là nhà có phúc », làm phải. Ấy là cái lý-tưởng cao xa của tôn - giáo thờ gia - đình.

Cho nên câu :

Khôn-ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Cũng bởi quan-niệm về tôn - giáo gia-tộc mà ra vậy.

Người ta nếu sống chỉ chuộng lấy cá-nhân-chủ-nghĩa, đời là đời ăn sổi ở thì, chắc một dân-tộc khó mà đứng vững được, vì trên không liên-lạc với đời trước, dưới không giằng - buộc với đời sau, chung quanh không trực - tiếp với người đồng - thời, thì người tức là một mảnh ván trôi lênh-đênh trên mặt bể khơi. Đâu mà chẳng là nhà, đâu mà chẳng là nước. Trên mảnh đất, còn sống còn ăn, chết bỏ mặc ai đến hưởng. Chẳng cần gì phải kỷ-niệm, phải giữ - gìn, vì đất nào cũng như đất nào, đối với người ở có tình gì liên-lạc. Cho nên luân-lý gia-tộc của ta là luân-lý hệ-trọng nhất. Nhờ luân-lý đó mà dân-tộc vững - bền, thứ nhất ở chốn hương-thôn cái quan-niệm gia-đình còn mạnh lắm. Cho nên những điều hành-động ở chốn thôn-quê rút lại cho gia-đình cả, như là lấy việc giáo-dục làm cốt.

Đẻ con chẳng dạy chẳng răn,
Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lông.

Cho con đi học là điều cần, mà lấy tình sư-đệ làm hệ, vì :

Muốn sang thời bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Của quí trên đời, học-thức là trọng hơn cả. Lắm tiền nhiều thóc mà không biết chữ thì cũng ít người tôn-sùng.

Chả tham ruộng cả ao liền,
Tham về cái bút cái nghiên anh đồ.

Câu này đủ tỏ cái tính hiếu-học của dân ta.

Đã trọng về giáo-dục như vậy thì cả đời chỉ lo-lắng cho con :

Con tài lo láo lo kiếu,
Con ngu thì lại lo sao kịp người.

Hết việc giáo-dục thì lại đến việc dựng vợ gả chồng, vì muốn gây nên một gia-đình, cốt ở tình phu-phụ, mà việc vợ chồng để nối-giõi tông-đường là việc trọng, cho nên :

Chim khôn đậu nóc nhà quan,
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng,

là lẽ thường của nam-nữ. Vì vậy ở chốn hương-thôn, ái-tình có lắm vẻ rất đằm-thắm, mà những câu phong-dao cầu-nguyện lứa đôi hoặc tỏ tình yêu-mến cũng rất đặm-đà, có vẻ ngây-thơ chất-phác.

Qua cầu dừng bước trông cầu,
Cầu bao nhiêu dịp đa sầu bấy nhiêu.

Lại câu:

Đi qua ghé nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

Câu ví ngẩn - ngơ thật-thà mà thú-vị thay ! Tình mà ví với ngói thì ngây-ngô thật, những người quê trông những mảnh ngói ở đình là đã nhiều rồi, nên cho chữ tình nhiều đến thế là trong.

Lại như câu :

Ước gì sông hẹp một gang,
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.

Cầu mà bắc bằng giải yếm thì cũng êm-ái thật ! Câu nào cũng có vẻ ngây-thơ, ngơ-nghếch, mà lại chứa-chan những chân-tình, vì nghĩ sao nói vậy, nên nhiều lúc thổ-lộ ra lắm ý kỳ-quặc, không phải mượn lời mà che, như khi thương thầm nhớ trộm mà nói đến rằng:

Người yêu ta để trên cơi,
Sắp vàng đây lại để nơi giường thờ.
Đêm qua ba bốn lần mơ,
Chiêm bao thì thấy lại sờ thì không.

Tả cuộc thương yêu thì tưởng thế là chân - tình và rất đúng tâm - hồn người mơ-tưởng.

Cũng có khi nói xa-xôi, nhưng bao giờ cũng có vẻ mộc-mạc buồn cười :

Đại-khái yêu người ta muốn tỏ ra mà lại nói chệnh đi rằng:

Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người,
Một người mười tám đôi-mươi,
Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.

Người thôn - quê ít nói cả thẹn, nhưng trong lòng dấu một mối chân-tình đằm-thắm, chốn phồn-hoa chưa chắc đã hơn.

Lúc mối tình đã kết thì cùng sống thác với tình, dù chẳng biết tả như chàng Kim : « Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời », hay là : « Quyết đem vàng đá mà liều với thân », nhưng cũng ngụ một ý ấy.

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua,
Yêu nhau chẳng quản gần xa,
Một ngày chẳng đến thì ba bốn ngày...
Sông sâu cá lội mất tăm,
Chín tháng cũng đợi mười năm cũng chờ !

Ái-tình đã đằm-thắm như vậy, thì lòng nhớ thương lai-láng bội-phần, nên những câu tỏ nỗi nhớ thương lại càng não-nùng lắm :

Nhớ ai em những khóc thầm,
Năm thân áo vải ướt đầm như mưa.
Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai ?
Nhớ ai cơm chẳng buồn ăn,
Hồ bưng lấy bát lại dần xuống mâm.

Nhưng lòng nhớ tưởng đó bởi cảnh-vật mà xui nên nhiều.

Giá một khách văn-nhân, một vị khuê-các mà thương nhớ thì ngày giở thơ, đêm giở ảnh, thổn-thức bên cái màn đào, nửa vắt nửa buông, nhưng thôn quê thì biết đâu viết thơ, làm gì có ảnh, chỉ trông bờ sông khi tiễn-biệt, nhớ bãi cỏ lúc chuyện-trò, hoặc gặp nhau trên miệng giếng khơi, quen nhau bên bờ ruộng lúa, nên khi xa cách trông cảnh mà động tình, thấy dấu tích nên lòng tơ vương-vít :

Thà rằng biệt-tích chi đồ,
Càng trông thấy cảnh thấy chùa càng thương.
Ra về nhớ chợ ta chơi,
Nhớ sông tắm mát nhớ người tình chung.
Ra về nhớ nước giếng khơi,
Nhớ điếu ăn thuốc nhớ cơi ăn trầu.
Ra về giã nước giã non,
Giã người giã cảnh kẻo còn nhớ-nhung...
Quốc kêu rắc rắt bên ngàn,
Gà rừng xao-xác gọi con tha mồi.
Lạnh-lùng thay láng diềng ơi !
Láng diềng lạnh ít sao tôi lạnh nhiều ?

Lòng thương nhớ đó hoặc có khi ra đứng trông trời, ở chỗ đồng không tịch-mịch, ngắm những ngôi sao vằng-vặc, trên đám tít-mù, mà lòng tơ bát-ngát, vì cảnh-vật âm-thầm thường hay làm cho cảm-tình lay động, nhất là về mối ái-tình, nên thổ-lộ ra những câu chan-chứa :

Nửa đêm giở dậy trông trời,
Ông sao bên bắc đã rời sang đông.
Nước hồ lai-láng mênh-mông...
Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn trông sao sao mờ.
Buồn trông chênh-chếch sao mai,
Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ.
Buồn trông con dện chăng tơ,
Dện ơi dện hỡi, mày chờ mối ai.
Đêm đêm tưởng giải ngân-hà,
Chuôi sao tinh-đẩu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tạo-khê nước chảy hãy còn trơ-trơ.

Thứ ái-tình vì cảnh-vật thiên-nhiên mà mãnh-liệt, nhiều văn-gia thi-sĩ đã xét đến nơi. *Paul et Virginie* của BERNARDIN DE ST PIERRE *Atala* của CHATEAUBRIAND chẳng phải là mấy khối tình-chung vì cảnh-vật mà kết lại sao ?

Vì vậy ta chớ nên tưởng lối phong-tình đó là dâm-tình, không phải thứ tình điên-đảo để cầu những cuộc thỏa-thích như ở chốn phồn-hoa bây giờ, nhờ được văn-minh mà người sinh ra tinh-quái, khéo dùng các mối tình-cảm để thủ lợi cho mình, mà sinh ra cái tôn-chỉ « chơi để mà chơi. » Người thôn-quê dan-díu phần nhiều ở tại quan-niệm gia-đình, quan-niệm lấy chồng lấy vợ, quan-niệm đó đối với họ có cái vẻ thiêng-liêng. Bao nhiêu câu chuyện ái-tình chỉ rút lại ở chữ trăm năm là hết.

Lòng em đã quyết thi hành,
Đã cấy thì gặt với anh một mùa...
Chắc như lời ấy chớ sai,
Tháng giêng đẵn gỗ tháng hai làm nhà,
Tháng ba ăn cưới đôi ta...
Tay cầm cái kéo con giao,
Chọc trời, vạch đất lấy nhau phen này.

Ở chốn thôn quê ái-tình đằm-thắm như vậy, mà ta ít thấy những cuộc thô-bỉ vì tình, hay những chuyện lừa đôi lừa đảo, cho đến chuyện chữ ! « liễu nẩy nét ngang » cũng hãn-hữu.

Thưa các ngài, tôi đã nói, ấy cũng bởi luân-lý chốn thôn-quê còn nghiêm-nhặt mà cái quan-niệm về tôn-giáo gia-đình rất sâu, cho nên một cô con gái lúc đã đến tuổi lấy chồng, chứa-chan bao nhiêu là hi-vọng, là những chuyện vui mừng, lúc mới được thành gia-thất, những điều hăm-hở đó cũng chẳng được bao lâu. Bước chân về nhà chồng đã phải bắt-buộc vào việc nội-trợ khó-khăn nặng-nề của đàn-bà Nam-Việt ta, vì :

Có con lo liệu cho con,
Lấy chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.

Các cô cũng biết vậy, biết ngay từ lúc mới bước chân ra khỏi nhà cha mẹ, biết vậy mà vẫn điềm-nhiên cho là một điều phải có. Không những các cô tự trông gương chị em đi trước mà chính lúc xuất-giá tòng-phu bác mẹ cũng đã bảo rồi :

Con gái mẹ ơi, mẹ bảo đây này,
Học buôn học bán cho tầy người ta.
Con đừng học thói chua-ngoa,
Họ-hàng ghét bỏ người ta chê cười.
Dù no đủ đói cho tươi.

Khoan ăn bớt ngủ là người lo-toan.
Phòng khi đóng góp việc quan,
Đồng tiền bát gạo lo toan cho chồng.
Trước là đẹp mặt cho chồng,
Sau là họ-mạc cũng không chê cười.
Con nên nhớ bấy nhiêu lời.

Vậy thì việc nhà chồng là việc quan-hệ nhất trong đời người con gái, cho nên

Tay mang khăn gói qua sông,
Mẹ kêu, lạy mẹ, thương chồng phải theo.

Đã theo thì thế nào cũng theo, theo mà giúp đỡ cho chồng, gánh vác cho chồng, không phải là chực cầu lấy cái phú-qui.

Đi đâu cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu lạnh-lùng thiếp cam.

Thật là cảnh chịu khó thương chồng, âu-yếm chứa-chan, những nguồn ân bể ái. Vẫn biết khổ mà vẫn chịu khổ, không tìm cách mà rẫy cái khổ ấy ra. Đàn-bà ta có một tính kiên-nhẫn rất đáng khen. Chịu khổ một cách can-đảm âm-thầm, dù có đôi lúc quá cực mà phàn-nàn thì chỉ

Ru con, con ngủ cho rồi,
Mẹ ra chỗ vắng mẹ ngồi than thân

mà thôi, không có cái lối toang-hoang cửa nhà, hơi một chút đã đưa ra tòa án để đòi lấy quyền-lợi như ở cái thời-đại văn-minh bây giờ.

Xem như một câu sau này đủ tỏ ra cái tính nhẫn-nại của một người đàn-bà gặp phải đức ông chồng hư.

Chồng em nó chẳng ra gì,
Tổ-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang.
Nói ra xấu thiếp hổ chàng,
Nó đánh nó chửi toang-hoang cửa nhà.
Nói đây có chị em nhà,
Có giám bát gạo có và lạng bông
Tôi bán đi trả nợ cho chồng,
Cơm ăn hết nhịn cho hằng lòng chồng con
Đắng cay ngậm quả bồ-hòn,
Nói ra xấu hổ chồng con ra gì.

Gặp phải chồng phá-gia như vậy mà nói ra chỉ sợ xấu chồng, thôi thì còn bát gạo lạng bông của riêng trong nhà, đành đem bán nốt, trả nợ cho chồng được êm-thấm. Đắng-cay đành ngậm bồ-hòn mà chịu.

Cảnh gia-đình này chả phải là chốn thôn-quê mới có, ở chốn thị-thành, những bậc có chức-phận trong xã-hội mà cũng thấy lắm cảnh bi-ai. Nên nhiều bà vợ đã gan héo ruột mềm vì « chồng em nó chẳng ra gì ».

Gia-đình ta cốt ở người đàn-bà, vì đàn-bà nước ta phần nhiều cáng-đáng công việc trong nhà hết thảy, nào đỡ chồng khi đi thi, nuôi con khi đi học, nào đóng góp việc làng, nào thuế vua sưu nước, phần nhiều ở trong tay một người vợ xoay, để chồng còn xôi kinh nấu sử, họa may có rồng mây gặp hội, cho nên:

Con rế nó rạch lên phên,
Uốn tay cho mềm dệt vải cho ngoan.
Lấy tiền đi đóng việc quan cho chồng.

là việc thường của các bà vợ.

Rồi

Hết gạo thiếp lại gánh đi,
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao.
Hỏi thăm đến ngõ thì vào,
Tay cất gánh gạo miệng chào khoan-khoan.

Việc tải lương cho chồng đi học nhiều khi cũng cơ-cực.

Nên

Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ-non.

Tình - cảnh ấy lấy đâu cho người đàn - bà vui - vẻ, điểm - trang để làm những bức tranh đẹp tô-điểm cuộc đời lao-động chông gai của đàn-ông được.

Một ngày hai bữa trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn hở anh ?
Một ngày hai bữa cơm đèn,
Lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng ?

Không răng đen, không má phấn, không đẹp không giòn thì nhiều khi các ông lại chán cảnh nhà ưa cảnh mượn để tìm lấy được cái « răng đen », cái « má phấn », cái «đẹp», cái «giòn».

Vì

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng.

Mà lấy câu:

Trai làm nên nằm thê bảy thiếp,
Gái làm nên thủ-tiết thờ chồng.

mà tự thú lỗi cho mình trong khi « hoa thơm hái cả cụm ».

Cho nên trong buồng điều có câu oán-hận:

Ai làm nên nắng nên mưa,
Ai làm mít chín cho dưa nhạt lòng ?
Ai làm cho cải lên vồng,
Cho dưa hôi khú cho chồng em chê ?

Nhiều cảnh lại còn bi-ai hơn nữa, như lúc phụ nghĩa quên tình. Khi hàn-vi thì có nhau mà lúc phú-quí thì bỏ lửng:

Ngày xưa anh bảng anh bẩo,
Tay mang chén thuốc tay đèo mũi chanh.
Bây giờ anh khỏi anh lành,
Anh ăn duyên mới anh tình phụ tôi.

Thật là:

Đắng cay dạ thiếp khi xanh mặt,
Mới cũ lòng chàng lúc đỏ da,

là đúng lắm.

Có người nói đàn - bà ta sở-dĩ chịu được nỗi cơ-cực này là bởi không có học-thức, không biết nữ-quyền; cũng có lẽ thế, nhưng tôi thiết - tưởng những người mẹ hiền vợ thuận ngày xưa có một thứ tính-tình cao-thượng hơn cái học-thức đó, là tính biết chịu thiệt mình cho chồng con, cho gia-tộc. Người đàn-bà thường chỉ mong lấy điều hòa-thuận trong gia-đình, vì cảnh hòa-thuận đó có ảnh-hưởng sâu - xa cho con cháu:

Vợ chồng là nghĩa tao-khang,
Chồng hòa vợ thuận nhà thường yên vui.
Sinh con mới ra thân người,
Làm ăn thịnh lợi đời đời ấm no.

Cái lý-tưởng « Vợ chồng có hòa-thuận thì con cháu mới nên người », rất đúng với tâm-lý. Vả « thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn. » Muốn nồi cơ-đồ phải có hòa - hợp cả đôi bên, còn gì tan cửa nát nhà bằng vợ chồng chếch-lệch, cho nên người đàn-bà cố giữ lấy chữ hòa-thuận là hơn.

Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười hớn-hở rằng anh giận gì ?

Tưởng tính kiên-nhẫn ấy, cái đức thuận ấy bằng mấy mươi cái học-thức dở-dang kia. Tính-tình ấy cũng bởi ở lòng yêu gia-tộc mà nên vậy.

Bây giờ ta lại xét ảnh-hưởng về quan-niệm gia-tộc lan ra xã-hội thế nào. Có người nói hễ tình gia-tộc mà nặng thì tình xã-hội phải nhẹ đi. Vì cái hành - động, nghị - lực của một người đã bị sức đè-nén của gia-đình hút hết, còn đâu phần xã-hội nữa. Điều ấy cũng phải, vì dân-tộc Việt-Nam ta là một dân-tộc nặng về gia-quyến mà nhẹ về xã-hội, nên nhiều khi luân-lý gia-đình đè nặng quá mà bổn-phận đối với xã-hội nhẵng đi. Thế nhưng ta nhờ được luân-lý gia-đình có bao-quát đến xã-hội, nên xã-hội cũng chịu ảnh-hưởng gia-đình, vì gia-đình của ta là gốc xã-hội, cũng như góp cá-nhân lại thành gia-đình. Vậy thì « *lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu* », chẳng phải từ gia-đình lan ra xã-hội ru ?

Cho nên:

Bầu ơi, thương lấy bí cùng
Tuy là khác giống nhưng chung một ràn.

Cái ràn bầu kia là xã-hội, là tổ-quốc, nên:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

là lẽ tất - nhiên.

Luân-lý đã bởi gia-đình mà ra thì cách xử-sự với người làng người nước

tất phải có cái vẻ thật-thà như xử với người thân-thích.

Vay chín thì ta trả mười,
Phòng khi túng thiếu có người cho vay.

Mà tính nhường-nhịn cũng có vẻ khiêm-tốn như trong gia-đình vậy.

Ai nhất thì tôi thứ nhì,
Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.

Đành rằng ở trong một xã-hội tất phải có cạnh-tranh để sinh-tồn :

Trống chùa ai đánh thì-thùng,
Của chung ai khéo vẫy-vùng thành riêng.

Nhưng nhân-nghĩa là gốc mà lấy lòng trung-hậu trong ân-tình làm đầu ;

Ơn ai một chút chớ quên,
Phiền ai một chút để bên cạnh lòng.

Vì ở đời bất-quá sớm còn tối mất, sống gửi thác về, theo đạo-lý của Á-Đông thì công-danh phú-quí chưa phải là của qui trên đời. Hơn nhau chỉ ở chút danh thơm, sau khi hương tỏa khói tàn, có còn gì mới gọi là có. Vì :

Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Ấy cái tính-tình người dân quê ta là thế. Cái nguyên-chất đại - khái ở chung quanh gia - đình, mà xã - hội cũng ở trong phạm-vi gia-đình mà ra. Có thể lấy những câu phong-dao mà xét đại-cương được. Hễ xã-hội thay đổi thì phong-dao cũng thay đổi, vì tôi đã nói phong-dao là gương phản-chiếu của tính-tình trong một đoàn-thể. Xã-hội ta ngày nay lan rộng ra thêm lắm vẻ thì phong - dao cũng nhuộm lắm mầu, thứ nhất cái quang-cảnh xưa pha mùi mới :

Đại-khái như câu :

Quang song em liệu cho bền,
Mượn người lịch-sự gánh lên kinh-kỳ.

Gánh lên chợ mới một khi,
Em đặt gánh xuống em thì nghỉ-ngơi.
Cậu cai phát vé vừa rồi,
Một chốc lại thấy cậu bồi vào mua.
Bán hàng trông trước trông sau,
Kia ông đội-xếp đứng đầu ngã ba.

Thật là cảnh một chị « la-ghim » lên tỉnh. Chị « la-ghim » ra tỉnh trông thấy một hạng người khác «bố cu» nó ở nhà quê thì lòng cũng động :

Thấy anh áo lượt xênh-xang,
Đồng hồ quả-quit nhẫn vàng đeo tay.
Cái ô lục-soạn cầm tay,
Cái khăn xếp nếp cái giây lưng điều.
Các cô trông thấy mĩ-miều,
Chạy theo thổ-thẻ những điều nhỏ to.
Thôi đừng chuyện nhỏ chuyện to,
Đến tháng lĩnh bạc anh cho vài đồng.
Mồ cha những đứa nói không,
Đến tháng lĩnh bạc một đồng chẳng cho.

Ấy người thôn quê thật-thà trông thấy tỉnh-thành choáng mắt mà bị lừa ở cái mầu nhoáng của văn-minh vỏ ở chốn phồn-hoa dở-dang bây giờ.

Đó là phong-dao bằng tiếng Việt, lại còn có lắm thứ phong-dao Pháp-Việt tỏ giọng rất kỳ-khôi. Tôi không kể những câu vặt như là :

J'écris tinh-thư in-lét (1),
Ăng-voa (2) đặng thăm hỏi me-sừ bình-an
Tút sơn (3) gạt nước than rằng :
Có chồng cái phận long-đong nhỡ-nhàng.

Hay những câu :

Trời ơi có thấu tình chăng,
Có người nhân-ngãi phú la-cáng mất rồi.

Câu :

Sặc-sỡ rách một ống quần,
Còn bên ống nữa cũng gần cạt-xê.

Hay những câu « Tây đặc » không có một tiếng Việt nào, chỉ còn nghe cái điệu hát mà biết là giọng Việt-Nam thôi :

(1) Une lettre. (2) En voie. (3) Toute seule.

Đờ-buy cờ giơ tơ con-nét,
Duýt-kích-xi, xít sết an-nê (1)....

Cút-sê đồng mông se bơ-tý,
Manh-tơ-năng phi-ni ba-ba (2)

Ấy là câu hát của một bà nhớ đức ông chồng phản-hồi mẫu - quốc, ngồi buồn mà ru cậu *Jacques* hay cô *Jeanne*.

Tôi chỉ xin đọc hầu các ngài một câu hát thoạt nghe cũng nhố - nhăng như các câu trên, nhưng thật là mấy dòng lịch-sử để ghi chép lấy cái phong - tục lúc Âu-Á giao-thời ở đất Việt-Nam ta :

Văn-minh gặp buổi Lang-sa,
Tri-âm thì ít trăng hoa thì nhiều.
Tiếng xôn-xao buổi chiều xe ngựa,
Giọng ầm-ỷ đầy phố chuột chim.
Xa-xôi cũng có người tìm,
Kẻ xuống Tân-ấp, người lên hàng hòm.
Cô bóc-đen chưa nhìn đã chán,
Ả săng-tơ không ngắm cũng say.
Mỗi người mỗi nết mỗi hay,
Kẻ ưa sắc tía người say mùi hồng.
Cô bây-dan (3) lộn chồng trả của,
Quyết lấy chàng khố đỏ ăn chơi.
Dầu lòng mặc sức chơi bời,
Tháng bốn đồng rưỡi thảnh-thơi vợ chồng.
Còn khóa linh dầu lòng ân-ái,
Chàng mãn-kỳ thiếp lại đi đáng.
Giốc-kê (4) tiếng nức ai bằng,
Nào voa tê-át (5) tưởng rằng là tiên.
Thấy nho-nhân toan liền bắt nạt,
Gặp sen-đầm bắt bỏ nhà pha.
Sáng mai giấy chủ đưa ra,
Nói với ông cầm đem tha tức thì.
Phi (6) hơi sữa cô tây ỏm-tỏi,
Cũng học đòi ăn nói chua-ngoa,
Ngày ngày hằng tú-lê-soa (7),
Mông-tê bút-bút (8) để mà séc-sê (9)
Thấy son - đá (10) liền kề tới cạnh,
Hỏi me-sừ có thuận mon nông (11)?
Ba-vũ-lòa (12) hầu điếc (13) rằng không.
A-lê tút-suýt (14) bãi-hùng lắm thay.
Cha mẹ kiếp đi nay gặp gái,
Mai thử về bói cái xem sao.
Chị em cũng bạn đi chào,
Hỏi nhau một lũ thế nào hở cô ?
Bọn a-giảng (15) liền vỗ tóm lấy,
Đít-bâng-xe từ đấy theo đòi.
Giọng than rền-rỉ kêu trời,
Tiếng phi-bip lích biết đời nào xong.
Biết rằng thế thì không cho chót,
Hay chi mà vẹo-vọt làm chi.
Nhớ xưa lúc thủa đương-thì,
Hà nghe cha mẹ đến chi nỗi này.
Ba-rét-sơ (16) làm đầy thân khổ,
Vì guốc-mảng (17) nên phải thanh-lâu.
Khuyên ai giữ chí về sau,
Đừng còn tấp-tểnh Tây Tàu mà mo (18),
Thà rằng chịu đói no rau cháo,
Lấy chồng nghèo giã gạo nấu cơm,
Chẳng hơn cá thịt đầy mâm,
Mà đem thân thế là thân thế này. . . .

Bây giờ ta nhờ ơn nhà-nước được yên lặng. Lúc đó thật là cái thời-đại lũ nho-nhân bị « giốc-kê » bắt nạt. Nếu có xẩy ra đến thiệt mạng thì chủ «giốc-kê» chỉ một tờ giấy chủ là được tha ngay. Cái buổi là buổi cô « bây-dan » bị cái mẫu giả dối của phồn-hoa quyến-dỗ mà lộn chồng trả của theo các ông đội, cậu cai, cái buổi cô «phi» hơi sữa ỏm-tỏi, hoặc chơi ngược đời mà quá bước theo thần mày trắng, hoặc là dùng quyền-thế mướn mà làm nên quan sang chức trọng ầm-ầm, ấy cũng là điều hoán-cải của phong-tục vào lúc văn - minh mới cũ khác nhau, nên cái tâm-lý người đời đã phô ra những câu hát đó. Rồi đây năm sáu mươi năm về sau nữa, lúc con cháu ta không trông thấy cảnh giao-thời, chợt có lúc nào đọc đến mấy

(1) « Depuis que je te connais, Jusqu'ici six sept années » . — (2) « Couchez donc mon cher petit, maintenant finit papa. » — (3) Paysanne. — (4) Jockey. — (5) Voir théâtre. — (6) Fille. — (7) Tous les soirs. — (8) Monter pousse-pousse. — (9) Chercher. — (10) Soldat. — (11) Moi non. — (12) Pas vouloir. — (13) Dire. — (14) Aller tout de suite. — (15) Agent. — (16) Paresseux. — (17) Gourmand. — (18) Mort.

câu kia tưởng cũng mỉm cười hoặc tắc lưỡi rằng ông cha ta có qua mội buổi như thế đó.

Thưa các ngài, tôi đã đưa các ngài dạo chơi từ chốn thị-thành về nơi thôn-ổ, vào đến tận ngõ hẻm đường cùng. Tôi lại đưa các ngài quay ra tỉnh. Trong cuộc ngao-du hơn một giờ đồng-hồ đó tưởng các ngài cũng đã hiểu qua tính-tình người thôn-quê, chắc các ngài cũng nhớ đại-khái cho rằng: quí nhất là tính nhẫn-nhục làm ăn, trọng nhất là tình tôn-giáo gia-tộc, yêu nhất là lòng thực-thà mộc-mạc, thương nhất là phận con gái đàn-bà.

Thế mà giữa quãng đồng quê yên lặng, ta đã thấy làn tân-trào mấp-mé tràn qua; ta cũng hiểu rằng muốn cho chốn thôn-quê ta dỡ khó-nhọc về phần thể-chất thì tất phải có hoán-cải. Hoán-cải mà không phạm đến phong-tục, không mất tính tự-nhiên của người Nam là một việc cốt-yếu, nhưng không phải là vấn-đề tôi nói hôm nay. Sau khi ta đã thăm cảnh thôn-quê, tôi xin cùng các ngài mà mong rằng vấn-đề cốt-yếu kia sẽ giải được một cách thỏa-thuận, vì lúa mì cấy đồng chiêm không thể sống, cà-phê gieo đất thịt không thể lên. Câu phong-dao kia nếu đọc lên đã mất hết tiếng, chỉ còn nhờ giọng điệu mới biết được là câu hát Việt-Nam, thì không thể cảm lòng người Việt-Nam được. Mỗi dân-tộc có một vẻ, vẻ riêng kia đã tiêm-nhiễm từ mấy mươi đời, người xứ nào ưa thú xứ ấy.

Nên:

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà cũng hơn.

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

ĐIỀU-LỆ GIÁO-HOÁ TRIỀU LÊ(1)

(47 điều)

黎朝教化條例

(九四十七條)

Trời Nam vững đặt âu vàng,
Bến kinh tăm bặt ải lang khói tàn.
Bốn phương ấm chiếu đã an,
Muốn cho phong-tục đổi ngoan về [thuần.
Giáo-điều noi phép tiên-quân,
Mượn câu quốc-ngữ để răn trong ngoài.

I. — Này lời nhủ kẻ làm tôi,
Hết ngay ra sức giúp đời cho yên.

---

(1) Bài này truyền lại từ triều Lê, năm Cảnh-trị nguyên-niên (1663) mùa thu tháng bảy, thân-minh các điều giáo-hóa để dạy bảo dân. Đến năm canh-thìn niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 21 (1760) lại đem ra lục-tống cho dân-gian. Nguyên-văn chữ Hán, quan Lại-bộ Thuyên-khảo-ti Lang-trung, người xã Hoạch-trạch, huyện Đường-yên phủ Thượng-hồng (nay là phủ Bình-giang) tên là Nhữ Đình-Tán 汝廷璮 diễn ra quốc-ngữ.

Văn thì công chính thường gìn,
Kính vâng ti-sự(1) cần quyền sớm khuya.
Phải chăng hiến-thế (2) hợp-nghi,
Khiến trong công-dịch đều thì đắc-trung.
Chẳng nên giam-mặc lôi-đồng, (3)
Nầy nhau mà chả có lòng sửa - sang.
Kiện bàn thiện ác cho tường,
Mà phân khúc - trực rõ-ràng kẻo oan.
Chẳng nên dung-túng kẻ gian,
Vì tài vì nghĩa mà toan kết bè.
Võ thì hãn-ngự việc lề,
Phải cùng lòng sức một bề trước sau.
Trị quân giảng tập cho lâu,
Khiến đều tinh-nhuệ đua nhau vui dùng.
Chẳng nên giáo-tập trễ không,
Sai chầy hàng ngũ chẳng dùng phép binh.
Cai dân phú-dịch tùng khinh,
Khiến nơi thôn-ấp thuận tình đều vui.
Chẳng nên hiếp chúng dối người,
Lòng làm hà-ngược tơi-bời hại dân.
Ai mà giữ được lời răn,
Mới hầu phải đạo nhân-thần làm tôi.

II. — Nầy lời khuyên kẻ con người,
Dốc lòng hiếu-kính chớ dời một phân.
Song-thân tuổi-tác cao tuần,
Sớm khuya phụng-dưỡng ân-cần mới khuây.
Chẳng nên chia tháng đổi thay,
Việc làm nhọc mới bỏ ngày dưỡng nuôi.
Tới khi táng-tế hẳn-hoi,
Tu-trì lòng hiếu mà noi lễ nhà.
Lo đền công mẹ đức cha,
Đường này mới phải đạo là làm con.

III. — Lại khuyên huynh-đệ trong ngoài,
Đều cùng hòa-mục mảng ai sinh hiềm.
Anh thì một dạ yêu em,
Em thì chăm-chắm một niềm kính anh.
Của nhà nhiều ít chớ tranh,
Giục xui đừng có tuận-tình phụ-nhân.
Ở cho biết đạo di-luân,
Thịt xương nghĩa nặng một phân chớ hề.

IV. — Lại khuyên trong đạo phu-thê,
Thì lòng kính-ái dốc bề nghĩa-nhân.
Chồng thì tu-chỉnh việc cần,
Lại hay lấy đức khuyên răn một nhà.
Ở cho phải đạo người ta,
Rượu chè thì chớ nguyệt-hoa thì đừng.
Vợ thì giữ đạo khăng-khăng,
Kính thờ cha mẹ nghe chưng lời chồng.
Chớ hề giữ nết kiêu-nhông,
Thói thường chớ có ra lòng ghen tuông.
Chớ hề cơm sống canh suông,
Chê nhau rằng khó ra tuồng bạc đen.
Thế gian xem lấy làm nhàm,
Vả thương phong-hóa bia truyền chẳng chơi.

V. — Kẻ làm bầu bạn cùng người,
Kia lời chỉ-tín chớ sai ở mình.
Khuyên nhau thì lấy điều lành,
Nhủ nhau thì lấy chân-thành lòng ngay.
Việc làm chớ lỗi đạo ngay,
Với tham tiểu-ích lòng này nên ngăn.
Lỡ khi ganh-tị sinh càn,
Nào còn vẹn chữ kim-lan đâu mà.

VI. — Kẻ làm phụ-mẫu người ta,
Sửa mình là một sửa nhà là hai.
Nghĩa-phương thì dạy con trai,
Tắc công dạy gái dùi-mài cho chuyên.
Chớ cho đắm sắc say duyên,
Bàn-cờ đồ-bác chẳng nên tới gần.
Cùng là du-đãng quen thân,
Hại thương phong-hóa phải răn cho chừa
Bằng cha mẹ chẳng dặn-dò,
Mà con lại chẳng biết lo ăn lời.
Sự này ắt lỗi chẳng chơi,
Phải răn cho biết vẹn nơi sinh-thành.

VII. — Nầy lời dặn kẻ sư-huynh,
Giữ cho phải đạo chớ tình tư-thiên.
Thầy thì chính-kỷ vi tiên,
Để làm mực thước mà khuyên mọi người.
Cả thì lòng kính chớ rời,
Thờ thầy hơn nữa thờ nơi sinh-thành.
Đêm ngày nấu sử sôi kinh,
Thường gìn đức-hạnh để dành lập-thân.
Chớ theo nghề mạt kiếm ăn,
Bội-sư thói ấy phải răn trong lòng.
Cùng là lễ phép bỏ không,
Một lòng kiều-hãnh trường-trung dò vào.

(1) Việc quan, việc trong tơ-tào.
(2) Hiến điều hay, bỏ điều dở (獻可替否).

Mấy lời răn hết thấp cao,
Dầu ai ở trái phép nào có tha.

VIII. — Người làm kẻ cả một nhà,
Giữ điều lễ-phép tề-gia ở mình.
Hòa nhà thê, tử, đệ, huynh,
Đều cùng bắt chước ngôn-hành nết-na.
Chẳng nên đem thói kiêu-ngoa,
Tệ-đoan đừng giở lối ra tơi-bời.
Con em phải dạy mọi lời,
Cho cần sinh-nghiệp chớ dời chân tay.
Thói gian ấy chớ cho hay,
Kẻo trong phép nước bản này còn in.
Dầu ai chẳng biết dạy khuyên,
Trong chưng lỗi ấy tội liền gia-nghiêm.

IX. — Lại khuyên hễ kẻ con em,
Kính tôn huynh-trưởng chớ xem làm thường.
Kịp khi rượu thịt thì nhường
Kịp khi hữu-sự đội mang đã đành.
Chớ rằng sớm đã vinh-thân,
Cùng ngồi một ghế cùng ăn một bàn.
Ở cho phải đạo mới ngoan,
Còn đeo thói cũ thế-gian khen gì.

X. — Phụ-nhân chưng thủa vu-qui,
Thuận-tòng hai chữ tạc ghi một lòng.
Kính thờ cha mẹ bên chồng.
Lấy điều hòa-mục ở cùng đệ-huynh.
Chẳng nên cậy thế nhà mình,
Đòi phen đại-ngữ cao-thanh lăng-loàn.
Ghen tuông đem thói nồng-nàn,
Mất lòng một mảy động cơn đòi về.
Hoặc khi có lỗi điều gì,
Mẹ cha chồng dạy phải nghe mà chừa.
Chẳng nên lộng thói nết xưa,
Lắm điều càn dỡ sam-sưa chẳng nhường.
Có khi bỗng chạy ra đường,
Có khi náu ẩn trong phường lân-gia.
Dần dần nên thói dâm-tà,
Ấy xem trong đạo đàn-bà phải chăng.
Từ rầy thói ấy thì đừng,
Nếu còn thói ấy chẳng cưng đâu là.

XI — Sương-cư mấy kẻ đàn-bà,
Chớ đem trai-trẻ về nhà mà nuôi.
Xưng làm nghĩa-dưỡng dối người,
Ngoài dương công-nghĩa nội hoài tư-thông.

XII — Mấy người sương-phụ thiếu-niên,
Tuy con chưa có giữ-gìn càng ghê.
Tang-trung tàng-tế giữ lề,
Chẳng nên chuyên lấy của về làm tư.

XIII — Con chồng thơ dại ấu-xung,
Đòi ngày dạy-dỗ một lòng giấu-yêu.
Chớ hề ghẻ lạnh nhiều điều,
Của cho nó ít mình nhiều sao nên.

XIV — Mấy người hương-đảng đồng-cư,
Hộn bày trưởng-ấu cũng như một nhà.
Kính yêu chẳng được sai-ngoa,
Dạy nhau lễ-nghĩa thuận-hòa cũng hay.
Cả thì yêu lấy chớ sai,
Chớ rằng tuổi tác lòng rày rẻ xuôi.
Trẻ thì kính cả chớ dời,
Đừng khoe hào-phú có lời kiêu-nhông.
Bằng ngày kỳ-phúc hội-đồng,
Mấy người già trẻ ghi lòng kính-thân.
Chớ vì chén rượu miếng ăn,
Sinh hiềm mà lỗi hương-lân nghĩa thường.

XV. — Lại khuyên kẻ cả trong làng,
Việc chi xem tiện tìm đường sửa-soi.
Đồng-điền bờ cõi mọi nơi,
Khê-cừ cống-khẩu chốn vơi chốn đầy.
Nên đắp thì đắp đi ngay,
Nên khai thì phải khai rầy cho thông.
Phòng khi đại-hạn thủy-hồng,
Có đâu khó chảy thì chung mà làm.
Đã xong cõi bắc cõi nam,
Lại toan trừ hại mới cam thửa lòng.
Hoặc khi ác-thú vào đồng,
Hoặc khi mãnh-hổ quấy trong chân ngàn.
Thế thì tri-cáo (1) đến quan,
Cùng nhau đuổi bắt kẻo nàn một phương.
Bằng ai đạo-kiếp hào-cường,
Tri-tình dẫn-cáo quan chiếng cho mau.
Chẳng nên dung-túng để lâu,
Mặc quan khu-xử kẻo âu dân lành.

XVI. — Kẻ làm hương-đảng đàn-anh,
Chẳng nên cậy của đệ-huynh nhiều người.

1) Kíp chạy đi báo.

Thế quyền xã mọn dễ trôi,
Cất lấy từ-tụng làm lời đoán tư.
Láng-giềng gái góa kẻ si,
Thì đừng đánh mắng đạp chầy dề [khinh.

XVII. — Làm người ở thuận nhân- [tình,
Thấy ai nó có bất-bình cùng nhau.
Công-tâm giảng-giải trước sau,
Chẳng nên mình lại làm dầu giáo-toa.
Lại thêm từ-ước lập ra,
Rộng nương cố bán cửa nhà nó đi.
Chẳng cho ăn ở phất-phơ,
Nước thì cấm gánh lửa thì cấm nhen.
Xem thường pháp-luật chẳng gìn,
Tội này âu phải bắt lên tra tường.

XVIII. — Với ai tranh tụng nhau [dường,
Trọng khinh đã có quan tường đoán tra.
Cứ chi hào-trưởng năm ba,
Họp nhau mà thiết-lập ra tụng-đình.
Gian ngay chẳng biết sự-tình,
Vọng-câu hoành-tróc (1) nhiễu-hành kiếm ăn.
Lỗi này đã có lời răn.

XIX. — Lại khuyên nam-nữ chư nhân trong làng.
Trai thì giữ lấy đạo thường,
Chẳng nên ngạnh cổ đánh quàng người ta.
Gái thì gìn-giữ nết-na,
Chẳng nên cả miệng chửi pha xóm giềng.
Hễ điều dâm-dãng thì kiêng,
Của chung chớ lấy làm riêng của nhà.
Ở cho trung-hậu thực-thà,
Đừng theo thói cũ ắt là mới khôn.

XX. — Kia ai ở với hương-thôn,
Thì lòng công-chính chớ lòng mảy riêng.
Phải cùng trái, vạy cùng ngay,
Rõ-ràng biện-bạch cho hay mọi giường.
Dầu ai khi đến tụng-đường,
Nài làm chứng-tá muốn tường sự-do.
Cứ trong sự hẳn sự vu,
Thì nên nói thực để cho dắc-tình.
Chớ tham tài-hóa mà bênh,
Đảng-tà hại-chính nhiễu-hành làm chi.

XXI. — Làng nào gần ở giao-kỳ,
Có thiên-lý lộ chợ quê thông-hành.
Xem nơi thủy-thế địa-hình,
Tùy-nghi mà đặt quán đình hẳn-hoi.
Để khi non ngậm mặt trời,
Phòng cho kẻ ngược người xuôi nghỉ nhờ.
Với nơi duyên-lộ gia-cư,
Khi người đến nghỉ chớ từ làm chi.
Có lời lân-lý cộng-tri,
Giữ phòng biết kẻ gian-phi cho tường.
Phụ-nhân khi lỡ dọc đường,
Đậu nhờ một khắc giữ-giàng mười phân.
Mơ hề lòng dục đến gần,
Lại xui thân-thích ngoại-nhân cường-hành.
Đến khi có kẻ tri-tình,
Thì chưng lỗi ấy đã đành chẳng dung.

XXII. — Với đường tiểu-lộ ở trong,
Đã phân giới-hạn để thông ra vào.
Bằng ai tự-thị cường-hào,
Muốn cho rộng-rãi lấn vào làm riêng.
Hẹp-hòi đến kẻ láng-giềng,
Cho mời xã-trưởng mà miêng sự-tình.
Cứ trong giới cũ đạc-hành,
Đem bờ cõi lại rành-rành như xưa.
Tiện đường lai-vãng mới vừa,
Ai còn thói ấy chẳng từ chẳng tha.

XXIII. — Mấy nơi ngòi lạch làng nhà,
Khai-thông cho tiện gần xa thuyền-bè.
Nơi đâu ủng-tắc tiểu-khê,
Lại khai cho tiện kẻ về người đi.
Hoặc ai vi chiếu vi trì,
Ắt là tội lỗi chẳng vì tóc tơ.

XXIV. — Với chưng sơn trạch khê cừ,
Vốn chưng tổ-nghiệp của xưa để truyền.
Chung nhau công-cộng chớ thiên,

(1) Bắt-bớ càn.

Má hề chiếm lấy mà chuyên một mình.

XXV. — Bằng như xã-trưởng chính-danh,
Chọn người tử-đệ nhà lành bầu lên.
Thức-tài vả lại trưởng-niên,
Nhiều người suy-phục vậy liền mới cho.
Chớ tham tài-hóa rượu bò,
Mà bênh những kẻ phi-đồ làm chi.
Với người kết đảng rủ-rê,
Một làng mà chẻ thôn kia giáp này.
Sinh hiềm như trở bàn tay,
Chừa đi kẻo phạm tội rầy chẳng chơi.

XXVI. — Nhân sinh kể đã làm người,
Đều cần sinh-nghiệp chớ rời tóc tơ.
Để cho ăn mặc có thừa,
Cúi nuôi thê-tử ngửa thờ mẹ cha.
Phòng khi dao-dịch cấp ra,
Trong nhà sẵn có kẻo mà phải vay.
Má hề trễ-nải chân tay,
Nữa khi quẫn-bách lòng ngay nên tà.

XXVII. — Lại khuyên trong đạo người ta,
Thì lòng kiệm-ước tùy nhà có không.
Kỳ-thần, giá-thú, tống-chung,
Hễ ba sự ấy thích-trung chớ nhiều.
Kẻ giàu cay của mà kiêu,
Khó-khăn gắng sức muốn theo cho tầy.
Ruộng vườn nghiệp cũ xưa nay,
Chắc đâu của sẵn trong tay mà còn.

XXVIII. — Làm người giữ đạo mới khôn,
Má hề ỷ-thác quyền-môn ra vào.
Biết ai lành dở dường nào,
Bỗng đâu chác lấy xôn-xao vày-vò.
Ân-từ gởi gắp nhỏ to,
Toan điều tài-hóa muốn cho ích mình.

XXIX. — Lại răn những kẻ nhân-sinh,
Theo đường công-chính chớ tình nhũng-gian.
Chớ khi tranh-đấu nồng-nàn,
Cố đem lão-nhược cùng đàn hoài-thai.
Giá oan tuy dối được người,
Song tình-trạng ấy đạo trời dường gương

XXX. — Làm người có đạo cương-thường.
Đừng mê mối lạ hoang-đường làm chi.
Tuổi vừa đến cõi kỳ-di.
Có vâng thánh-chỉ giỗi thì mới nên.
Kỳ-dư nam-nữ thiếu-niên.
Quyến nhau lánh ở già-chiền mà tu.
Cũng là cồ-tẩu phi-đồ,
Trốn đường tô-thuế dâm-ô nên lòng.
Hại chưng thói trước thuần-phong,
Những đồ loại ấy chẳng dung đâu là.
Đuổi về cho ở quê nhà,
Đều cần sinh-nghiệp để hòa làm dân.
Khiến cho dư mặc dư ăn,
Thêm thay lễ-nghĩa thói thuần vầy vui.

XXXI. — Làm người sinh ở trong đời,
Chẳng nên toa-tụng đặt lời nói gian.
Vạy ngay đen trắng loạn gian,
Muốn cho đặt chước mà toan tiền-tài.
Sự-tình nếu lộ ra ngoài,
Thì chưng lỗi ấy chẳng người nào bênh.
Với người giả-tác đệ-huynh,
Vào làm bầu bạn lộ tình giáo-toa.
Những phường loài ấy xấu-xa,
Có thì nên đồi kẻo mà mắc tai.

XXXII. — Với chưng tranh-tụng đối lời,
Sự chẳng được chớ nào ai muốn gì.
Chẳng nên hoài-oán làm chi,
Vu cho những kẻ vô-vi hiền lành.
Lấy điều tế-quá tư-tình,
Mà thêu bức trạng vọng-hành cáo-vu.
Với chưng làm sự tư-thù,
Giấu tên đặt đậu mô-hồ làm thư.
Chê bai ngỏ tiếng ca thơ,
Gián nơi cầu quán sinh ngờ kẻ ngay.
Tuy rằng người thế chẳng hay,
Song chưng tội ấy nặng thay muôn phần.

XXXIII. — Lại khuyên thương-cổ chư-nhân,
Tùy trong giá chợ đổi vần có chăng.
Chớ hề làm sự bất-bằng,
Là lòng đảo đấu lừa thưng dối người.
Cân nặng nhẹ thước ngắn dài,

Mà toan những chước qui-tài (1) nhỏ-nhen.
Gần xa khách bộ khách thuyền,
Trú nằm quán tĩnh, đậu thuyền bãi lan.
Chớ nên biến thói bách-đoan,
Lánh nơi hiểm mạnh mà toan lòng tà.

XXXIV. — Với trong hương-ấp quê nhà,
Kiều-lương đạo-lộ ấy là việc chung.
Nơi đâu hư nát chẳng thông,
Bảo nhau gắng sức gia công mà làm.
Đi về thuận kẻ bắc nam,
Được nhờ công ấy mới cam lòng này.

XXXV. — Ngũ-kinh chư-sử xưa nay,
Với chư-tử-tập cùng rày văn-chương.
Dạy bên có ích đạo thường,
Mới nên san-bản bốn phương thông-hành.
Kỳ như Thích-đạo phi-kinh,
Lời tà mối lạ tập-tành chuyện ngoa.
Cùng là chuyện cũ nôm-na,
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này.
Tiếng dâm dễ khiến người say,
Chớ cho in bản hại nay thói thuần.

XXXVI. — Lại khuyên mấy kẻ lại-nhân,
Phải noi thường-phận mà răn việc làm.
Bạ-thư nghề ấy rõ am,
Chớ hề điên-đảo mới cam lòng người.
Việc quan há phải chiều chơi,
Ai cho của đút chớ rời một ly.
Chẳng nên thấy của quên nghĩ,
Mà toan đeo đuổi lập-trùy mộ phân,
Chẳng nên lông-trí vũ văn,
Mà quên liêm-sỉ lời răn thánh-hiền,
Từ rầy nhớ lấy lời khuyên,
Còn đem thói cũ ắt liền chẳng cưng,

XXXVII. — Mấy nơi lịch-đại miếu-lăng,
Các công-thần-mộ với chưng từ-đường,
Tre cây chẳng được làm hoang,
Mà đừng buông giống ngưu - dương đạp dầy.
Mộ xưa còn dấu đến nay,
Chẳng ai thừa-nhận cấy cày trừ ra.
Phá mồ lỗi ấy chẳng tha,
Phải thân điều luật dạy hòa kẻ ngu,

XXXVIII. — Các nơi phật-tự phù-xa,
Xem chưng sự ấy đều là ích chi,
Danh-lam dấu cũ còn y,
Bằng ngoài nguyên-ngạch ắt thì nên thôi,
Gần xa đều cứ lấy lời,
Kẻo thêm lao-phí mà sai đạo thường,

XXXIX. — Làm người thì có họ-hàng,
Biên trong tộc-loại tỏ tường cho hay,
Chẳng nên giả-tác riêng tây,
Xưng làm con cháu họ này hàng kia.
Giả làm tôn-phái bằng-từ,
Cùng là mua lấy chúc-thư của người,
Kết làm chứng-tá nên lời,
Nhận càn ruộng đất của ai về mình.
Hoặc ai giả-tác có tình,
Ắt trong điều luật rành-rành chẳng chơi.

XL. — Thế-gian ai kẻ làm người,
Tử-sinh trước đã mệnh trời định nên,
Phải nên giữ lấy đạo hiền,
Lành liền có phúc dở liền có tai,
Chớ tin vu-nghiễn (2) phi loài,
Mượn hồn ma quỉ đặt lời nói không,
Bằng như trai gái trẻ-trung,
Chẳng nên làm cốt làm đồng ích chi.
Nhiễm mầu họa-phúc hai bề,
Cớ chi mà nói cho mê lòng người,
Thế thì xã-trưởng có lời,
Tuần-tình ắt lỗi chẳng sai đâu là,

XLI. — Lại khuyên những kẻ tang-gia,
Trung-nguyên thì cứ lễ mà tế đơm,
Chớ còn đem thói ngu-phàm,
Thác làm điếu-vãn mà làm xướng-ca,
Từ rầy theo lấy lễ nhà,
Còn đua thói ấy ắt là chẳng dung.

XLII. — Lại khuyên kỳ-nội hương-trung,
Quân cùng dân-hạng nô cùng người ta.

---

(1) Mưu mẹo lấy của người. (2) Đồng-cốt.

Thấy quan lòng kính càng gia,
Ngồi hòa chạy kíp đi hòa bước mau,
Chớ rằng người có coi đâu,
Gia-chủ chẳng phải ai hầu kính-tôn,
Thế mà chút có lòng nhờn,
Thì e phép nước chẳng còn có tha.

XLIII — Với ngoài các trấn gần xa'
Quan viên các sắc cùng là quân-dân'
Chẳng nên quyến-dỗ tư-nhân
Dối đem đi bán thế chân cửa người.
Chẳng thương con trẻ lạc rời,
Một lòng toan lấy hóa-tài làm no.

XLIV. — Lại như đạo ngãi vợ chồng.
Ấy là vốn cả ở trong đấng người.
Kết hôn-nhân lễ chẳng sai,
Đừng so sang khổ mà nài tiền-nong.
Phải xem bề họ cho xong,
Chớ tham phú-quí mà lòng hộn-luân.
Với người chẳng có lễ-văn,
Lấy nhau cầu-hợp thói gần muông chim.
Dầu ai duyên có cải kim,
Làng nhà quê khác cũng xem một bề.
Lan-nhai nộp phải cứ lề,
Rượu thì một chỉnh tiền thì một quan.
Trong làng chớ giở tệ-đoan,
Nói rằng biệt-quán mà toan bắt nhiều.
Tới khi ca xướng rập-riu,
Lại thêm nặng giải thưởng-tiêu (1) mà dùng.
Vả quen thói cũ hỗn-đồng,
Ép duyên phụ-nữ hiếp lòng người quê.
Lại chia làm thiếp làm thê,
Luận chưng tội ấy chẳng hề khá dung.

XLV. — Làm người ở với hương-trung,
Cùng là trong họ một dòng tổ-tiên.
Của thì cấp khắp chớ quên,
Bệnh thì thang-thuốc giữ-gìn cho yên.
Hoặc ai lạc lỗi làng tiên,
Mai-táng ra sức thì chuyên một lòng.

Phải tùy nhà kiệm nhà phong,
Cỗ bàn dầu có dầu không chớ nề.
Đừng khi nỡ miệng thói lề,
Ruộng nương hiếp nó bán về nhà ai.
Cho nên của nó đến người,
Vợ con nó phải siêu rời bởi đâu.
Với khi thủy-hỏa kiếp du,
Thì nên hết sức giúp nhau cho cần.

XLVI. — Lại khuyên kẻ ở hương-lân,
Cùng yêu cùng thuận mười phần chớ khuấy.
Chớ rằng cõi ấy bờ này,
Giáp-cạnh thì bắt kẻ cày tiền tiêu.
Cõi bờ ngòi lạch mượn điều,
Đến mùa lúa chín bắt nhiều của nhau.
Hại chưng phong-tục bởi đâu,
Xem trong điều luật ai hầu có dung.

XLVII. — Lại khuyên kẻ ở hương-trung.
Bền cầm lòng thẳng chớ rông thói tà.
Láng-giềng con lợn con gà,
Cùng chưng lúa thóc gần xa xóm làng.
Lá rau cành củi ngọn măng,
Của người đừng có đãi-đằng một phân.

. .

Này bốn-mươi - bảy điều răn,
Cai nha-môn phải khác-tuân phụng-hành,
Thì thường chuyên-tống trách minh,
Khiến cho phường xã đàn anh tương truyền,
Hễ ngày kỳ-phước xã-điền,
Hội-đồng nam nữ giải khuyên mọi người.
Hai ba lần nhủ rạch-ròi,
Khiến cho già trẻ cùng loài phàm-si,
Tai nghe mắt thấy điều hay,
Khuyến-trừng rõ biết phép này đinh-ninh.
Để cho về thói ở lành,
Đều càng hưởng-phúc thái-bình lâu xa.

(1) Tiền thưởng.

XÃ-HỘI LOÀI NHẢY

(*Hài-văn*)

Thời-đại văn-minh, loài vàng, loài trắng, loài đen, bốn bể năm châu, đâu đâu cũng có dân-đoàn xã-hội, ầm - ầm tiến-hóa. Bấy giờ trong vũ-trụ cũng có một loài, bay không biết bay, chạy không biết chạy, đứng không cần đứng, đi không cần đi, ngồi không thật ngồi, nằm không thật nằm, chỉ sở-trường về nghề nhảy. Lâm khi hành-động, thì nhổm cao đít lên, và ruỗi thẳng cái chân ra, đạp đánh bách một cái, có thể tự vua bếp nọ sang vua bếp kia, tự lá khoai nọ sang lá khoai kia, tự bờ ao bờ ruộng nọ sang bờ ao bờ ruộng kia ; lại có thể tự cành cây nọ sang cành cây kia, tự bức tường nọ sang bức tường kia được, gọi là loài nhảy.

Trong loài cũng nhiệt-tâm về sự tiến-hóa lắm. Mới cử sử Cóc ra làm nghị-viên, suy-tôn sử Ếch làm một nhà đại-tư-bản, biền-dương sử Ỉnh-ương làm một nhà đại-hùng-biện, đại-giáo-dục, lĩnh chức giáo-sư. Tuyển các sử Nhái vào học. Nhái-Vằn sặc-sỡ vào sơ-học. Nhái-Bén sát-sinh vào trung-học. Nhái Chàng nhảy tài vào cao-đẳng-học. Còn các sử Nhái thường, số nhiều lắm, không biết đâu mà kể, thì liệt cho vào làm bạng binh-dân. Còn sử Chẫu cũng là một sử đặc-biệt ở trong loài, có thể giương mắt ra với thế-giới được, thì cắt đi du-học. Cùng nhau tổ-chức ra một cái xã-hội, theo đòi với thiên-hạ, để chực vồ lấy miếng văn-minh.

Các viên-chức trong loài nhảy, có tập-hợp với nhau, khai một kỳ đại-hội-đồng, để cùng nhau hội-nghị cái phương-châm tiến-hóa trong cuộc tiến-đồ. Rồi sử Ỉnh-ương nhổm lên đại-biểu cho toàn-thể, tuyên-bố chủ-nghĩa cho chúng nghe rằng : « Chúng ta đội ơn đức Thượng-đế đã phú cho chúng ta cái đức nhảy, lại cho chúng ta được gặp-gỡ cái cơ-hội văn-minh này, thế là may-mắn lắm, các sử có biết không ? Ôi ! Cái tư-cách chúng ta, thật là thích-hợp với thời-thế lắm. Cứ cái đức nhảy của chúng ta mà thi-thố ra ở vũ-trụ, thì hoặc ở trên cạn, hay hoặc ở dưới nước, chúng ta đều có vũ-đài. Nếu định mà ranh-đành với thiên-hạ chẳng nữa, thì ta chẳng thì chạy, ta chẳng thì bay, ta chang thì lặn, ta chỉ thì nhảy, mà loài chí-điểu ở Sóc-mạc, loài sư-tử ở Phi-châu, loài voi ở Xiêm-la, Ấn-độ, loài cá kềnh ở Nam-bắc-băng-dương, ta cũng có thể cưỡi lên mình cổ họ được cả, mà họ cũng chẳng làm gì được ta. Ý-giả Thượng-đế phen này hoặc có chiều ta chăng, mà thế-giới phen này hoặc có biết ta chăng. Nhưng mà anh em ạ ! Anh em phải biết rằng cái phương-châm tiến-bộ ở ngày nay, cốt ở chữ *tân*, cốt ở chữ *tân*. Xin anh em ta cứ nhất-vị duy-tân ; cái gì là tân, thì bất-luận hay dở, cứ giương mắt mà nhắm, cứ giơ tay mà vồ, cứ tặc lưỡi mà đớp, cứ phình bụng mà nuốt, kỳ cho hợp với cái phong-trào tân mới được, chứ đừng có thủ-cựu. Trước kia ta cứ thủ-cựu mà ta ở trong hang, cái qui-tắc ở trong hang hình như hẹp-hòi lắm, cái luân-lý ở trong hang hình như bó-buộc lắm, rồi thành ra cái tri-thức với cái đạo-đức ở trên thế-giới, chúng ta không được rộng-rãi và suồng-sã bằng ai. Chi bằng ta thề với nhau, từ rầy trở đi, ta chẳng ở hang nữa, ta ra ngoài, ta tổ-chức văn-minh, ta thực-hành khoái-lạc, ta chủ-trương khai-phóng, ta hô-hào tự-do, ta sáng-tạo ra một cuộc trời đất mới là hơn. Chứ cựu thì hủ lắm, đừng có thủ, đừng có thủ. Bao nhiêu những chế-độ của tổ-tiên di-truyền, những đạo-đức của nòi giống cố-hữu, có rực-rỡ thì rực-rỡ ở thời xưa, chứ thời nay thì đã kể là nòng-nọc đứt đuôi cả rồi, thiết-tưởng cũng không phải thủ làm gì nữa. Chúng ta bây giờ chỉ tân đó mà thôi cha con tân, thầy trò tân, bè bạn tân, vợ chồng tân, trai gái tân, ăn ở tân, lề thói tân Chúng ta chỉ muốn rằng tự đỉnh đầu cho đến gót chân, tự cái da-dày cho đến ngoài da, nọ phình những tân, trơn nuốn những tân, trọc tếch những tân, thẳng tuột những tân, để cùng nhau nhảy tới lên cõi cực-điểm văn-minh. cực-điểm văn-minh đó. Các sử, các sử, sử nào bằng lòng cái chủ-nghĩa ấy, thì giơ tay lên sử nào không bằng lòng cái chủ-nghĩa ấy, thì cúi đầu xuống. » — Sử Ỉnh-ương tuyên-bố

xong, các sử trong loài nhảy đều nhất-luật giơ tay, để tỏ lòng hoan-nghênh; kỳ đại-hội-đồng ấy, thật là vui-vẻ lắm.

Khi đó, cũng có một sử cúi đầu xuống, rồi lại chống tay cho thật thẳng, ngóc đầu lên, mà tỏ ra ý phản-đối rằng: « Đức Thượng-đế có lòng vị chúng ta, sinh ra chúng ta có đùi mà nhảy, có tay mà vỗ, có mồm rộng mà nuốt, có dạ-dày to mà chứa, có mắt giương ra trố - trố mà trông, có hang mà ở, có không - khí mà ngậm, có hồ có ao có làn nước trắng mà kiếm ăn, có đồng có gò có bãi cỏ xanh mà nghỉ-ngơi tiêu-khiển. Cái ý đức Thượng-đế tưởng đã chu-chuân, cái tay đức Thượng-đế tưởng đã khéo - khôn lắm rồi. Nay chúng ta quyết - nghị như vậy, chẳng hóa ra trái mất cái lẽ thông-thường của vạn-vật, mà phụ lòng Thượng-đế lắm ru ?» — Sử phản-đối ấy, không biết là sử mô, chỉ biết rằng lời sử bàn đó, cũng có lẽ thiết-thực và sâu-xa. Nhưng lạ gì mấy nghìn mấy vạn sử hoan-nghênh, có một sử phản-đối, thì cái lời phản-đối ấy, có kể vào đâu. Này! này! này! hẵng xem sự kết-quả của xã-hội loài nhảy.

Cái toàn-thể kết-quả của xã-hội loài nhảy, kể ra cũng còn dài. Nay hẵng đem mấy cái lịch-sử riêng của các sử đó mà xét ra như sau, thì sự kết-quả tưởng cũng khá rõ được ít nhiều.

Sử Ếch-ương, cái tiếng thì thật to. Cái tiếng ấy, là cái tiếng của trời bẩm-sinh cho sử, không ai có thể bắt-chước được. Khi sử đăng-đàn sử diễn-thuyết, hoặc khi sử làm giáo-sư sử giảng học, thì cái thanh-âm sử, thật là động được đến cả quân-vương đài-các, vang được đến cả ngõ hẹp hang cùng. Nhưng xét ra, chẳng qua sử thừa cái phong-trào nước lụt, hoặc cái vận-hội trời mưa, sử lợi-dụng về sự kiếm ăn ở những nơi vườn hoang cỏ rậm, vũng bẩn ao tù đấy thôi. Chứ đến khi nước cạn trời nắng, hoặc những nơi nguy-hiểm, hoặc những chốn khang-trang, thì sử lại tịt. Sử cũng chẳng có can-đảm gì, phẩm-cách gì, mà xứng-đáng được cái danh-hiệu hùng-biện-gia với giáo-dục-gia.

Sử Nhái-Vẫn, còn ấu-trĩ, không kể chi. Sử Nhái-Bén, tay ráp, chân ráp, bấu tài. Sử Nhái-Chàng mình gầy, bụng thắt, nhảy tài. Hai sử làm học-sinh bấy lâu, đều có bằng cao-đẳng tốt-nghiệp trong khoa bấu khoa nhảy cả. Nhưng xem ra, bấu thì bấu dại, không biết bấu vào chỗ thanh-cao, làm một đời cao - thượng cho sướng thân, chỉ hay bấu vào những nơi ô-trọc, như là bấu ở dưới cái lá khoai, sè-sè trên mặt vũng hoặc mặt đất, để làm mồi cho những loài ác-trùng mà thôi. Cái tính lại hay tham thanh chuộng lạ, nếu được cái cánh bèo Nhật-bản hay hoặc cái dây đậu Hà-lan nào mà bấu, thì cũng sát « ra phết ». Mà nhảy thì cũng nhảy càn, không có mục-đích gì cả. Nhất là hay nhảy vào bể nước tắm, hoặc máng nước ăn, làm hại cách vệ-sinh của người. Có khi lại nhảy bẹt vào mặt người ta nữa, thật là làm trái mất tâm-lý của người, ý-giả muốn phô cái tài nhảy ra với đời hay sao, khiến cho người ta vô-cố mà cũng sinh ra lòng ác-cảm. Thế thì các sử học-sinh trong khoa bấu khoa nhảy ấy, chứa tất đã có ý-thức gì, tư-tưởng gì, để hi-vọng về tương-lai được.

Sử Chẫu, mắt giương ra thao-láo, khi đi du-học về, tưởng cái nhãn-quang của sử, đủ quan-sát được cái chân-tướng văn-minh trong thế-giới. Chẳng là ngoài cái sự-nghiệp đi kiếm ăn cho béo ra, thì cũng không còn có cái sự-nghiệp gì nữa, thôi thì chẳng-chuộc lại hoàn chẳng-chuộc mà thôi. Nào những chẳng-chuộc lại hoàn chẳng-chuộc mà thôi đâu, lại hình như cạy rằng có cái đùi béo, có cái mắt to, mà dương-dương tự-đắc, lòe nạt đồng-loại nữa.

Sử Ếch, dạ-dày to, ăn phàm, kềnh-càng như loài cua, mềm-yếu như loài đun, dẫn mình như loài ốc, xương-xẩu như loài cá rô, đều làm mưu làm mẹo mà nuốt được cả. Ngan rằng mềm nặn dẫn buông, chứ như sử thì bất-luận mềm dẫn, đều vơ-vét cả, không chịu bỏ cái gì. Cho nên bụng sử phệ, da sử nhoáng, đùi sử to, rõ ra dáng phú-ông, thật xứng-đáng là nhà đại-tư-bản. Thủa sử thiếu-niên, thì tiểu-hiệu sử là Cốm. Thủa sử tráng đại, thì qui-hiệu sử lại là Bụ. Sự công-ích trong loài nhảy, thật là có ngưỡng-vọng về sử lắm lắm. Duy sử có một cái căn-tính dởm, là cái tính hay thích những sự vinh-hoa lòe-loẹt, danh-giá hão-huyền, sử cũng có lắm phen bị người ta câu, người ta dử, thiệt-hại đến huyết-mạch, sử bảo sử chứa. Nhưng vì sử có lắm tiền, mà sử không biết đem dùng về những việc công-ích, cho nên không bao giờ sử chứa

cái tính dởm ấy đi được. Tục có câu rằng: ếch vồ hoa ông-bụt. Là chê những kẻ tham cái phú-quí trước mắt, mà không biết sự tai-hại về sau. Nên chi cái phú-quí của sử, chẳng qua cũng là cái phú-quí phù-vân đấy thôi, chứ cũng không có ích gì cho loài.

Các sử Nhái-thường, số nhiều, liệt vào hạng bình-dân. Tuy vậy, nào có phải toàn là những hạng bình-dân lương-hảo, biết tương-thân tương-ái, châm-chỉ làm ăn cả đâu, tài thì hèn, sức thì mọn, dạ thì thao, tính thì lười, thỉnh-thoảng lại xảy ra có sự sử lớn nuốt sử bé, diễn ra những kịch thê-thảm ở trong loài nhảy. Nghe đâu mới rồi lại toan rủ nhau đi sang nước Lào, để tìm đường sinh-hoạt, thì lại càng hớ lắm.

Sử Cóc làm nghị-viên, thì thật là chưa xứng-đáng chút nào. Vì sử có cái cơ-hội làm nghị-viên, mà sử chửa có cái tư-cách làm nghị-viên, sử đối với những việc kinh-tế việc chính-trị trong cuộc đời, sử còn mơ-màng bỡ-ngỡ, chưa biết trời biết đất là gì cả. Sử bắt đầu xuất-hiện ra với xã-hội, sử chỉ mới học được một cách vái trời đấy mà thôi. Trong khi hội-nghị, ai nói công nói bạc nói rồng nói rắn gì mặc ai, sử cứ ngồi im phăng-phắc, mà ngậm miệng lại; khi hội-đồng tan, thì sử lại cứ tuân-lệ vái trời một cái rồi sử ra. Sự lợi-ích cho loài, cũng chẳng mong gì được ở sử, thành ra xã-hội có sử cũng như không, nên chi thiên-hạ vẫn có lời gọi sử là cóc-khô. Thế mà nghe đâu khi sử ra ứng-cử làm nghị-viên, sử cũng vận-động tốn hết nhiều tiền lắm, thảo nào thiên-hạ vẫn có lời gọi sử là cóc-vàng. Nhưng mà cứ chê sử mãi thì cũng oan sử, sử cũng có một cái đặc-tính khác người. Thói thường người ta hay dùng đồ ngoại-hóa, áo người ta sặc-sỡ bao nhiêu, văn-minh bao nhiêu, thế mà sử nhất-sinh chỉ mặc cái áo chồi. (1) Tự thói thường mà xem ra, thì chê sử là xù-xì. Song tự những kẻ đã có tư-tưởng mà xem ra, thì biết rằng sử không phải là không có thâm-ý. Chừng cái áo ấy là cái áo tự thủa bác mẹ sử sinh ra sử, truyền lại cho sử, sử có cảm-tình với bác mẹ, và sử sợ cái giống mặc áo chồi ấy mất đi, mà sử không hề đổi lốt, sử thế cũng là phải. Vả lại có văn-minh chăng nữa, thì văn-minh ở trong tư-tưởng, ở trong can-trường, chứ văn-minh đâu ở cái áo. Nếu tư-tưởng được như tư-tưởng ông Khổng-phu-tử, ông Phật-di-đà, ông Gia-tô-Cơ-đốc, can-trường được như can-trường ông Bình-nguyên-quân, thì chồi cũng bất-phương. Chứ văn-minh như văn-minh dẻ-cùi, chỉ biết văn-minh tốt mã, văn-minh dài đuôi, thì văn-minh làm gì. Vậy ai chê mặc ai, sử cứ gan lỳ sử mặc; chả trách thiên-hạ lại có câu khen sử rằng gan như gan cóc tía.

Cái lịch-sử của các sử, càng kể ra thì lại càng nực cười, càng nực cười thì lại càng thêm đau ruột. Thôi hẳng để đấy, không kể nữa. Nay xin kể cái nguyên-nhân cuộc duy-tân của xã-hội loài nhảy sở-dĩ thất-bại là vì cớ sao.

Kể ra thì ở về cái thế-kỷ hai-mươi này mà xã-hội loài nhảy nhiệt-tâm về sự duy-tân, khuynh-hướng về nghĩa tiến-hóa, ai bảo là không phải, ai bảo là không phải. Duy có một điều đại-ngộ-điểm, đại-ngộ-điểm, đại-đại-ngộ-điểm, là một điều đem bao nhiêu những phép-tắc của tổ-tiên di-truyền, những lề-thói của nòi giống cố-hữu, bỏ hết cả đi mà thề với nhau rằng tự rày không ở hang nữa. Điều đó thật là một điều nguy-hiểm cho loài nhảy vô-cùng.

Nguyên-lai ông tạo-hóa sinh ra các loài vật loài thì ở cạn, loài thì ở nước, loài thì ở tổ, loài thì ở hang, kể ra thì cũng là một cái lệ cũ-rích ở trong vũ-trụ. Nhưng mà vũ-trụ cũng nhờ có cái lệ cũ-rích ấy, mới chia ra được các giống-nòi. Như loài nhảy ở trong vũ-trụ, tự thủa có vũ-trụ đến giờ, ai ai cũng biết loài nhảy là loài ở hang. Bây giờ loài nhảy không ở hang, thế là mất loài ở hang, mất loài ở hang, tức là mất loài nhảy. Chao ôi! cái lệ cũ-rích ở trong vũ-trụ ấy, cũng đáng trân-trọng lắm thay! trân-trọng lắm thay!

Vả lại ông tạo-hóa sinh ra các loài vật, đã phú cho cái bình-chất đặc-biệt, tất lại giúp cho

(1) Thơ cổ vịnh cóc. — Bác mẹ sinh ra mặc áo chồi. Chốn nghiêm thâm-thẩm một mình ngồi. Tác lười nuốt trời ba tấc kiến. Nghiến răng chuyển-động bốn phương trời.

cái năng-lực thiên-nhiên, cái năng-lực thiên-ghiên đó, tức là cái tinh-thần để bảo-thủ lấy nòi-giống vậy. Như loài nhảy, trời phú cho hình-chất, mắt dẫu cao miệng dẫu rộng, chân dẫu dài, xương dẫu dẫn, đùi dẫu khỏe, nhưng thịt thì mềm, da thì mỏng, ngoài da lại không có lông, mà sự sinh-hoạt tất phải nhờ có nước, không có thể kham được cái khí lạnh ở mùa đông-thiên, cũng không có thể kham được cái đất khô ở trên thế-giới. Cho nên trời lại phải giúp cho cái năng-lực biết làm hang mà ở, biết ngậm lấy không-khí mà sinh-tồn. Lệ thường thì các loài nhảy cứ đến tháng tám tháng chín đều vào hang, lấp cửa hang lại, để phòng-ngữ cái nạn sương-tuyết và cái giặc độc-trùng, chỉ để một cái lỗ nhỏ để thông-khí mà thôi. Khi ở trong hang, chỉ ngậm cái khí hư-linh thanh-tinh của trời đất mà tự-dưỡng tự-an, đối với cuộc vật-cảnh trên thế-giới, hình như đã siêu-thoát cả rồi, thanh-linh đường nào, cao-thượng đường nào! Đó là cái năng-lực thuộc về thần-bí của trời riêng cho loài nhảy, loài khác dẫu có hâm-mộ mà muốn học chăng nữa, cũng không có thể học được. Đến tháng hai tháng ba, hóa-cơ đã chuyển-cần, khí trời đã ấm-áp, có sấm có chớp có mưa dào. Bấy giờ các loài nhảy ở trong hang mới phá cửa ra, hô-hấp với non sông, vẫy-vùng với thế-giới để tìm đường sinh-hoạt. Tự thủa có loài nhảy đến giờ, loài nhảy vẫn có một cái khuôn-sáo tuần-thường như vậy. Mà cái khuôn-sáo tuần-thường ấy, đã thuộc về cái tinh-thần cố-hữu và cái năng-lực thiên-nhiên.

Nay các sử trong loài nhảy, vì nhiệt-tâm tiến-bộ quá, đem khuôn-sáo cũ, làm trái hẳn cả đi, chỉ biết lẽ biến-động, mà không biết lẽ tuần-thường, chỉ biết lối ngảnh đi, mà không biết đường ngảnh lại, thế là lầm to, thế là lầm to. Kịp đến lúc đồng cạn ao khô, sương pha tuyết áp, cỏ hoa trơ-trụi, trời đất lạnh-lùng, cái cách phòng-bị của loài nhảy bấy giờ mới lúng-túng, cái đường sinh-hoạt của loài nhảy bấy giờ mới hiểm-nghèo, cái nghề nhảy của các sử bấy giờ mới cùng, mất bi-bạch nữa, mất bi-bạch nữa, mà trông lên con đường văn-minh lạc-lợi, thì còn xa tít ở tận đâu, ở tận đâu đâu! Cho mới biết trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau-đớn lòng. Than ôi, nguy thay, than ôi, nguy thay!

Duy, trong loài nhảy có một sử, là sử Cóc, kỳ-thủy cũng thấy à-uôm với chúng, ra bắt nạt đàn kiến đàn ruồi; sau lại thấy ngồi một mình, mà thỉnh-thoảng lại nghiến răng kèn kẹt, ý có cảm-tưởng về sự gì đây. Sau xét ra mới biết rằng sử có ý hối lại, sử nghĩ đời mà sử ngán cho đời. Sử nghiến răng thế, cũng là sử bất-đắc-dĩ, sử cũng mong cho trong bốn phương trời, hoặc có chuyển-động được phương nào chăng. Sử cũng khổ-tâm lắm vậy, khổ-tâm lắm vậy. Từ đấy, sử khi đi ra ngoài, dù ăn hoa nếm cỏ, đuổi sấm theo mưa, tùy thời tùy thế, ăn đâu ở đâu mặc lòng, cứ đến đông-thiên, thì sử lại thủng-thỉnh sử trở về hang mà sử theo lề-lối cũ. Chừng là sử yêu-mến cái đạo-đức của tổ-tiên loài nhảy đấy dư! Chừng là sử thương tiếc cái tinh-thần của xã-hội loài nhảy đấy dư! Chừng là sử bảo-toàn cái năng-lực của chủng-tộc loài nhảy đấy dư! Chừng là sử đoái-nghĩ cái danh-từ của vũ-trụ loài nhảy đấy dư! Nên chi ngạn-ngữ có câu rằng: « Cầm bằng chết mất thì thôi, còn như con cóc bôi vôi lại về. » Chao ôi! cái dấu bôi vôi ấy, xem ra thực cũng quí-báu lắm thay! nghĩ ra thực cũng cảm-động lắm thay! Sử Cóc, sử Cóc, hồn sử còn thiêng, sử Cóc, sử Cóc, non nước sử còn dài...

TÙNG-VÂN

TUỒNG NGUYỄN TRÃI

Bản tuồng này truyền là ông Ta Tử Diễn-Đồng người Khê-hồi diễn ra, chia làm 6 hồi: Hồi thứ 1, nói về ông Trãi theo cha lên đến Nam-quan. Hồi thứ 2, Trãi về sai dọn vườn mở trường dạy học. Hồi thứ 3, Trãi và Trần Nguyên-Hãn đi cầu mộng ở đền bà Tiên-Dung, Trãi gặp bà Liễu-Hạnh trỏ vào Lam-sơn. Hồi thứ 4, Trãi đến Lam-sơn gặp Lê Lợi. Hồi thứ 5, Trãi tính số Thái-ất rồi khởi-binh ra đánh Mã Kỳ. Hồi thứ 6, Trãi đánh quân Minh, phục-thù xong về ẩn ở Côn-sơn. Trong sáu hồi ấy cũng có một vài đoạn khôi-hài nói pha những câu bông-lơn, đó là những đoạn thêm ra để cho vui trò mà thôi.

Xét về đường văn-chương thì bản tuồng này cũng có nhiều câu hay, thực là có công-phu phô-diễn. Sự-tích cụ Nguyễn Trãi đã rực-rỡ trong Nam-sử nước nhà, thực là một tấm gương trung-hiếu, mà người diễn ra bản tuồng này cũng đã khéo dụng-công tô-điểm, bày ra được nhiều vai trò hay và cũng nhiều câu hát véo-von cảm-động. Vậy nên bản-chí cứ lục-đăng cả toàn-văn để giữ lấy một nền văn-chương về sự-tích nước nhà. Còn như đem diễn trên sân-khấu thì còn phải tùy-nghi sửa định về sau mới được, vì có lẽ còn nhiều chỗ chưa hợp với lối tuồng hát ngày nay.

N.-P.

Diễn tích ông Nguyễn Trãi

Ông Nguyễn Trãi hiệu là Ức-trai, người làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc, đỗ Tiến-sĩ năm Kiến-tân thứ-ba (1400), đời vua Thiếu-đế nhà Trần. Cha là Phi Khanh đỗ Bảng-nhỡn, làm quan Ngự-sử-đô-đường. anh là Phi-Hùng cũng làm quan Trần. Khi Hồ Quí-Ly cướp ngôi vua Trần, thời cha anh ông ấy ở lại làm quan với Hồ, là có ý theo như ông bố vợ là Trần Nguyên-Đán gửi con cho Hồ vậy. Ông Trãi biết Hồ không được lâu, cho nên ở nhà. Đến khi Trần cầu-cứu với nhà Minh, vua Minh sai Trương Phụ, Hoàng Phúc, Mã Kỳ, Vương Thông sang đánh Hồ, bắt được cha con họ Hồ là Hồ Quí-Ly, Hồ Hán-Xương, rồi bắt cả Phi-Khanh, Phi-Hùng, đưa về Kim-lăng. Ông Trãi theo cha anh đến Nam-quan, muốn cùng sang Kim-lăng, nhưng ông Phi-Khanh Phi-Hùng bảo rằng về mà lập-chí báo-thù cho cha, cho nên ông Trãi trở lại, về nhà dạy học. Sau gặp Trần Nguyên-Hãn là tôn-thất nhà Trần, nghe lời thần bảo ở đình ông Trèm rằng : «*Lê Lợi vi chủ, Nguyễn Trãi vi tá.*» Vậy rủ ông Trãi đi tìm vua Lê Lợi. Khi gặp được vua Lê Lợi ở Lam-sơn, bắt đầu ra đánh tướng nhà Minh là Mã Kỳ ở Lạc-xuyên tỉnh Nghệ, rồi dụ các thành ra hàng, sau ra thành Đông-quan, đánh tướng Minh là Hàn Trọng-Kỳ, rồi dụ Vương Thông nhà Minh ra hàng ; bấy giờ hòa với nhà Minh, định được nước lại, Lê Lợi lên làm vua Thái-tổ, thiên-hạ thái-bình, phong ông Trãi công-thần đệ-nhất. Khi Trãi làm quan gặp Thị-Lộ lấy làm vợ ; đến đời vua Thái-tôn, phong Thị-Lộ làm Lễ-nghi-học-sĩ, bấy giờ ông Trãi mới cùng Thị-Lộ về núi Côn-sơn, huyện Chí-linh, làm nhà ở đó vui chơi, vợ chồng vinh-hiển đoàn-viên. Khi vua Thái-tôn đông-tuần, vào chơi nhà, lúc xa-giá trở về, cho Thị-Lộ theo hầu, về đến Tiêu-viên vua mất, cho nên Triều-đình đổ tội cho ông Trãi. Nhưng đến sau lại được chiêu-tuyết khỏi oan, con cháu lại được làm quan, đến giờ cũng còn, tưởng lòng ông ấy là trung-hiếu vẹn toàn, cho nên theo trong sách *Ức-trai sự-trạng*, cùng sách *Đại-Việt Xuân-thu*, và những lời cổ-ngữ truyền-khẩu, diễn làm bản tuồng, gọi là *Tâm-quang khuê-tảo* 心光奎藻, là lấy câu thơ vua Thánh-tôn khen ông Trãi rằng : « *Ức-*

trai tâm thượng quang khê tảo 抑齋心上光奎藻; hoặc gọi rằng *Ức-trai tâm-kinh* 抑齋心鏡 cũng theo lời sử luận khen ông Trãi, vậy làm ra bản này, là có ý muốn lấy ông Trãi làm gương trung-hiếu cho người ta soi vậy.

Lời chú của tác-giả

HỒI THỨ I

Tiễn theo cha đi đến Nam-quan,
Vâng lời dạy trở về cố-quốc

Cảnh thứ I. — Sơn-thủy

VAI TRÒ

Nguyễn Trãi, 35 tuổi; Phi-Khanh, 70 tuổi; Phi-Hùng, 40 tuổi; Lã-thị, vợ ông Trãi, 30 tuổi; Trần-thị, vợ Phi-Hùng, 30 tuổi; thị-nữ 2 người; gia-tiểu, 2 người; gia-đồng, 1 người; Minh-quân, 2, 3 người.

GIÁO ĐẦU

Nay mừng hội văn-minh tiến-bộ, nhạc-giáo cải-lương, đem lê-viên mở chốn hí-trường, lên vũ-đài bày lời diễn-kịch, diễn cho biết cổ-kim sự-tích, việc cứ theo trong sách bày ra. Sự-tích này là của nước Nam ta, truyện ông Nguyễn Trãi xin khán-quan nghe thử.

∴

Trãi ra nói: — Như ta nay: Ức-trai Nguyễn Trãi, Trần Thái-học-sinh; nặng đôi vai gánh chữ trung-trinh, bền một dạ ghi niềm hiếu-nghĩa. Trước giận kẻ quyền-gian thiết-vị, để gây nên xã-tắc khuynh-nguy; sau căm người tham-bạo hưng-sư, làm đến nỗi giang-sơn phá-toái. Cơ-nghiệp chúa chờ ngày đem lại, thù nước non cũng đợi trả đền; dẫu sạch minh náu chốn lâm-tuyền, giang-hồ lẽ dám quên quân-phụ.

HÁT NAM

Giang-hồ lẽ dám quên quân-phụ,
Luống mơ-màng thức ngủ năm canh.
Quân vinh phi phụ bất-sinh,
Chữ ơn so với chữ tình bằng nhau.

(Nguyễn Trãi hạ)

II. — Cảnh Cao-vọng-sơn

Trương Phụ ra nói: — Ta nay: Minh-triều đại-tướng, Trương Phụ là tên; lĩnh hồ-phù đồng việc binh-quyền, tới Long-đỗ thảo Trần-gia loạn-tặc. Cha con Hồ nay đã bại-bắc, chạy về nơi Cao-vọng Kỳ-la; truyền chư-quân chỉnh ngã can-qua, mau-mau vào bắt Hồ-gia phụ-tử, nghe!

(Quân và tì-tướng dạ, rồi đều hạ. Qui-Ly, Hán-Xương, Phi-Khanh, Phi-Hùng và quân ra.)

Hán-Xương nói: — Ta nay là Đại-Ngu hoàng-đế, gặp phải cơn thất-thế sa cơ; cùng thượng-hoàng tới đó bây giờ, chư-thần có kế chi đắc-thoát, chăng hà?

Than: Ôi thương ôi! thần-long thất-thế, vô-xứ tàng-thân; đường cùng phải bước gian-truân, âu ta tạm tới thâm-sơn tiềm-ẩn, chăng hà!

(Quân Minh ra đuổi bắt được Qui-Ly, Hán-Xương, Phi-Khanh, Phi-Hùng đem trình Trương-Phụ.)

Quân nói: Dám trình thống-tướng, đây là Hán-Xương phụ-tử, cùng đảng-dữ Phi-Khanh; nay đã bắt được giải trình, xin thống-tướng lệnh trên phát-lạc.

Trương-Phụ ra trỏ Qui-Ly Hán-Xương mà rằng: — Cha con ngươi là loạn-thần tặc-tử, làm tôi của người mà cướp nước của người; tội bất-trung đã suốt đến trời, trời sai ta bắt ngươi trị tội; truyền cho quân-đội hãy đem giam lại, để nay mai hạm-giải Kinh-sư.

Lại trỏ lũ Phi-Khanh mà rằng: — Những tên này là tặc-đảng-chi-dư, cũng giam lại để phọc-tống Kim-lăng một thể, nghe!

(Quân dạ đem các người ấy hạ.)

III. — Cảnh tư-thất ông Trãi.

Trãi ra nói: — Rằng nghe quân

Minh nó trường - khu trục-bắc, Hồ-binh chừng thế - lực nan - chi, mà cha anh ta còn viễn-hoạn vị - qui, chẳng hay thoát nguy chăng tá, hà ?

Than :

江山破碎水飄絮
Giang-san phá-toái thủy phiêu nhứ,
身世浮沉風打萍
Thân-thế phù-trầm phong đả bình.
Cầm thương cha, cầm thương anh,
Danh-cương lợi-toả buộc minh vào trong !

Ngồi nói:—Ấy mới là buồn,gia-đồng đâu, chước-tửu lai khiến-muộn đây.

(Gia-đồng dạ, đem rượu lại rót).

Quân nhân vội-vàng vào báo rằng : — Kính bẩm đại-nhân thính giả.

Trãi nói : — Chi đó, con ?

Quân nói : — Tôi nay : tôn-đại-gia trường-hạ, đào-thoát tự tặc-trung; tôi chạy về báo tin cho ông,xin ông cấp tìm nơi tị-nạn; vì ngày nọ Kỳ-la giao-chiến, nhị Hồ đà ngộ-biến bị-phù, còn triều-quan ở chốn Thanh-đô,như tôn-gia-gia với quí-kha-kha, cùng phải bị câu-thu nhất-xứ,sự-cơ như thử,cấp-cấp báo-tri.

Trãi nghe nói giật mình mà rằng: — Chà-chà, nghe tin phách tán ; thấy nói hồn kinh, ối cha ơi là cha ! ối anh ơi là anh ! tàn-tặc ơi là tàn-tặc !

(Nói rồi ngất đi).

Quân-nhân với gia-đồng gọi : —Lệnh-ông lai-tỉnh, lai-tỉnh...

Trãi tỉnh, phu-nhân Lã-thị cùng hai người thị - nữ ra nói rằng : — Dám thưa phu - tướng, thiếp trộm nghe than-thở, chưa tỏ gót đầu, cớ làm sao mà phu-tướng ôm sầu, trông khí-sắc ra chừng buồng-bã, dám thưa.

Trãi nói : —Em ơi, lòng anh chua-xót lắm, em !

Lã-thị rằng : — Phu-tướng chua-xót sao ?

Trãi nói : —Vừa nghe quân-nhân về báo rằng: Minh Hồ giao-chiến ở Kỳ-la-hải-khẩu, cha con Hồ bị quân Minh nó bắt đi, cha anh ta ở chốn đô-kỳ, cũng đồng-thời bị-tróc ; nghe nói trong lòng bi-thống, cũng liều rằng chết sống có nhau. Thôi,cho em trở lại hiên sau, để mỗ cấp-tùy thân-phụ.

Lã-thị rằng: — Dám thưa phu-tướng, như nay quân-nhân về báo làm vậy, nhưng mà thiếp tưởng rằng đương còn hồi-hộ, binh-tình chưa tỏ thực-hư ; dám xin phu-tướng tạm thư, mai mốt lặng nghe tin-tức, sao đã mà.

Trãi nói : — Việc đó là quốc - gia đại-sự, ai dám nói sai; nghe tin trong dạ bồi-hồi, đây đã quyết thời em dừng ngăn-trở.

Lã-thị rằng : — Dám thưa, nếu bây giờ thực tin làm vậy,ai chẳng đau lòng; nhưng e đương khi loạn-lạc, đường-sá khôn thông, tìm một nơi đi một nẻo, cơ-hội ấy nghe chừng khó liệu, xin lương-nhân nghĩ lại cho tròn.

Trãi nói: — Này em, nay con người ta nếu lấy lòng yêu lợi-lộc mà yêu vua mới là trung; lấy lòng yêu vợ con mà yêu cha mới là hiếu; lẽ đâu cha đương mắc nơi luy-tiết, mà con quyến-luyến chốn khuê-phòng, nghĩ bên lòng sao nỡ đành lòng, dẫu sống thác cùng-thông chi có ngại.

Lã-thị rằng : — Như bây giờ phu-tướng đã quyết theo cha anh làm vậy, là phu-tướng đã trọng đạo phụ-huynh, thiếp đâu dám nặng tình phu-phụ, âu là lâm-kỳ phân-thủ, cộng tố li - trung.

HÁT NAM

Phu-tướng ôi !
Chỉ vì nặng nghĩa cha anh,
Vậy nên coi nhẹ mối tình vợ con.
Phu-tướng ôi !
Trông nhau giọt lệ như tuôn,
Tấm sầu càng thấy nước-non càng sầu.

TRẦI HÁT :

Em ơi !
Sầu này sầu bởi vì đâu !
Chân đi một bước, ruột đau trăm vòng.

Em ơi !
Hãy đành đề nghĩa vợ chồng,
Làm con trước phải đền công sinh-thành.

Lã-thị lại than : — Phu-tướng ôi ! Đường xa vắng - vẻ, lấy ai tin - tức, bước phân-ly thổn-thức trong lòng; người đi sương-tuyết lạnh-lùng, kẻ ở gió mưa mong-mỏi.

Trãi nói : — Thôi em trở lại, để mỗ đăng-trình.

Trãi hỏi quân rằng : — Thế bây giờ nó làm ra sao, con ?

Quân nói : — Từ khi nó bắt đại-gia với lệnh-huynh, ngày đêm giữ chắc, nó hòng đem qua Kinh-bắc, rồi đưa đến Nam-quan, cùng Nhị-Hồ giải-vãng một đoàn, ý muốn phủ-tống Kim-lăng một thể, đó mà.

Trãi than : — Ối cha ơi ! đạo cha con bề trời ơn nặng ; ối anh ơi ! nghĩa anh em xương thịt tình sâu; phận con em càng nghĩ càng đau, biết sao đặng thoát khi hoạn-nạn, hà ?

Lại nói : — Thống-thiết chân thống-thiết ! bi-thương tối bi-thương ! Âu con theo ta cấp cấp lên đường, cho ta dữ phụ-huynh tương - tống, chăng nghe.

(Quân dạ cầm gươm đi theo).

Trãi vừa đi vừa nói : — Cảm thương nỗi cho tôi bây giờ, cha anh mắc nạn làm vậy, cốt-nhục tương li-biệt, bi-thống đoạn can-trường; xụt-xùi giọt lệ đôi bàng, gập-ghềnh vó câu từng bước.

HÁT NAM

Gập-ghềnh vó-câu từng bước,
Thương cha già đầu bạc nhuộm sương.
Đoạn-li gặp bước vội-vàng,
Ai ơi ! biết nỗi đoạn-trường này chăng!

IV. — Cảnh khách-xá giữa đường sơn-lâm.

Vợ Phi-Hùng ra nói : — Thiếp nay Trần - thị, lương - nhân tên gọi Phi-Hùng ; theo cha đi viễn-hoạn đô-trung, phải giặc bắt đồng-thời bị-nạn; đem gia-tiểu tìm nơi tị-loạn, kiếm đường về cho tới chốn hương-quan ; dặm còn trường cách-trở quan - san, tìm quán xá ta chửa chân đỡ mỏi, chăng hà.

HÁT NAM

Ối thương ơi !
Trời làm tảng-loạn,
Bước lưu-li hoạn-nạn vì ai ?
Giang-san bóng liễu nước trôi,
Cửa nhà lá rụng hoa rơi tan-tành !

(Trần-thị cùng thị-nữ gia-nhân đi.)

Trãi cùng quân-nhân lại ra đi, gặp nhau chào : — Trăm lậy chị, dám hỏi đô-trung sự thể làm sao ?

Trần-thị nói : — Thúc - thúc ơi ! quốc phá gia vong, như bây giờ quốc phá gia vong rồi, thúc-thúc ơi ! khổ-cực này nói sao cho xiết ! Mà thúc-thúc còn hỏi chị làm chi, thúc-thúc ơi !

Trãi nói : — Dám thưa chị, đêm hôm nọ em thấy quân-nhân về báo, lòng hãy hồ-nghi, nay gặp chị mới tỏ sự-cơ hưu lĩ !

Lại nói : — Tẩu-tẩu ơi ! như bây giờ, trời đất gặp cơn say-bĩ, gia-đình phải bước gian-nan, em đành theo vào cửa Nam-quan, xin chị trở về nơi hương - quán.

Trần-thị nói : — Như bây giờ gia-quân với đại-kha mắc nạn làm vậy, mà thúc-thúc theo đi, là thúc-thúc lấy phụ-huynh làm trọng, thế thời đạo cha con, nghĩa vợ chồng, lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ; quản bao muôn dặm đường trường, chị cũng theo đi cùng thúc-thúc mới phải.

Trãi nói : — Xin thưa chị, như bây giờ lộ-đồ dao-viễn, phụ-nữ nan-hành, việc này em xin đỡ một mình. xin chị cứ nghe em trở lại.

Trần-thị khóc mà rằng : — Thúc-thúc ơi ! hiếu tình hai chữ bình-phân, đi ở đôi đường ngần-ngại ; thôi thì thôi, chị xin ở lại, trăm lạy cha, sau gửi lạy anh.

HÁT NAM

Lạy cha sau gửi lạy anh,
Trăm năm ghi chữ hiếu-tình từ đây.

Thúc-thúc ơi !

Bây giờ mặt nước chân mây,
Gặp nhau còn chắc có ngày nào không ?

Trãi nói : — Tầu-tầu ơi ! cây cao ngã nặng, tổ đổ trứng tan, lẽ trời vậy, xin chị nói chi thêm cực.

Lã-thị nói : Thúc-thúc ơi ! Như chị nay,

Hồ sinh ra phận má hồng,
Nghĩa cha chưa trả, nghĩa chồng khôn khuây.
Bây giờ kẻ ngược người xuôi.
Ai làm nước chảy hoa trôi thế này ?

Thúc-thúc ơi !

Trãi nói : — Tầu-tầu ơi ! Yến nam nhạn bắc, thiên các nhất phương ; con người ta bi-hoan tụ-tán cũng là thường, xin chị chớ quá thương chi cho mệt.

(Trần-thị cùng gia-nhân và Trãi ha).

V — Cảnh Cát-sơn-điếm

(Quân Minh giải Phi-Khanh Phi-Hùng đi trước, Trãi với quân-nhân đi sau. Trãi trông thấy quân Minh ngược-đãi Phi-Khanh, Phi-Hùng, Trãi nổi giận).

Trãi nói : — Có phải quân giặc nó bắt cha anh ta đi đó không ?

Quân đa : — Phải đó.

Trãi nói : — Đưa gươm đây, mau con !

Lại nói : — Ngô-tặc ối Ngô-tặc, tao quyết lấy đầu mi, tao cứu lấy cha anh tao đây.

Quân nói : — Xin ông khoan dã, khoan dã, nay quân giặc nó như hổ-lang phương ngã, mà ta thì đường-tí đương xa, vả nó dương áp-tống lão-gia-gia, ông tính nó, e nó hầu tính lẫn, xin ông nhẫn nhất-thời chi phẫn, để từ-thu tha-nhật chi công ; anh-hùng cho ra giận anh-hùng, xin ông hãy thong-dong mới đặng.

Trãi nói : — Ừ, con nói ta nghe cũng phải, nhưng lòng ta bối-rối không đành; cha con khôn nỡ dứt tình, âu ta phải liều mình theo dõi ; dẫu muôn dặm cũng quanh dưới gối, giữ phận con cho khỏi lỗi đạo trời sinh ; mau-mau tiến-bộ tùy-hành, cho ta đặng cùng phụ-huynh tương-kiến, hà !

Trãi đến dịch-đình chào : — Trăm lạy cha, em xin lạy anh.

Phi-Khanh nói : — Trãi đó ư ? con, con đi đâu đó, ai bảo con theo dõi cha đó ?

Trãi ôm Phi-Khanh khóc rằng : — Ối cha ơi ! ối cha ơi ! trời làm chi cực mấy trời, bỗng nhưng mà để cho người hợp tan !

Lại ngảnh về Phi-Hùng mà rằng : — Ối anh ơi ! Tích-linh phút chốc lạc đàn, bởi đâu bèo giạt mây tan thế này, anh ơi !

Quân Minh giục : — Đi lên, không được lôi-thôi !

Phi-Khanh, Phi-Hùng cùng nói : — Thôi thôi con, thôi thôi em, đành đó mà thôi, khóc lóc càng thêm phiền-não, như bây giờ tao gia bất tạo, cũng là vì quốc-bộ đa gian, đây đã gần tới Nam-quan, cho con cứ an lòng trở lại.

Trãi nói : — Như bây giờ, cha với anh mắc phải lao-lung làm vậy, tuy rằng bởi quốc-gia vận-hội, nhưng mà trong cốt-nhục tình-thâm; cha nay cầm-

tháo nam-âm, thời con phải cải-viên bắc-khứ, trước là cho hết tình phụ-tử, sau nữa là trọn nghĩa đệ-huynh; quản chi gian-khổ tử-sinh, con cũng phải truy-tùy tất-hạ.

(Nói rồi cùng hạ).

VI — Cảnh Nam-quan

(Cha con Trãi lại cùng ra)

Phi-Khanh nói : — Đây đã tới Nam-quan rồi đây, thôi cho con trở lại. Này con nghe : Xưa nay hiếu chi đại-giả, chẳng những là định-tỉnh thần-hôn ; nếu con về mà vững dạ sắt son, trả thù được ấy là đại-hiếu đó, con nghe.

Phi-Hùng nói : — Nghe em nói lòng đà chua xót, lẳng lời cha trong ruột càng đau ; thù này ắt hẳn còn lâu, âu em phải nghe lời thân-phụ, việc thần-hôn mình anh là đủ, dẫu quan - san phong-vũ quản chi ; em theo đi cũng chẳng thêm gì, em trở lại lo toan mới phải.

Trãi nói : — Lời cha anh dạy làm vậy, nhưng mà em bồi-hồi quyến-luyến, bất-nhẫn tương-li ; trời ơi trời, sinh ra li-biệt làm chi, biết bao giờ lại nhất-đường tụ-thủ, hà !

Quân Minh lại giục đi mau : — Khóc cái gì, nói cái gì !

Phi-Khanh trông Trãi nói : — Con ơi ! như cha nay răng long đầu bạc, cũng liều mình với nước cho xong.

Liều mình với nước cho xong, Tiếc chi đầu bạc răng long tuổi già ! Như con còn đương thanh-niên tuổi trẻ, *con ơi, nhớ lấy lời cha.* Nếu mà : *trả xong thù nước thù nhà cũng xong.* Con ơi !

Trãi than : — Cha ơi ! *xa trông non Hồ trùng-trùng,* mà cha con ta bây giờ xa cách nhau làm vậy, *quan - san nghìn dặm tấm lòng đôi nơi* ; con trông theo cha thì : *mênh-mông gọc bể bên trời,* con càng thương cha ; *nắng mưa sương tuyết quê người bơ vơ* ; cha ơi !

Phi-Hùng trông Trãi than : — Em ơi ! anh em ta như là : *Đàn nhạn đương bay phút lẻ loi* ; mà bây giờ thì : *Kẻ nam người bắc bước xa - xôi* ; trông ra thì chỉ thấy: *non xanh nước biếc trời man mác,* nghĩ đến nỗi : *Cố-quốc tha-hương luống ngậm ngùi.* Em ơi !

Trãi than rằng : — Anh ơi ! có phải đây là : chốn nam bắc chia cách nhau hay không, mà anh ta đến đây: *chia tay giọt lệ thấm khăn hồng.* Thảm-thiết thay ! *mối tình li-biệt nghĩ đau lòng.* Bây giờ em biết: *cao-cương núi ấy là đâu tá ? để đến lúc nhớ đến anh thì gạt mắt trông,* anh ơi !

(Quân Minh lại giục đi).

Phi-Khanh Phi-Hùng cùng nói : — Thôi thôi, con trở lại, thôi thôi, em trở lại, lôi-thôi chi nữa bận lòng, khóc-lóc càng thêm đau dạ

Trãi lạy Phi-Khanh Phi-Hùng nói : —Trăm lạy cha, em xin lạy anh, lời cha dạy con xin để dạ, vâng lời anh vàng đá đinh-ninh, xin cha anh đành dạ đăng-trình, cho con đặng phản-hồi cố-quốc.

(Nói rồi Phi-Khanh, Phi-Hùng cùng quân Minh đi vào. Trãi đi vòng lại sau.)

HÁT NAM

Cốt-nhục tương-li thiên-lý ngoại
Bắc nam khuê-cách lưỡng tâm sầu.
Biệt-li một bước một đau,
Bắc nam đôi ngả mối sầu chia đôi.
Trông theo gạt lệ ngậm-ngùi,
Tấc lòng thương-nhớ dễ nguôi được nào.

(HẠ)

(*Hồi thứ II kỳ sau*)

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

VIII

公孫丑章句上

Thiên công-tôn-sửu-thượng

凡九章

(Gồm 9 chương)

I

復之仲於子問公
許功。晏齊。當曰。孫
乎。可子管路夫丑

Dịch-âm. — *Công-Tôn-Sửu vấn viết: «Phu-tử đương lộ ư Tề, Quản-Trọng Án-tử chi công, khả phục hứa hồ ?»*

Dịch-nghĩa. — Công-Tôn Sửu hỏi : « Nhà thầy nếu đương vào chức trọng-yếu ở nước Tề, thì cái công-nghiệp của Quản-Trọng Án-tử, có thể lại kỳ-vọng được chăng ?»

Chú-giải. — *Đương-lộ* = Đương chức trọng-yếu, nghĩa là ra làm quan cầm quyền-chính. *Quản-Trọng* = Tên là Di-Ngô, làm tướng nước Tề, giúp vua Hoàn-công, nên được nghiệp bá. *Án-tử* = Làm tướng giúp Tề Cảnh-công. Thầy Mạnh khi đó chưa từng cầm quyền chính-trị; đây là Sửu đặt ra lời ấy để hỏi đấy thôi.

. . .

矣。子管人子孟
而仲也。誠子
已晏知齊曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Tử thành Tề nhân dã, tri Quản-Trọng Án-tử nhi dĩ hĩ. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói : « Ngươi rõ thật là người nước Tề, chỉ biết có Quản-Trọng với Án-tử mà thôi. »

Chú-giải. — Đây là ý thầy Mạnh chê người Sửu kiến-văn hẹp-hòi, là người nước Tề thì chỉ biết nước Tề có sự-nghiệp Quản Án là to, chứ không biết có sự-nghiệp thánh-hiền là gì cả.

. . .

於如乎管悅與子路或
是。彼國仲曰。管之孰問
其政得爾仲所賢。乎
卑如君何孰畏曾曾
也。彼如曾賢。也。西西
爾其彼比曾曰蹴曰。
何久其予西然然吾
曾也。專於艴則曰。子
比功也。管然吾吾與
子烈行仲。不子先子

Dịch-âm. — *«Hoặc vấn hồ Tăng-Tây viết : « Ngô-tử dữ Tử-Lộ thục hiền ?» Tăng-Tây xúc-nhiên viết : « Ngô tiên-tử chi sở úy dã.» Viết: « Nhiên-tắc ngô-tử dữ Quản-Trọng thục hiền?» Tăng-Tây phật-nhiên bất duyệt viết : «Nhĩ hà tằng tỉ dư ư Quản-Trọng. Quản-Trọng đắc quân như bỉ kỳ chuyên dã, hành hồ quốc-chính như bỉ kỳ cửu dã, công-tiệt như bỉ kỳ ti dã, nhĩ hà-tằng tỉ dư ư thị.»*

Dịch-nghĩa. — « Hoặc có kẻ hỏi thầy Tăng-Tây rằng : «Thầy, so với thầy Tử-Lộ ai hơn ?» Thầy Tăng-Tây giật mình nói : « Người ấy tiên-tổ tôi còn phải kính sợ » Hoặc-giả lại hỏi : « Thế thì thầy so với Quản-Trọng ai hơn? » Thầy Tăng-Tây gắt lên không bằng lòng mà rằng : « Anh sao lại ví ta với Quản-Trọng. Quản-Trọng được vua tín-dụng chuyên như thế, cầm quyền nước lâu như thế, mà công-nghiệp hèn như thế, anh sao lại ví ta với người ấy. »

(1) Xem *Nam-Phong* số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87.

Chú-giải. — *Xúc-nhiên* = Dáng kính sợ không yên. *Phật-nhiên* = Dáng giận-dữ. *Tăng-Tây* = Cháu ông Tăng-Sâm. *Tiên-tử* = Cũng như tiên-tổ, trỏ ông Tăng-Sâm. *Liệt* = rực-rỡ. *Công-liệt* = công-nghiệp rực-rỡ.

Đây là thầy Mạnh dẫn lời ông Tăng-Tây cùng với người hoặc-giả vấn-đáp như vậy.

. . .

之 爲 也。所 曾 曰
乎。我 而 不 西 管
顧 子 爲 之 仲

Dịch-âm.— *Viết : « Quản-Trọng Tăng-Tây chi sở bất vi dã, nhi tử vị ngã nguyện chi hồ?»*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh lại nói : « Quản-Trọng kia ông Tăng-Tây còn chẳng thèm làm, mà người lại vì ta kỳ-vọng đấy chăng ?»

. . .

與。不 晏 顧。以 伯。以 曰
足 子 管 其 晏 其 管
爲 猶 仲 君 子 君 仲

Dịch-âm. — *Viết : « Quản - Trọng dĩ kỳ quân bá, Án-tử dĩ kỳ quân hiển, Quản-Trọng Án-tử do bất túc vi dư ? »*

Dịch - nghĩa. — Sửu nói : « Quản-Trọng làm cho vua nên được nghiệp bá, Án-tử làm cho vua rõ được tiếng hay ; công-nghiệp như Quản - Trọng Án-tử còn chẳng thèm làm dư ? »

Chú-giải. — *Bá* = Bá-trưởng, đứng đầu các nước chư-hầu. *Hiển* = Hiển-danh với thiên-hạ, làm cho vua được hiển-danh.

. . .

手 王 曰
也。由 以
反 齊

Dịch-âm.— *Viết :«Dĩ Tề vương do phản thủ dã. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy nói : « Làm cho nước Tề hưng-vượng, thống-nhất cả thiên-hạ, dễ như giở bàn tay. »

Chú-giải. — *Do* 由 = Thông-dụng như chữ *do* 猶, nghĩa là cũng như. *Phản* = Giở lật. *Giở bàn tay* là ý nói dễ, không khó gì.

Xét : Chữ *Vượng* 王 trên này đọc là *vương* cũng thông. Đối với chữ *Bá* 伯 chữ *Hiển* 顯, thì sự-nghiệp hưng-vương còn hơn nhiều.

. . .

法 然。行。公 於 而 文 之 曰
與。則 今 繼 天 後 王 惑 者
文 言 之。下。崩。之 滋 是
王 王 然 武 猶 德。甚。則
不 若 後 王 未 百 且 弟
足 易 大 周 洽 年 以 子

Dịch-âm. — *Viết : « Nhược-thị tắc đệ-tử chi hoặc tư-thậm ! Thả dĩ Văn-vương chi đức, bách niên nhi hậu băng, do vị hợp ư thiên-hạ. Vũ-vương, Chu-công kế chi, nhiên-hậu đại-hành ; kim ngôn vượng nhược dị-nhiên, tắc Văn-vương bất túc pháp dư ? »*

Dịch-nghĩa — Sửu nói : «Như thế thì đệ-tử tôi lại càng ngờ lắm ! Vả đức-hóa như vua Văn sống lâu trăm tuổi rồi mới mất, mà giáo-hóa còn chưa khắp được thiên-hạ ; Vũ-vương, Chu-công kế-tiếp, rồi sau giáo-hóa mới đại-hành. Nay thầy nói vượng thiên-hạ dễ như thế, thì ra vua Văn cũng chẳng đủ bắt-chước nữa hay sao ?»

Chú-giải. — *Hoặc* = Ngờ. *Tư* = Thêm, càng. *Băng* = Mất. *Hợp* = Khắp.

Nhà Ân (Thương) là nước thiên-tử, nhà Chu là nước chư-hầu, đời Chu Văn-vương làm phương-bá cai-trị đất Kỳ còn thuộc về nhà Ân, nhưng dân mến đức vua Văn đã có hai phần thiên-hạ theo về. Đến vua Vũ mới thay nhà Ân mà có thiên-hạ. Chu-công sáng-chế ra lễ-nhạc, đến đó giáo-hóa mới thi-hành khắp cả thiên-hạ.

∴

王非與仲。俗。掌難賢曰
猶其輔王流也。變之文
方有相子風紂也。君王
百也。之。比善之武六何
里一故干。政。去丁七可
起。民久箕猶武朝作。當
是莫而子。有丁諸天也。
以非後膠存未侯下由
難其失爲者。久有歸湯
也。臣之皆又也。天殷至
也。也。賢有其下。久於
然尺人微故猶矣。武
而地也。子。家運久丁。
文莫相微遺之則聖

Dịch-âm — *Viết : « Văn-vương hà khả đương dã. Do Thang chi ư Vũ-Đinh, thánh-hiền chi quân lục thất tác, thiên-hạ qui Ân cửu hĩ, cửu tắc nan-biến dã. Vũ-Đinh triều chư-hầu hữu thiên-hạ, do vận chi chưởng dã. Trụ chi khứ Vũ-Đinh vị cửu dã, kỳ cố gia di tục, lưu-phong thiện-chính, do hữu tồn giả. Hựu hữu Vi-tử, Vi-Trọng, Vương-tử Tỉ-Can, Cơ-tử, Giao-Cách, giai hiền-nhân dã, tương dữ phụ-tướng chi, cố cửu nhi hậu thất chi dã. Xích-địa mạc phi kỳ hữu dã, nhất-dân mạc phi kỳ thần dã. Nhiên-nhi Văn-vương do phương bách-lý khởi, thị dĩ nan dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy nói : « Vua Văn ai dịch bằng được. Vì đời nhà Ân tự vua Thang đến vua Vũ-Đinh, có đến sáu bảy đời vua thánh hiền dấy lên, thiên-hạ qui-phục nhà Ân đã lâu ; lâu thì khó mà biến-đổi vậy. Đương thời vua Vũ-Đinh lâm-ngự chư-hầu thống-nhất thiên-hạ, khác nào như vận-dụng ở trên bàn tay. Vua Trụ cách vua Vũ-Đinh chửa bao lâu; khi đó nhà cũ, tục sót, thói truyền, chính hay, vẫn hãy còn cả. Lại có ông Vi-tử, ông Vi-Trọng, Vương-tử là Tỉ-Can, ông Cơ-tử, ông Giao-Cách, đều là người hiền, cùng nhau phò giúp vua Trụ; cho nên vua Trụ tuy ác, nhưng cũng lâu rồi mới mất. Huống đương thời ấy một thước đất chẳng chỗ nào là không phải của nhà Ân, một đứa dân chẳng người nào là không phải tôi nhà Ân. Thế mà vua Văn còn tự miếng đất vuông trăm dặm khởi lên, cho nên khó vậy.

Chú-giải. — *Ân* = Tức là nhà Thương. *Thang* = Ông vua khai-sáng nhà Thương. *Vũ-Đinh* = Ông vua trung-hưng nhà Thương. *Trụ* = Ông vua tàn-ác làm mất nhà Thương. *Cố-gia* = Những nhà cựu-thần lũy-thế.

Đây là giải ra cái cớ vua Văn sở-dĩ khó vương được thiên-hạ, là vì gặp phải thời-thế khó, không phải là đức kém vậy.

∴

易今如鎰勢。不有言齊
然時待基。難如智曰。人
也。則時。不有乘慧。雖有

Dịch-âm. — « *Tề-nhân hữu ngôn viết : « Tuy hữu trí-tuệ, bất như thừa-thế, tuy hữu tư-cơ, bất như đãi-thời » kim thời dị nhiên dã.*

Dịch-nghĩa. — Người Tề thường có nói : « Tuy có trí-tuệ không bằng thừa-thế, tuy có tư-cơ, không bằng đãi-thời » Thời-thế như ngày nay thì dễ lắm.

Chú-giải. — *Trí-tuệ* = Cái óc khôn-ngoan để làm mọi việc. *Tư-cơ* = Mọi đồ khí-cụ để làm ruộng.

Đây là dẫn chứng lời người nước Tề nói : Làm việc dẫu cay có trí khôn cũng phải thừa-thế mới làm được ; làm ruộng dẫu nhờ có khí-cụ cũng phải đãi-thời mới làm xong, để rõ ra cái lẽ phàm vương thiên-hạ, tất phải nhờ về thời-thế.

∴

也。政民民乎鳴而未夏
而不矣。四犬齊有后
王。故地境。吠有過殷
莫聚不而相其千周
之矣。故齊聞。地里之
能行辟有而矣。者盛。
衆仁矣。其達鷄也。地

Dịch-âm. — *Hạ-hậu, Ân, Chu chi thịnh, địa vị hữu quá thiên-lý giả dã, nhi Tề hữu kỳ địa hĩ. Kê minh khuyển phệ tương-văn, nhi đạt hồ tứ cảnh, nhi Tề hữu kỳ dân hĩ. Địa bất cải tịch hĩ, dân bất cải tụ hĩ; hành-nhân-chính nhi vương mạc chi năng ngữ dã.*

Dịch-nghĩa. — « Nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu các nhà hưng-thịnh, đất chửa có nhà nào rộng hơn nghìn dặm bao giờ, mà nước Tề thì có đất rộng đó. Tiếng gà gáy chó cắn cùng nghe, khắp cả ra bốn cõi, mà nước Tề đã có dân đông-đúc đó; đất không cần phải mở-mang mà đất đã rộng rồi; dân không cần phải chiêu-tập mà dân đã đông rồi, nhân thế mà làm nhân-chính để vượng thiên-hạ, thì ai ngăn lại được.

Chú-giải. — *Tịch* — Mở-mang thêm đất. *Tụ* = Tụ-họp thêm dân.

Đây là kể nước Tề đất rộng dân đông đã có cái thế dễ vượng được thiên-hạ.

∴

者 者 此 政。之 此 作。且
易 易 時 未 憔 時 未 王
爲 爲 者 有 悴 者 有 者
飲。食。也。甚 於 也。疏 之
渴 饑 於 虐 民 於 不

Dịch-âm. — « *Thả vương-giả chi bất tác, vị hữu sơ ư thử-thời giả dã, dân chi tiều-tụy ư ngược-chính, vị hữu thậm ư thử thời giả dã; cơ giả dị vi thực, khát giả dị vi ẩm.*

Dịch-nghĩa. — Vả lại đấng vương-giả không dấy lên, chửa có thời nào cách xa hơn thời này; nhân-dân khốn-khổ về ngược-chính, chửa có thời nào thậm-tệ hơn thời này; ví như người đói người khát, ăn uống cực dễ.

Chú-giải. — *Sơ* = Cách xa. Nước Tề gặp vào cái thời Chiến-quốc, nhân-dân cực-khổ, nếu làm nhân-chính thì dễ cảm lòng dân, ví như người gặp cảnh đói khát, thì không cần ngon-ngọt cũng dễ no lòng. Đó là nói nước Tề có cái thời dễ vượng được thiên-hạ.

∴

傳 置 行。德 孔
命。郵 速 之 子
而 於 流 曰。

Dịch-âm. — *Khổng-tử viết: « Đức chi lưu hành, tốc ư chi bưu nhi truyền mệnh. »*

Dịch-nghĩa. — « Ông Khổng nói rằng: « Đức-chính của vua, lưu-hành ra dân-gian, có thể chóng hơn là người trạm ngựa trạm đi truyền-mệnh. »

Chú-giải. — *Chi* = Quân chạy giấy dùng người. *Bưu* = Quân chạy giấy dùng ngựa.

Đây là dẫn lời đức Khổng-tử nói nhân-chính cảm người dễ mà lại chóng, huống gặp được thời-thế mà thi-hành đức-chính thì lại chóng đến đâu.

∴

時 倍 之 故 解 之 行 萬 當
爲 之。人。事 倒 悅 仁 乘 今
然。惟 功 半 懸 之。政。之 之
此 必 古 也。猶 民 國 時。

Dịch-âm. — « *Đương kim chi thời, vạn-thằng chi quốc hành nhân-chính, dân chi duyệt chi, do giải đảo-huyền dã. Cổ sự bán cổ chi nhân, công tất bội chi, dung thử thời vi nhiên.* »

Dịch-nghĩa. — « Đương buổi ngày nay, nếu lấy cái nước vạn-thặng, mà làm điều nhân-chính, thì dân họ vui-vẻ bằng lòng, như cởi cái dây treo ngược ra cho họ. Cho nên việc làm chỉ bằng nửa người đời xưa, mà công-hiệu chắc là gấp hai, duy thì-buổi này là dễ thế. »

Chú-giải. — *Vạn-thặng* = Nước lớn, có binh-xa muôn cỗ, nghĩa đã thích rõ ở đầu thiên *Lương-huệ-vương*. *Đảo-huyền*: Treo ngược, ví như ngược-chính làm khổ dân.

Đây là nói đương-thời ấy đã có thời, có thế dễ làm, nếu mà lấy đức-hóa cảm người thì lại rất chóng, cho nên sự làm không khó-nhọc mấy mà được công-hiệu nhiều, để rõ cái cớ rằng muốn làm cho nước Tề hưng-vượng thống-nhất cả thiên-hạ cũng dễ như giở bàn tay.

(*Còn nữa*)

Đông-Châu *dịch*

THANH-HÓA NHÂN-VẬT CHÍ (1)

III

8. Nguyễn-triều Thái-Tổ (2)

Khi Nguyễn-triều đã nhất-thống nước An-Nam rồi, thì truy-phong-đế các đấng liệt-tổ, trong *Sử-ký* kể từ đức Triệu-tổ (Nguyễn Kim) là thủy-tổ Nguyễn-triều, tôn-hiệu là : Triệu-tổ Tĩnh-hoàng-đế ; con ngài là đức Nguyễn Hoàng thì tôn-hiệu là Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế, và năm 1558 là năm ngài vào đất Thuận-hóa thì kể từ đó là năm đầu kỷ-nguyên triều Nguyễn.

Đức Thái-tổ sinh năm ất-dậu (1525) ở làng Qui-hương, huyện Tống-sơn, phủ Hà-trung. Khi ngài lên 2 tuổi, đức Triệu-tổ (3) đi sang nước Lào để tìm kế khôi-phục nhà Lê. Nên đức Triệu-tổ phải giao ngài cho ông cậu tên là Ư-Kỷ, (quan Thái-phó Uy-quốc-công triều nhà Lê.)

Kể từ năm mậu-ngọ (1558) là năm đức Thái-tổ mới ra khai-thác giang-sơn (4) Theo như lời bia mà vua Thiệu-trị sai dựng năm 1842 ở Đò Cân-đài cách độ một cây-lô-mét về phương nam thành Đồng-hới, tỉnh-lỵ Quảng-bình, có chép lại như thế.

Thế thì đức Thái-tổ thực là một vị vua khai-sáng ra triều Nguyễn.

Nguyên khi ấy bao nhiêu quyền-chính trong ngoài (5) của đức Triệu-tổ đều vào tay Trịnh Kiểm (6) cả. Nhưng mà Trịnh Kiểm lại còn vướng có những con đức Triệu-tổ ngăn-trở sợ tranh mất quyền-chính của mình, cho nên có ý ghen-ghét. Không được bao lâu người con trưởng tên là Uông bị hại chết ; không thấy sách nào nói việc ông ấy chết ra thế nào, nhưng vẫn truyền rằng vì cớ Trịnh Kiểm ghét mà chết. Còn đức Thái-tổ là con thứ hai đương ở lúc nguy-nghi giữ-gìn cẩn-thận, mà anh rể vốn có ý ngờ, sau được cử vào trấn-thủ Thuận-hóa, nên không bị hại.

Những nhà chép Sử (7) chép rằng: « Trịnh Kiểm ghét Đoan Quận-công (8) tìm cách hại. Ư-Kỷ biết vậy khuyên ngài giả điên, cử-động đi đứng ăn nói khác thường ; làm như thế có thể khỏi mắc vào tay Trịnh-Kiểm. Quan Tham-nghị Nguyễn Hữu-Long xin Trịnh Kiểm triệt Thái-tổ đi cho khỏi

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 77, 80,

(2) Chúng tôi chép bài này đã góp nhặt bài bia « Thành-lũy Đồng-hới ». Bài nói về triều Nguyễn khai-sáng ở Nam-kỳ. Sách biên-tập của trường khảo-cổ Viễn-đông (tháng giêng và tháng sáu năm 1906).

(3) Đức Triệu-tổ phải tướng nhà Mạc đánh thuốc độc mất năm 1543, để lại hai con trai và một con gái, người con gái tên là Ngọc-Báu lấy Trịnh Kiểm.

(4) Năm thứ nhất niên-hiệu Chính-trị vua Lê Anh-tôn, ngài mới vào trấn ở Thanh-hóa, năm thứ 5 niên-hiệu Quang-bảo ngài lại ra ngoài bắc.

(5) Về đời vua Lê Trang-tôn (năm 1533-1548) niên-hiệu Nguyên-hòa.

(6) Trịnh-Kiểm quê ở Sóc-sơn, huyện Vĩnh-phúc, phủ Thiệu-thiên (bây giờ là làng Sac-sơn, tổng Sac-sơn, phủ Quảng-hóa,) Trịnh Kiểm sinh ở Nghị-thượng, huyện Vĩnh-phúc (bây giờ là làng Bồng-thượng, tổng Bồng-thượng, phủ Quảng-hóa) gần sông Mã.

(7) *Đại-nam chính-biên liệt-truyện sơ-tập.*

(8) Thái-tổ khi ấy thắng được quân nhà Mạc ở đất Bắc nên được phong tước công.

lo về sau. Đức Thái-tổ mật biết tin như thế, sợ hãi lắm, bàn với Ư-Kỷ. Ư-Kỷ bảo rằng : « Kiềm lập-mưu gian-hiểm lắm, phải nên tránh đi xa cho khỏi nạn. Đất Thuận-hóa là nơi hiểm-cố nên đến đấy lánh mình, Ngài nên nói với chị ngài là bà Ngọc-Báu, để bà nói hộ với Trịnh Kiềm cho vào trấn-thủ đất ấy, rồi sau ta sẽ tính ». Đức Thái-tổ nghe làm vậy mới nhờ bà Ngọc-Báu ; bà nhân lúc ngồi một mình với chồng mới nói giúp cho đức Thái-tổ.

Đất Thuận-hóa nguyên mới lấy của nước Chàm (1) đã gần được một thế-kỷ, mà vẫn muốn độc-lập. Vả lại nhà Mạc muốn quấy-nhiễu cả hai mặt nam bắc giáp-công, nên đã sai mấy toán quân về Thuận-hóa và Quảng-nam. Kiềm đang lo việc ấy, thấy vợ xin thế thì cho ngay Thái-tổ vào dẹp giặc trong nam, cốt để đưa người cừu-địch mình cho vào chống quân Mạc, là đặt vào đất chết đó. Bèn làm sớ tâu vua Lê Anh-tôn cho đức Thái-tổ vào làm quan trấn-thủ Thuận-hóa ; lúc bấy giờ vua Lê Anh-tôn mới nhờ Trịnh Kiềm được lên ngôi.

Đức Thái-tổ được vào trấn-thủ đất Thuận-hóa năm 1558 (kể năm An-Nam thì bấy giờ ngài 34, nhưng kỷ-thực thì 33 tuổi vì ngài sinh năm 1525.) Cứ xét các tờ bồi để lại, thì ngài có quyền-thế to lắm, nhưng có việc gì cũng bàn tính với quan trấn-thủ Quảng-nam là Bùi Bá-Hàn và phải giúp đỡ lẫn nhau.

Về sau vì ở Quảng-nam còn có quan Trấn-thủ thì việc độc-lập của đức Thái-tổ còn phải ngăn-trở. Đầu năm 1570, quan Trấn-thủ Quảng-nam tên là Nguyễn Bá-Quỳnh phải trừu về, đức Thái-tổ bèn được trấn-thủ cả hai tỉnh.

Các sách chép rằng : Tháng 10 năm 1558, đức Thái-tổ được vào làm Trấn-thủ Thuận-hóa, thì ngài đi phó-nhiệm ngay. Ngài biết bụng Trịnh Kiềm như thế, nên ngài phải vội đi.

Theo *Cương-mục* và *Thực-lục* thì lúc ngài đi có nhiều người theo lắm. Vì đức Triệu-tổ khi xưa có danh-giá và ngài lại có nhiều công chiến-trận và có đức-hạnh, cho nên nhân-dân kính-phục lắm. Dân ở huyện Tống-sơn là quê ngài ở tỉnh Thanh-hóa đi theo nhiều. Các quan và lính hai tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an cũng theo ngài rất đông, định quyết-chí sống chết theo ngài, thật là được lòng dân qui-phục nhiều lắm.

Thực-lục chép rằng các quan lớn nhỏ ở Thanh-hóa nhiều người đi theo ngài. Những nhân-dân ở làng Tống-sơn đi theo ngài lập lên nhiều làng ở trong nam (Thừa-thiên, Quảng-trị, Quảng-bình). *Cương-mục* và *Thực-lục* chép rằng : Khi ấy nhiều người phục-tòng đức Thái-tổ, nhưng cũng không đủ mà làm thành một đội binh nhỏ được. Đức Thái-tổ có đi ra Bắc-hà hai lần (1569-1570 và 1593-1600) lúc trở về thì nổi tiếng và có quyền-thế to hơn lên, bấy giờ dân Tống-sơn ngụ ở trong Nam cũng lại theo cả.

Có câu sấm rằng: « Hoành-sơn nhất đới, vạn-đại dung thân » (2) là nói nhà Ngài được hưởng lộc muôn đời. Dẫy núi ngang ấy bây giờ gọi là Hoành-sơn, nay gọi nôm là Đèo-ngang. Dẫy

---

(1) Đời vua Lê Thánh-tôn năm 1471 mới lấy được. Nguyên từ đời vua Trần Anh-tôn năm 1306 hai châu Ô và Lí đã hiến cho nhà Trần, đổi tên là châu Thuận và châu Hóa. Lúc đức Thái-tổ vào trấn-thủ thì đất Thuận-hóa hợp với mấy tỉnh bây giờ là Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên và một phần tỉnh Quảng-nam.

(2) Có chép ở *Đại-nam quốc-sử diễn-âm ca*.

núi ấy ở dẫy Đại-nam-sơn kéo ra đến tận bể, ở phía bắc tỉnh Quảng-bình bây giờ.

Khi chúa Nguyễn (1) không chịu chúa Trịnh mà phân giang-sơn độc-lập, thì chúa Nguyễn lấy từ sông Linh-giang (sông Gianh), về phía nam dẫy núi ấy cách độ 28 ki-lô-mét làm bờ cõi. Đất chúa Nguyễn bấy giờ gọi là đàng trong, còn đất chúa Trịnh thì là đàng ngoài. Đức Thái-tổ khi mới vào là đi đường thủy đến Thuận-hóa đỗ vào bến An-việt (cửa sông Việt Quang-trị).

Đức Thái-tổ đến cồn cát Ái-tử thì thổ-dân đem dâng ngài bảy vò nước lớn. Ngài lấy làm lạ. Khi ấy có quốc-cữu là Ư-Kỷ đi theo ngài, liền thưa rằng: « Đó cũng là lòng trời, khi chúa mới đến mà dân đem nước dâng, rõ là một điềm đắc-quốc. » Vì tiếng An-Nam chữ « *nước* có hai nghĩa: một là nước uống (*thủy*,) và chữ *quốc* cũng nghĩa là nước. Đức Thái-tổ nghe lời bằng lòng nhận lễ cho là điềm hay. Ngài lập dinh ở Ái-tử, làng ấy ở mé dưới và ở xế về phía bắc Quảng-trị bây giờ, ngay chỗ hai phủ giáp nhau. Quan trấn-phủ Thuận-hóa tên là Tống Phúc-Trị đem dâng ngay cho ngài những sổ sách các tỉnh và qui-thuận theo ngài. Năm 1570 đức Thái-tổ di dinh ra Trà-bát, ở mé dưới Ái-tử (2) độ một vài ki-lô-mét.

Về sau những nhà văn-chương An-Nam cho đất Thuận-hóa là một nơi thiên-phủ. Đất Thuận-hóa cũng như một cái thành chung quanh có núi, có bể bao-bọc, là một nơi kim-thành thang-trì trời vẫn để dành cho Nguyễn triều ta vậy.

Đức Thái-tổ đến đất Thuận-hóa năm 1558, tức là năm đầu khai-cơ ra triều Nguyễn. Về sau có lẽ Trịnh Kiểm cũng hối rằng để cho đức Thái-tổ đi như thế là thất-sách, nhưng đã chậm quá rồi. *Sử-ký* chép rằng: « Năm kỷ-tị (1568) đức Thái-tổ ra chầu vua Lê Anh-tôn (3); khi yết-kiến vua rồi, ngài đi đến dinh Trịnh Kiểm; Kiểm cùng ngài trò-truyện với nhau tỏ tình thân-ái ngày xưa. Năm sau đức Thái-tổ về Thuận-hóa, nhờ có Trịnh Kiểm mới được trấn cả Quảng-nam; thế là hai tỉnh về phía nam cũng về quyền ngài cả. »

Kỷ-thủy con Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng xử với đức Thái-tổ cũng không được thỏa-thuận như xưa, năm qui-dậu (1573) Trịnh Tùng đánh được anh là Trịnh Cối (4) và giết vua Lê Anh-tôn rồi, mới tôn vua Lê Thế-tôn (1572-1592) lên ngôi. Vua Lê Thế-tôn mới lên ngôi nghe lời khuyên của Trịnh Tùng muốn làm cho thiên-hạ qui-phục, bèn sai một sứ-giả vào Thuận-hóa để ban thưởng và phong đức Thái-tổ làm Thái-phó. Trịnh Tùng bày mưu làm vậy là có ý sợ đức Thái-tổ, coi như người thù-địch với mình. Theo sử chép thì Trịnh Tùng lại sai ngầm hai tướng giặc là Mĩ-Lương và Lập-Bạo đánh nhau với đức Thái-tổ. Năm bính-tuất (1586) chúa Trịnh sai Nguyễn Tạo làm quan Hiến-sát-sứ đi vào Thuận-hóa khám

---

(1) Đức Thái-tôn-hiếu-triết Hoàng-đế mà sử-thần gọi là Hiền-vương (1648-1687).

(2) Mãi về sau, vào năm 1635, đời vua Thần-tôn Hiển-chiêu Hoàng-đế (1635-1648) mà sử-thần chép là Công-thượng-vương đều đóng đô ở Kim-Long, ở trên Huế độ 2, 3 ki-lô-mét; ở đấy có đền Thiên-mẫu mà người Thái-tây gọi lầm là đền thờ đức Khổng-tử, chắc vì cái đền ấy làm ở trên con đường đi vào Văn-miếu. Năm 1687 vua Anh-tôn Hiếu-nghĩa Hoàng-đế (1687-1691) mà nhà sử-thần gọi là Ngãi-vương đều đóng đô ở Phú-xuân, chỗ thành Huế bây giờ.

(3) Năm 1556-1572.

(4) Trước khi hai tháng Trịnh-Kiểm chưa chết về hồi cuối năm 1567, đã giao quyền-chính cho Trịnh-Cối. Nhưng lúc Kiểm chết rồi, Trịnh Cối bị Trịnh Tùng đánh đuổi, thua chạy hàng về nhà Mạc (năm 1570).

xét ruộng-nương đất cát và thu thuế. Tuy rằng đức Thái-tổ khi ấy hằng năm không chịu cống-hiến tử-tế, nay thấy Trịnh Tùng làm như vậy thì cũng biết là Trịnh Tùng không bằng lòng.

Từ đấy Trịnh Tùng với đức Thái-tổ đôi bên hiềm-khích nhau, tuyệt-giao từ năm 1600.

Tháng năm năm quí-tị (1593), đức Thái-tổ ra Thăng-long, để chiếm-cứ vua Lê Thế-tôn (1) chúc mừng đã khôi-phục lại được kinh-thành nhà Lê là Đông-kinh và đã đuổi được quân Mạc lui lên ở sơn-phận phía bắc Bắc-kỳ. Vua khen và trọng-vọng ngài lắm, thấy ngài có can-đảm nhiều lần sai ngài đi đánh các loạn-đảng và đánh quân nhà Mạc (2), nhưng không thấy nói đến cho ngài về Nam. Ngài phải lưu ở Bắc mất ngót 8 năm. Quyền-thế ở chúa Trịnh cả, khi ấy chúa Nguyễn còn kém Trịnh nhiều lắm; năm giáp-ngọ (1594) Trịnh Kiểm được phong-tặng « Thái-vương »; vua sai ngài đi làm lễ phong-vương. Còn đức Triệu-tổ là người khôi-phục nhà Lê và gây dựng lên cơ-nghiệp nhà Trịnh, là thân-sinh ra đức Thái-tổ, bấy giờ cũng được tặng-phong, nhưng chỉ được phong tước công mà thôi. Năm 1599, Trịnh Tùng được phong Bình-an-vương, mà đức Thái-tổ trong năm 1593 chỉ được phong là Đoan Quận-công mà thôi, ngài thấy chúa Trịnh có quyền-chính hơn mình và có ý ghen-ghét, mà ngài lại biết rằng Trịnh Tùng có lẽ ngờ mình muốn giữ ở mãi Thăng-long để nhân dịp mà giết đi.

Nhân lúc bấy giờ ở các tỉnh Trung-châu có loạn, Ngài muốn nhân dịp ấy mà trốn đi cho thoát.

Tháng năm năm canh-tí (1600) ngài họp hết cả quân lính, lấy cớ đi đánh giặc, đem quân đi đóng ở cửa Đại-an (Cửa Đại) trong tỉnh Ninh-bình, đó là thẳng đường thủy đi về Thuận-hóa, nên ngài mới thúc binh-thuyền chạy thẳng về cõi nam, nhất-định đi cho thoát, nhược bằng không cho đi cũng đánh mà đi. Làm như thế là khinh Trịnh Tùng, phàm những mưu của chúa Trịnh trù-tính đều hỏng cả, không những làm lo cho hiện-thời mà lại làm lo cho tương-lai nữa. Các nhà làm sử chép rằng: « Khi binh-thuyền ngài đến cửa Thần-phù (3) thổ-dân đi theo đông lắm. Ư-Kỷ biết rằng quân chúa Trịnh đuổi theo gần đến, mới sai chèo thuyền cho mau, nhưng đứt mất dây cột chèo. May có một người đàn-bà ở huyện Anmô tên là Phạm Thị-Công, đem dâng một nắm tơ sống, nhờ có tơ ấy làm dây buộc chèo mới đi lên được. Quân chúa Trịnh sai đi đuổi đến cửa Thần-phù, đức Thái-tổ đã vượt ra ngoài bể rồi. »

Trịnh Tùng lấy làm tức giận lắm, nhưng không nói ra. Vả lại lúc bấy giờ nguy-biến lắm vì có các đảng khởi-loạn. Trịnh Tùng phải rước Lê-hoàng vào Thanh-hóa. Tuy vậy đức Thái-tổ vẫn làm hết cách để cho Trịnh Tùng nguôi giận. Ngài vào trong Nam được 5 tháng, đến tháng 10 năm canh-tí, Trịnh Tráng là con cả Trịnh Tùng lại kết-duyên với con gái ngài là nàng Ngọc-Tú.

Đức Thái-tổ từ khi bỏ Bắc-hà không trở ra nữa, Nam Bắc hai triều càng ngày càng phân-cách nhau ra.

Khi các loạn-đảng ở trung-châu đã dẹp xong rồi đến tháng sáu, Trịnh Tùng sai sứ vào trách hỏi Thái-tổ từ khi làm trấn-thủ Thuận-hóa mà đã nhiều

---

(1) Năm 1572-1599. — (2) Đức Thái-tổ vì có nhiều chiến-công được phong là Đoan-Quận-công. Hai người con trai đều tử trận; con thứ hai là Hán mất ở Sơn-nam, năm 1593; con thứ tư là Diễn mất ở Thái-dương năm 1593.

(3) Giáp tỉnh Ninh-bình và tỉnh Thanh-hóa

phen mượn cớ là vận-tải đường bể khó đi bỏ không cống-hiến, nay phải thu thuế mà đem nộp để sung quốc-dụng, nhược bằng không nộp, thì đem quân đánh. »

Xét *Thực-lục* chép rằng: Năm canh-thân (1620) Nguyễn Trịnh giao-binh lần thứ nhất xong rồi, thì đức Sãi-vương là con kế-nghiệp đức Thái-tổ mới thôi hẳn không cống-hiến nữa. Nhưng mà chắc rằng năm 1600 lúc đức Thái-tổ mới ở Bắc-hà về thì ngài không cống đủ số nữa, mà có cống cũng không được đúng hạn như trước. Nên việc thôi cống-hiến kể đã mấy năm là một cái cớ gây ra những trận đánh nhau trong năm 1620, từ đó đôi bên tuyệt-giao.

Khi đức Thái-tổ đến trấn đất Thuận-hóa năm 1558, thì quyền thống-trị đất ấy của nhà Lê chưa được bền-chặt. Ngài còn phải đánh mới lấy được. Xét bài bia ở Cầu-dài tỉ công-lao khó-nhọc của đức Thái-tổ như người vào rừng hoang phá đồn-điền còn phải phá gai mở đất. Khi ấy ngài còn phải đánh hai tướng tên là Mĩ-Lương và Lập-Bạo để chiếm lấy đất ấy.

Hai tướng giặc ấy, nhân lúc loạn-lạc, chỉ đi cướp của cải. Nếu chúng bị đường trong đánh thì lại ra đường ngoài cứ bề nào mạnh thế thì theo. Trước chúng đã đi đánh giúp nhà Mạc, sau lại hàng với nhà Trịnh.

Đức Thái-tổ vốn không sợ gì nhà Mạc, vì một lẽ rằng nhà Mạc ở Thuận-hóa cũng chưa có thế-lực gì vững-vàng; hai là nhà Mạc và Nguyễn-triều cùng thù-địch với nhà Trịnh; sau nữa Nguyễn với Mạc có thông-gia với nhau, cho nên hai nhà vẫn phải giao-thông tử-tế.

Mạc Cảnh-Huống là em Mạc Phúc-Hải vua thứ ba nhà Mac (1540-1546) kết-hôn với em vợ đức Thái-tổ và ngài lại cho làm quan to ở trong Nam. Mạc Cảnh-Huống lại làm mối cho Sãi-vương là con nối nghiệp đức Thái-tổ kết-hôn với trưởng-nữ Mạc Kính-Điển là anh thứ hai người ấy.

Thế mà trong năm Canh-thân (1560) và năm Canh-ngọ (1570), hai lần quân nhà Mạc xông vào Thanh-hóa, Nghệ-an làm cho đức Thái-tổ lo sợ. Ngài phải sắp sẵn quân lính để phòng quân giặc đến. Năm 1560 ngài lại sai lập đồn khắp ven bờ bể.

Mĩ-Lương (1) biết rằng quân nhà Mạc đã kéo đến Nghệ-an (năm 1570) bèn mang quân đánh toan cướp lấy huyện Võ-xương (2). Khi nhà Mạc thua chạy thì Mĩ-Lương cùng hai em là Văn-San và Nghĩa-Sơn đem thóc gạo dâng chúa Trịnh mà xin đầu-hàng. Trịnh Tùng liền sai chúng đi đánh đức Thái-tổ, Mĩ-Lương được phong làm tham-đốc, còn hai em thì được phong làm thự-vệ.

Năm tân-vị (1571) các tướng Trịnh tưởng rằng thừa-cơ đánh được đức Thái-tổ, nên nhất-định đánh lấy huyện Võ-xương.

Văn-Lan và Nghĩa-Sơn kéo quân đến huyện Minh-linh (ở phía bắc tỉnh Quảng-trị bây giờ). Còn Mĩ-lương thì phải theo đường rừng núi, qua Bãi-trời và Cam-lộ, đến một nơi gọi là Ngọa-kiều, cách phía nam thành Quảng-trị độ bốn cây-lô-mét ở bờ ngòi chảy từ Quảng-trị sang Thừa-thiên. Đến ngày giáp-chiến thì hai đạo binh cùng đánh ở phía bắc và phía nam, mà quân của Nguyễn-triều thì đóng ở Ái-tử.

---

(1) Quê ở làng Phổ-Hanh hay Hành-phổ, huyện Khang-lộc, bây giờ là phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình.

(2) Phủ Triệu-phong, bây giờ thuộc tỉnh Quảng-trị

Cách bố-trận như thế khéo lắm, nhưng đức Thái-tổ mật biết được tình-ý quân giặc, bèn chia quân ra làm hai đạo. Đạo thứ nhất thì Trương Trà (1) làm đại-tướng dẫn quân đi đón đường quân Nghĩa-Sơn theo đường quan-lộ đi lại. Đức Thái-tổ thân-hành cầm đạo thứ nhì đi đón đánh ở Ngọa-kiều. Quân giặc không ngờ ngài đến nên bị thua tan-nát cả. Trại giặc bị cháy; Mĩ-Lương chạy trốn nhưng mà bị quân đuổi theo bắt được giết chết.

Lúc bấy giờ Trương Trà đi đường quan-lộ đuổi theo đạo tặc-binh thứ nhì đến làng Phúc-thị cách phía bắc Quảng-trị độ 30 cây-lô-mét. Lúc mới khai-chiến thì Trương Trà bị tên không đánh được nữa. Nam-binh bối-rối sắp bỏ trốn thì có Trương Trà (2) phu-nhân vội-vàng cải nam-trang cầm quân ra đánh thì chém được Nghĩa-Sơn. Vì thế nên trận ấy mới thắng.

Văn-Lan đem quân chạy về bắc. Khi thắng-trận rồi, đức Thái-tổ tặng-phong Trương Trà là « Quận-công » và vợ là « Quận phu-nhân ».

Vì Mĩ-Lương đem quân đến đánh nên trong tỉnh Giang-nam có một vài nơi nhiễu-loạn. Ngài bèn sai tướng tên là Mai Đình-Dung đi dẹp cho yên.

Những trận đánh nhau với Mĩ-Lương thì đức Thái-tổ thắng cả. Tuy ngài can-đảm nhưng lâm đến sự mà phải dùng đến những quỉ-kế thì ngài cũng dùng. Ngài đánh lừa bắt được Lập-Bạo mà giết đi. Trong năm Quang-bản (1554-1561) Mạc qui-phục-Nguyễn triều(3), Ngài sai quan quận Lập đi trấn-thủ Thuận-hóa và Quảng-nam. Quan-quận đóng ở huyện nhà là huyện Khang-lộc. Dụ hàng được quân Mạc ở Thanh-hóa và Nghệ-an. Năm canh-ngọ (1570) quân nhà Mạc nhân thấy anh em Trịnh Cối và Trịnh Tùng là con Trịnh Kiểm tranh quyền đánh nhau, mới khởi lên đánh một trận to, nhưng mà quân Mạc Kính-Điển thua bại-hoại.

Những trận trong năm 1570, không thấy nói đến Lập-Bạo, nhưng mà những sử-sách Nguyễn-triều thì lại chép rằng năm nhâm-thân (1572) ngươi ấy đánh nhau với đức Thái-tổ. Trước ngươi ấy cũng phò nhà Mạc, sau thấy quân Mạc thua ở phía bắc, mới kéo quân về quê mình, quay lại đánh nhau với quân trấn-thủ Thuận-hóa, tưởng rằng dễ thắng được, thế là ngươi ấy vẫn phò về nhà Trịnh, cho nên trong sách *Việt-Nam khai-quốc* chép rằng lúc Trịnh Tùng được tin Lập-Bạo phải mắc mưu đức Thái-tổ giết đi thì tức giận lắm.

Quân giặc do đường bộ đường thủy tiến lên, đem 60 chiếc binh-thuyền đi vào sông Việt (4). (Trong Bản-đồ là cửa Việt), còn bộ-binh kể có 6 nghìn người ở Khang-lộc mé trong tỉnh Quảng-bình đi đường quan-lộ (thiên-lý) kéo đến.

Dân-sự đều phải tàn-phá, quân giặc tiến vào đóng ở chùa Thanh-tương ở làng Lãng-uyển chỉ còn cách Ái-tử là chỗ dinh trại của đức Thái-tổ một vài cây-lô-mét.

Bấy giờ đức Thái-tổ đã thu-tập cả quân lại để chống giữ. Nhưng bắc-quân đông quá, đã trải nhiều trận quân ngài không thể cự nổi được. Ngài biết vậy phải lập mưu lừa Lập-Bạo vào một nơi mà bắt lấy.

---

(1) Quê ở Tống-sơn, Thanh-hóa.

(2) Về họ nhà Trần, quê ở làng Diên-trường, phủ Phú-vang, Thừa-thiên.

(3) Vua thứ tư nhà Mạc năm 1546-1561.

(4) Sông ở Quảng-trị.

Trong *Thực-lục* có chép một truyện huyền như sau này : Đang đêm hình như ở sông có tiếng động dị-thường. Ngài lấy làm lạ mới khấn rằng : « Nếu thủy-thần có phép thần-thông, xin giúp tôi để đánh được quân giặc. » Ngay đêm hôm ấy, ngài nằm mộng thấy một người con gái mặc áo xanh đứng ở trước mặt ngài bảo rằng : « Nếu minh-công muốn đánh đuổi được quân giặc, phải dùng kế mĩ-nhân, mà dụ nó lên bãi cát. Tiện-nữ này xin hết sức giúp minh-công. » Đức Thái-tổ thấy chiêm-bao như thế, ngài bèn sai một người con gái cực đẹp, tên là Ngọc-Lâm họ Ngô, quê ở làng Thế-lai, huyện Hương-trà (Thừa-thiên) đem lễ-vật vàng bạc, tơ lụa đến dâng Lập-Bạo. Ngài dặn người con gái ấy nói với Lập-Bao rằng : « Xin đến ngày ấy đến cùng uống máu ăn thề để cùng giao-hảo. » Lập-Bạo phải lòng người con gái đẹp, tưởng đức Thái-tổ thực bụng, người ấy vẫn biết rằng Nguyễn-chúa với Trịnh Tùng có hiềm-thù nhau, cũng muốn cùng với họ Mạc mà đánh nhà Trịnh, nên Lập-Bạo mới cả tin lời đức Thái-tổ đi bộ đến nơi để ăn thề.

Đức Thái-tổ được tin Ngô Thị-Lâm mật-báo, sai đắp ở bên sông chỗ nghe thấy tiếng động hôm trước một cái mô đất để làm lễ uống máu ăn thề. Nhưng lại mật sai đào một cái hố để cho quân lính núp ở đấy. Lập-Bạo với Ngô Thị-Lâm đi một chiếc thuyền con đến, chỉ có vài cái thuyền đi theo. Lập-Bạo khi ấy hãy còn hồ-nghi, trông xa xem đức Thái-tổ có ý phản-trắc gì mình không, thì chỉ thấy đức Thái-tổ đứng với vài chục tên lính, giơ tay vẫy mình mà thôi. Trông thấy thế mới yên bụng, cứ chững-chạc lên bờ, đi đến chỗ ăn thề. Lúc đến nơi thì quân-lính nấp ở dưới hố ùa lên đánh. Lập-Bạo cùng binh-lính thất-kinh chạy vội xuống thuyền, nhưng thuyền đã xa bờ rồi. Lập-Bạo nhảy xuống nước bơi cho kịp thuyền nhưng phải quân đức Thái-tổ bắn tin phải nhiều tên.

Đức Thái-tổ kéo ngay quân đến chúa Thanh-tương, đánh quân giặc tan nát. Tên nào thoát chết thì trốn xuống thuyền, nhưng mà gặp cơn gió to thuyền đắm. Còn những tên chạy thoát đều xin đầu hàng ; ngài bèn sai đi phá đồn-điền nơi rừng núi ở phía tây-bắc Quảng-trị bây giờ, tục thường gọi là Bãi-trời. Chung quanh đồn-tiền lập thành ba-mươi sáu làng.

Ngài hậu-thưởng cho Ngô Thị-Lâm đã dụ được Lập-Bạo và ngài gả cho một ông quan trong triều ; ngài lại lập miếu ở bên sông để thờ thủy-thần đã báo mộng cho ngài và phong là Trảo-trảo (1) công-chúa. Công-chúa là thủy-thần hiển-linh có phù-trợ được nhiều việc.

Những nhà làm dã-sử chép rằng : Khi đức Thái-tổ đến trấn Thuận-hóa thì nước Chiêm-thành vẫn hàng-phục, nhưng ít lâu nước ấy lại xâm-lấn biên-thùy. Nên trong năm 1611 hay là 1612, ngài chiếm lấy một phần đất nước ấy và lập thành phủ Phú-yên (Cadière, trang 92).

Đức Thái-tổ đã dẹp yên trong nước rồi, làm chúa-tể cả một phương ấy, mới thi nhân-chính để phục lòng dân và mở-mang các tỉnh cho giàu-thịnh.

Công-nghiệp khi mới vào khai-thác ở đó rất là gian-lao. Nguyên đất Thuận-hóa và Quảng-nam còn thuộc về quyền vua Lê, thì là một chỗ những người du-thủ du-thực ở phía bắc đến doanh-sinh lập-nghiệp ở đó, nào là kẻ tù-phạm trốn vào hay phải đi đầy, nào

(1) Là bắt chước tiếng kêu ở dưới nước mà đặt tên, hoặc là các chúa nối nghiệp đức Thái-tổ lấy tên nơi ấy mà đặt ra.

là kẻ quân-lính không phục nhà Mạc, nào là kẻ quan-lại bình-dân không phục nhà Trịnh, đều đến nương tựa Nam-chúa, nào là dân Chàm còn lại mà chưa dẹp yên hẳn ; bấy nhiêu hạng người mà chẳng hạng nào giống hạng nào, thế mà hay làm cho đồng-hóa làm một cùng tiến-bộ dần lên để cùng thờ một chúa cùng yêu một nước.

Sách *Cương-mục* và *Thực-lục* chép về sự-nghiệp của đức Thái-tổ lo toan khai-sáng rất là khó-khăn, như thế thì tài chính-trị giỏi của ngài cũng không kém gì tài thao-lược. Ngài tỉnh-giảm dao-dịch, thu lấy tô-thế rất nhẹ, cầm quân rất nghiêm-khắc chỉnh-túc, mà trị dân thì công-bình khoan-thứ, Lúc ngài cầm quyền, dân-sự hai tỉnh đều bỏ bớt hủ-tục, mà tập-nhiễm được phong-hóa tốt. Những người công thương đều được an-cư lạc-nghiệp. Sự buôn-bán thì thật-thà mà cũng không có trộm cướp ; người các nước lân-bang đều đến tụ-họp, dân-sự càng ngày càng đông, càng thịnh-vượng. Người An-Nam, người Chiêm-thành, ai ai cũng đều thần-phục ngài, đều nghe theo mệnh-lệnh. Người ta gọi ngài là Tiên-chúa (1).

Việc chính-trị khi ấy chép lại tuy rằng hay như thế, nhưng ta không nên quá tin. Vì các sử-sách bấy giờ chép lại còn sửa đi sửa lại mãi, tất có nhiều điều phô-trương thái-quá, nhưng cứ xét đại-khái ra thì biết rằng dân-sự cũng yêu-mến đức Tiên-chúa thật vì ngài có đức tốt thu-phục được lòng các quan văn võ ở ngoài Bắc về giúp ngài và các đấng nối nghiệp ngài để chỉnh-đốn việc trong nước.

Từ năm 1572 đến năm đức Thái-tổ thăng-hà (1613) trong nước không có nhiễu-loạn bao giờ, nhân được thời buổi thái-bình (2) ấy nên mới sửa sang chỉnh-đốn và súc-tích được binh-lương để cần dùng về sau (3). Buổi bấy giờ là buổi nhất-sơ khai-sáng, đã tường chép cả ở bia Cầu-đài. Đức Thái-tổ mới vào khai-sơn phá-thạch ở nơi hoang-địa, nhưng mà ngài biết nhân thời-thế, kén nhân-tài mà dùng. Những quân thù-nghịch ở trong và ở ngoài, ngài khéo dùng mưu-mẹo can-đảm mà trừ được cả ; còn những dân phồn-tạp ở trong nước, ngài lại hay lấy chính-sách khoan-hòa và công-bình mà trị.

Đức Thái-tổ khi mới vào trong Nam đã được tặng-phong tước vương. Nam-chúa cũng như Bắc-chúa, tiếng nôm đều gọi là chúa cả (*chúa* bởi ở chữ *chủ* 主 mà ra.) Những thầy giảng đạo trước cũng gọi các ngài là Chúa.

Ngày canh-dần tháng sáu năm quí-sửu (1613) đức Thái-tổ thăng-hà, thọ 89 tuổi, trị-vì được 56 năm, kể từ lúc ngài mới vào làm trấn-thủ Thuận-hóa. Ngài truyền ngôi cho con thứ sáu là Nguyễn Phúc-Nguyên, sau truy-tôn là Hi-tôn-hiếu-văn-hoàng-đế, các nhà tây-sử gọi là Tế-vương hay là Sãi-vương (4).

Tôn-lăng ngài ở núi Thạch-bàn gần Ái-tử. Đến năm Minh-mệnh thứ hai cất về núi La-khê, tức là núi Khải, ở làng La-khê, huyện Hương-trà phủ Quảng-đức. Lăng ngài hiệu là Trường-cơ. Miếu-hiệu là Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế, những nhà chép sử gọi là Tiên-vương.

(*Còn nữa*)

Nguyên Pháp-văn của
Ông giáo LE BRETON.
NGUYỄN QUI-TOÀN *dịch*

---

(1) Những nhà làm sử Tây gọi đức Thái-tổ là Tiên-vương, là bởi tiếng đó.
(2) Thái-bình mãi đến năm 1620, sau có tên Hợp và Trạch là em vua Sãi-vương làm loạn.
(3) Để phòng-bị giao-binh với nhà Trịnh.
(4) Đức Sãi-vương (1613-1635).

XỬ-THẾ CHÂM-NGÔN

Người nào có lòng cảm-mộ cái văn-hóa cổ của nước Tàu, xét đến việc Tàu ngày nay, không thể không chán-ngán thay. Không hiểu được một nước lớn văn-minh sớm nhất trong thế-giới mà ngày nay đến dở-dang lúng-túng, rối-loạn lung-tung như thế, mà không thấy một người nào có tài ra tay thu-xếp được cho yên, để cho thiên-hạ người ta bỉ, người ta chê, người ta khinh, người ta rẻ, thật là mang tiếng quá với những nước tân-tiến đời nay. Nhiều khi đọc những lời báo tây bình-phẩm nước Tàu không khỏi tức thay cho người Tàu, nhưng tức mà không thể nói sao được, vì cái hiện-tình nước Tàu khiến cho lời phê-bình nghiêm-khắc đến thế nào, hiểm-độc đến thế nào, cũng có phần đúng. Người nào muốn bênh cho nước Tàu bây giờ cũng phải mang tiếng lây. Ông thủ-tướng HERRIOT nước Pháp độ trước có làm bài tựa cho một quyển sách nhỏ của người Tàu lưu-học tại Pháp, trong bài tựa ấy có tán-dương cái văn-hóa của Tàu, nói rằng không mấy nước có cái văn minh êm-đềm, phong-thú, cao-thượng, lọc-lõi như nước Tàu. Một nhà báo nọ đem mấy câu ấy ra mà công-kích ông HERRIOT, nói rằng cái gương hủ-bại nước Tàu đã hiển-nhiên như thế mà ông còn khen nước ấy là văn-minh lọc-lõi thì thật là có mắt mà không biết trông, có trí mà không biết nghĩ, có khác gì người ngu nói bậy. Ta biết ông HERRIOT không phải là người ngu nói bậy, ta biết lời ông khen nước Tàu là phải, vì nước Tàu ông Khổng, ông Mạnh, nước Tàu nhà Đường, nhà Tống, há chẳng phải là nước Tàu văn-minh cao-thượng lắm dư? Cớ sao nước Tàu tinh-hoa ấy lại thành ra nước Tàu hủ-bại như bây giờ? Vấn-đề này rất to-tát, phải có tư-cách một nhà xã-hội-học thông-thái và sáng-suốt mới có thể giải-quyết được. Chắc cái căn-nguyên tích-nhược của nước Tàu cũng đã sâu-xa lắm, không phải một ngày nay. Nhưng kể từ khi Á Âu xung-đột, thời cái văn-hóa mới mỗi ngày một tràn sang, dần dần làm cho giải-tán cả cái văn-hóa cũ, khiến cho bao nhiêu những cốt-cách tinh-thần gây dựng ra cái hồn một nước rời-rạc tan-tác cả, mà nước ấy hầu như không đủ nghị-lực mà tự cải-tạo lại cho thích-hợp với cách sinh-tồn đời nay. — Trông người lại ngẫm đến ta: nói đến nước Tàu ta không thể không nghĩ đến nước ta; dẫu cái tình-thế chính-trị có khác, mà cái trạng-thái tinh-thần cũng một. Nước ta cũng đương vào buổi chịu sự kích-thích của văn-hóa mới mà cái cốt-cách tinh-thần cũ đương giải-tán đây. Cái nền-nếp cũ đã mất dần mà cái nền-nếp mới chưa gây thành, ấy mới nguy. Về đường vật-chất cũng có thấy tấn-tới một đôi chút; người có khôn, của có khéo hơn xưa thật; nhưng về phần tinh-thần còn bối-rối lắm. Người không biết nghĩ không nói làm gì; người biết nghĩ, thử hỏi mười người đến chín người bơ-thờ lơ-láo, như thần-trí không yên, chủ-ý không định, không biết theo về phương-châm mục-đích nào. Ấy là vì tình-thế riêng của nước nhà mà chính-quyền không lọt đến tay mình, chứ nếu có quyền chính-trị ở trong tay thì biết đâu lại không tệ hơn người Tàu kia? Cho nên trông thấy nước Tàu bối-

rồi không dám cười người ta mà lại sợ cho mình, ấy cũng là cái nghĩa đồng-bệnh tương-liên : người Tàu cũng như người mình đương phải một cái bệnh « loạn óc », bởi sự giải-tán tinh-thần như trên kia vừa nói; bao giờ tinh-thần có thu - thập được, thần-trí có định - tĩnh được thì mọi sự mới yên.

Gần đây một qui-quan nhân nói chuyện về tư-cách người An-Nam, có phán-đoán rằng : « Người An-Nam mau trí khôn, dễ tập-nhiễm, linh-lợi, khôn-ngoan, lắm khi lại tinh-danh nữa, nhất là trong bọn tân-tiến, nhưng tôi nhận ra còn thiếu một cái tư-cách, là không có bản-lĩnh . » — Lời phán-đoán ấy tưởng cũng có phần đúng vậy. Anh em ta nên làm thế nào mà bảo-tồn hay gây-dựng lấy cái bản-lĩnh cho có tư-cách hoàn-toàn ? T.-C.

VĂN-UYỂN

Thơ văn cũ Nam-kỳ

Về hồi cuối năm Tự-đức ở Nam-kỳ có ông Tôn Thọ-Tường và ông cử-nhân Phan Văn-Trị, nổi tiếng hay thơ, đã từng đáp-họa với nhau.

Đồng-thời ấy lại có ông Huỳnh Mẫn-Đạt người quê ở Rạch-giá, làm Tuần-phủ Hà-tiên, cũng nổi tiếng đời bấy giờ là văn-chương lỗi-lạc lắm. Vậy lục được ít bài của các ngài làm ra đây, để ghi giữ lấy một áng văn-chương cổ, tuy người sao-lục cũng không tránh khỏi được sự tam-sao thất-bản, duyệt-giả chư quân-tử có biết hơn, thì xin sửa đổi lại cho.

I
Từ Thứ qui Tào
(Thơ của ông Tôn Thọ-Tường
Trở xuống 5 bài)

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi,
Muối xót lòng ai nấy mặn-mòi.
Giúp Hán hãy nhiều trang cột cả,
Về Tào chỉ xá cụm cây cỏi.
Tấm lòng nhớ mẹ khôn bưng chén,
Tấc dạ vì vua biếng giở roi.
Chang được khôn Lưu thà dại Ngụy,
Thân này gác để ngoại vòng thoi.

II
Khóc đầu Hạng Vũ

Trăm hai non nước một gươm thần,
Hết giận thôi mà khóc cố-nhân.
Con mắt bốn ngươi nhìn với mắt,
Cái thân tám thước tủi nào thân.
Bát canh Quảng-võ ơn còn nhớ,
Chén rượu Hồng-môn lệ khó ngăn.
Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo,
Mặc ai rằng giả mặc ai chân.

III
Kỹ-nữ qui-y

Chầy kinh đóng tỉnh giấc Vu-san,
Mái tóc qui-y nửa trắng vàng.
Đài kính thử soi màu phấn lợt,
Cửa không đành gửi cái xuân tàn.
Tình hồn huê-liễu vài câu kệ,
Vui thú tang-du một chữ nhàn.
Ngảnh lại lầu xanh thương những trẻ,
Trăm-luân chưa khoi kiếp hường-nhan.

IV
Chùa Cây mai
(*Ở Sài-gòn, gần thành linh-tập*)

Đau-đớn cây mai cách dưới đèo,
Mười phần trong sạch phận cheo-leo.
Sương in tuyết đóng cành thưa-thớt,
Xuân đến thu về phận quạnh-hiu.
Lặng-lẽ chuông quen con bóng xế,
Tò-le kèn lạ mặt trời chiều.
Những tay rượu thánh thơ thần cũ,
Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu !

V
Tự-thuật

Vườn xuân vắng chúa lậu tin mai,
Hoa cũ ong xưa dễ ép nài.
Lời hẹn đã đành toan kiếp khác,
Tình thương nên mới trổ bề ngoài.
Gió trăng quyến khách e nhiều nỗi,
Đinh sắt gìn lòng dễ mấy ai.
Ganh-gỗ gớm cho con tạo-hóa,
Phanh-phui nên nỗi sắc xa tài.

. . .

I
Chùa hư
(Thơ của ông cử Phan Văn-Trị,
Trở xuống 7 bài)

Nam-vô hai chữ biết về đâu ?
Cám nỗi chùa hư Phật phải rầu.
Nắng rọi mõ chuông khô nứt mặt,
Mưa sa kinh-kệ ướt mem đầu.

Rầm nguyên vắng kẻ dâng vùa nếp,
Hôm sớm không ai cúng phụng dầu.
Đức cả từ-bi xin sớm liệu,
Ngồi chờ Lương Võ (1) thế còn lâu.

II

An-giang phong-cảnh

Lênh-đênh bèo nước biết là đâu,
Đậu bến An-giang thấy những rầu.
Bảy núi mây liền chim nhịp cánh,
Ba dòng nước chảy cá vênh râu.
Có rau nội quạnh dân xanh mặt,
Không trái bầu khô khỉ bạc đầu.
Xem hết cảnh-tình rồi nghĩ-nghị,
Thú vui chỉ có một thuyền câu.

III

Vĩnh-long hoài-cổ

Tò-le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót-xa.
Uốn khúc sông rồng mù-mịt khói,
Vắng hoe thành phụng ủ-sầu hoa.
Tan nhà cám nỗi câu ly-hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng-hoà.
Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm-ngùi hết nói nỗi quan ta.

IV

Hột lúa

Giã từ đồng ruộng đạo xa chơi,
Thiên-hạ ai mà chẳng biết hơi.
Cồi giáp vàng kia phơi chốn-chốn,
Bảy da ngọc nọ rạng nơi-nơi,
Ông cha giúp nước đà ghe thủa,
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời.
Vì thế liều mình cơn nước lửa,
Người đà có thấy, hỡi người ơi!

V

Thợ may

Dõi lề Hoàng-đế chước toan tìm,
Nghề-nghiệp trong tay đỡ vận chìm.
Chắp nối âm-dương vài sợi chỉ,
Mở-mang trời đất mấy đàng kim.
Nhờ công cả nước che sương gió,
Giúp sức nhà vương xủ áo xiêm.
Một thuở ra tay người đặng ấm,
Trăm năm dẹp mất kẻ quan-chiêm.

VI

Ông câu

I

Ngươi hỡi Nghiêm-Lăng có biết chăng,
Lòng ta ý gã đố ai bằng.
Nửa cần thú-vị trời-trời nước,
Một sợi phong-lưu gió-gió trăng.
Thao-lược đã đành ngàn dặm bủa,
Giang-san tóm dốc một tay phăng.
Xưa nay cũng một lòng sông Vị,
Mơ-tưởng xe Châu biếng nói rằng.

II

Lỗi phải thầy ai chẳng lụy cầu,
Sao bằng thong-thả một cần câu.
Dòng ngân thả lưới dầu trưa sớm,
Đáy bích giềng tơ mặc tóm thâu.
Dựa bãi Nghiêm-Lăng chờ bĩ-thái,
Neo gành Lữ-Vọng nhấp công-hầu.
Giang-san thế đề mình là thợ,
Sinh-sát quyền ta thế biết đâu.

.·.

I

Chiêu-quân xuất-tái

(Thơ của ông Huỳnh Mẫn Đạt,
trở xuống 6 bài)

Bức họa đơn-thanh khéo đá-đoan,
Làm cho quấy rối phận hồng-nhan.
Chín trùng ứa lụy rưng đôi mắt,
Nghìn dặm ôm tỳ tim lá gan.
Cột giả thành ngăn bờ-cõi vững,
Lệ làm mưa rưới lửa-binh tàn.
Người trên nhà Hán đi đâu vắng?
Xui trận ôn-nhu tới dẹp loàn.

II

Mưa đêm

(Theo vận bài *Từ Thứ qui Tào* của ông
Tôn Thọ-Tường)

Mới vừa bụng núi giấu thêm voi,
Kìa phải mưa đêm đã lố mòi.
Mượn sấm đánh tan vầng nguyệt rạng,
Xua sương tưới sống cụm hoa còi.
Say cầm câu nguyệt, ngư lên nóc,
Lỡ dặm mang sao, mục ướt roi.
Hỏi kẻ Trường-an trời biết chẳng,
Tấm lòng quế-ngọc nhộn đường thoi.

---

(1) Tên vua Võ-đế nước Lương, mộ Phật mà sau đến chết đói ở Đài-thành.

III

Gành Móm

Tượng mảng non xanh tác chẳng già,
Có chi gành Móm lại doi ra.
Rêu xanh lém-đém râu Bành-Tổ,
Đá mọc gio-gie mép Tử-Nha.
Miệng súc trêu-trao con sóng lượn,
Khăn lau tich-toác thức mây qua.
Xuân-thu hỏi đó bao nhiêu tuổi,
Rằng thủa khai-thiên đã có ta.

IV

Đi đi tu

Lầu xanh thánh-thót tiếng chuông truyền,
Tỉnh giấc Cao-đường lúc ngửa nghiêng.
Mượn chiếc thuyền tình qua bể ái,
Đưa con sóng sắc tới rừng thiền.
Trông gương trí-tuệ lau lòng tục.
Lần chuỗi bồ-đề kết trái duyên.
Mát-mẻ cửa không trăng gió sẵn,
Dầu chưa nên phật cũng nên tiên.

V

Cảnh chiều

Trưa sớm dài doanh gió bụi nhiều,
Vườn quê vui thú cảnh trời chiều.
Cành chim rải-rác đâm bông bạc,
Mản chấu xuê-xoan trải gấm điều.
Ngả-ngớn lưng trâu ngơ vọt mục,
Loi-thoi bóng ác khẩm thuyền tiều,
Xót người mệnh bạc trong chầm nhạn,
Ngó mống trông mưa biết bấy nhiêu.

VI

Dạ-nguyệt phiếm-chu

Cảnh Tiên (1) rực-rỡ bỗng duyên đâu,
Biền lặng trời thanh mấy chiếc câu.
Non gặp Bá-Nha non nở mặt,
Nước mừng Tô-tử nước khoe màu.
Có tình đỗng-đảnh buồm doi hạc,
Không thuế nghênh-ngang rớ bãi ấu.
Thi gặp thú màu ngâm mấy đoạn,
Lược trăng lờ rạng gác qua đầu.

∴

I

Từ Thứ qui Tào (2)

(họa vần bài đầu của ông Tôn Thọ-Tường)

Chí dốc phô bày trận ngựa voi,
Thân này, thế ấy đã ra mòi.
Việc vua đang tính chưa rồi-rảnh,
Tin mẹ vừa sang rất kẽ-còi.
Nỗi Hán Ngụy rày chia tấc dạ,
Đồ Tôn Ngô cũ dũi dầu roi.
Xin đừng mỏi mắt trông dầu ngựa,
Rồng núp Nam-dương đáng mấy thoi.

II

Quách Tử-Nghi lai triều thụ tội (3)

Sân rồng cất mão dám tâu qua,
Lỗi ở con làm tội đến cha.
Trẻ dại chẳng kiêng bề lớn bé,
Già nua cam lỗi phận sui-gia,
Cháy da chưa đủ đền ơn nước,
Rủi miệng xui nên rối đạo nhà.
Thế-tục ỷ rằng quên phép nước,
Trông trên lượng thánh bắt cùng tha.

III

Vua phán cho Quách Tử-Nghi

Phần-Dương nhắc lại chuyện hôm qua,
Trẫm chẳng hiềm con lựa trách cha.
Mở miệng khoe tài rằng chú rể,
Nghiêng tai giả điếc phận ông gia.
Tôi khôn hãy giữ an ngôi nước,
Trẻ dại chi cho rối đạo nhà.
Chi đó ái-khanh mà ngại dạ,
Quân-thần nghĩa trọng lẽ dư tha.

Hà-tiên LÂM TẤN-PHÁC *sao-lục*

---

(1) Cảnh tiên là cảnh Bà-tiên.
(2) Ba bài sau này không biết đích là của ai làm.
(3) Quách Tử-Nghi có con lấy công-chúa. Nhân khi vợ chồng giận nhau mắng công-chúa rằng: « Cha ta bậc ngôi thiên-tử không thèm làm. » Công-chúa vào mách vua, nên Tử-Nghi phải vào tạ tội. Vua bảo rằng: « Chẳng ngây chẳng điếc chẳng làm được ông bố vợ ». Tha tội cho Tử-Nghi.

.·.

Thơ văn mới

Hát nói

Lời anh Cuội

Tên anh là Cuội, bấy lâu nay tránh bụi tếch lên đây, áng năm mây lần - lữa tháng ngày, cũng tròn khuyết vơi đầy từng hội. Cùng trời đất nước non cùng tuổi, bước đường mây mình một lối chẳng chen ai; khúc Nghê-thường nghe thánh-thót bên tai, bóng ngọc-thỏ trêu ai ngay trước mắt. Nào ai tỉnh, nào ai say, nào ai liều, nào ai xắc, chẳng duyên sao ai đã đặt nhau đây. Rất thâm-nghiêm là một chốn này, sau Lưu Nguyễn dễ mấy tay đà bén - bảng. *Thánh phàm tiên tục hồ vô-hạn, hạ hữu trần-hoàn thượng hữu thiên.* Anh bảo cho những khách trần-duyên, còn thói tục chửa nhẹ-nhàng đừng tưởng bão. Đường tịch-cốc nghĩ chi chi thêm bận, thôi cũng đừng tính quẩn với lo quanh. Đố đời nói được như anh!

Câu hát sẩm dưới chài

Con thì thuyền, con thì thuyền, sáng trăng suông đủng-đỉnh một con thuyền, tay chèo tay lái cũng thuyền-quyên với anh-hùng. Của trời riêng gió mát trăng trong, trên trời dưới nước ở giữa vầy-vùng có đôi ta. Nhác trông ra nhóng-nhánh con kim - xà, tưởng rằng sông Xích-bích dễ mà dầu đây. Đường cạnh-tranh mặc khách đông tây, vui lòng cùng non nước quen tay bên lưới chài. Lâng-lâng chẳng chút trần-ai, dầu lòng bể rộng sông dài thênh-thênh. Đòi phen nghiêng ngả chén quỳnh, đẹp duyên ngư thủy cũng thỏa tình mây mưa. Tha-hồ đi sớm về trưa!

TRẦN VĂN-RUẬT

.·.

Thơ đưa cho tình-nhân

(Dùng chữ Tam-tự-kinh)

Kinh viết: *Tam cương giả, quân thần nghĩa, phụ tử ân, phu phụ tòng. Phàm huấn-mông, tu giảng-cứu.* Nhất kinh giáo tử, anh nay *huấn - hồ* đã tường; gửi lại cho nàng bức thư kinh Tam-tự. Nghe tiếng nàng *cơ-trữ* lại hay *tập lễ-nghi*, việc nữ-công thì *tàm thổ tì*; *cần hữu-công* lại *thanh-nhàu* tùy-gia *giáo chi đạo.* Anh nay *qui dĩ chuyên, quân đệ-tử*, giai nghiêm chẳng phải rằng *sư chi nọa.* Nghe tiếng nàng danh-giá, anh *khẩu nhi tụng, tâm nhi suy*, xin nàng cũng *chiêu ư tì, tịch ư tì. Bỉ nữ-tử* gặp lúc *phương thiếu-thì*, nàng cũng phải *nghi tảo tì*, kẻo nữa *tảo-hà vi* lại năn-nỉ. *Mộc kim thổ hỏa thủy*, anh xem trong số *ngũ-hành*, tuổi anh với tuổi nàng thực là *phu phụ thuận. Viết xuân hạ, viết thu đông*, tính mùa nào cho *nam bắc hỗn. Nhất nhi thập, thập nhi bách, bách nhi thiên, thiên nhi vạn*, dẫu giá-thú bất luận tài; song lục-lễ anh nay đã có *mã ngưu dương, kê khuyển thỉ. Ái dục hỉ* ai là chẳng *thất-tình*, nàng cũng phải nghe anh, kẻo *nam bắc tranh* mà *Vương Mãng thoán. Ngụy Thục Ngô, tranh Hán đỉnh* xem nào có ra gì? *Trạch lân xử, nghi tiên tri*, bền một dạ *trung bất thiên, dung bất dịch. Bào thổ cách, mộc thạch kim* cho đều đẹp sắt cầm. *Ấu nhi học, tráng nhi hành*, rồi anh cũng *vi chi nhược thị.* Thế nào anh cũng *đối đại đình, khôi đa sĩ*; nàng cũng *dương thanh-danh, hiển phụ-mẫu. Tự tử tôn, chi tằng huyền*, sinh sinh như *ứng hồ trung, vận bất cùng* mãi mãi. Thơ anh gửi lại cho nàng *nhược thân mục nhi kì kì sự* chớ sai. *Thiên địa* với anh là *tam tài*, ai nói mặc ai *giới chi tai, nghi miễn lực.*

.·.

Vân Kiều đối-đáp

— Thúy-Vân ơi! một lời chị đã nguyền-ước với thâm-giao, dưới đất trên cao có trời. Chị khuyên em, em có nghe lời thì tình ân-ái ấy chị đền-bồi cho lang - quân. Kẻo lòng phụ ngãi quên ân, mai sau thẹn với quỉ-thần lắm thay. Em Vân ơi! bấy giờ em còn bé em chưa hay, khách hàng tơ nó đã đem mẹ với thầy thưa đến cửa công. Vậy cho nên chị phải đèo-bòng, chị bán mình chuộc tội đền công sinh-thành. Chị nói ra càng xấu tiếng hồ danh, chị trọn bề chữ hiếu thì thất-tình với thâm-giao. Sinh-thành dưỡng-dục cù-lao, tình kia hiếu nọ chị biết làm sao

bây giờ. Vì đám mây nên bóng ông trăng mờ những như bụng chị đến chi cơ-hội này ?

— Chị nói mới hay, cái tình riêng của chị, mẹ với thầy em có biết đâu, chẳng qua là chị đã trót gieo cầu, chị ép em vào đó, đền ơn trả nghĩa có đâu thế này ?

— Công cha đức mẹ nặng thay; như lời con Vân nó nói thế này đã phải hay chưa ?

— Khoan-khoan lời chị dẹp giận để em xin thưa : Nỗi nhà gia-biến lúc mẹ cha khổ - tình, ơn trên minh xử sự-tình, thì chàng Kim có thấu đến chút tình chị nay. Nhưng như công mẹ nghĩa thầy thì chàng Kim có biết đến đây đâu nào ?

— Chị nói ra càng ruột héo gan bào, thôi thôi em đừng có nói nữa nào mà dơ. Chị cầm thương công-đức mẹ cha, chị mới vào luồn ra cúi cửa công-nha chị liều mình. Vì dù gió mát trăng thanh, làm chi đến nỗi chị thất-tình với chàng Kim. Cũng là máu chảy ruột mềm, hay là em lấy chàng Kim cho chị cùng. Chị mà tuyết sạch giá trong, thì nhân-duyên em chưa dễ sánh cùng chàng đâu. Em làm chi để tiếng về sau, nghìn năm ai có khen chị em ta đâu nữa nào. Thì liều như một giọt mưa dào, mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay. Chót vì cầm đã bén dây, chẳng trăm năm cũng một ngày duyên chị em ta. Sao cho muôn dặm một nhà, cho chàng Kim thỏa dạ thì chị em ta mới bằng lòng. Một là bởi tại ông Tơ-hồng, hai là số-phận chị nó long-đong thế này. Phong-trần kiếp đã chịu đầy, liều công đón gió ngăn mây vớ[i] trời. Biết thân đến bước lạc-loài, nhị đào thà bẻ cho người tinh chung. Thúy-Vân ơi ! cùng nhau chót đã một lời, bao giờ vắng bóng trên trời mới quên...

VÔ-DANH-THỊ

Hồ Sỹ-Nam *sao-lục*

. . .

Bài tựa truyện « Tuyết-hồng Lệ-sử »

Rượu ngon gần gái, bệnh Tín-lãng là bệnh anh-hùng ; hoa rụng tiếc xuân, sầu Đỗ Mục là sầu phong - nhã. Đời bạc-mệnh hại lây người tri-kỷ, Mộng - Hà sao khéo vô-duyên ? Truyện ai-tình thưởng chén rượu đa-sầu. Hai-Nhạc thật là sinh-sự. Trời xanh nọ hay ghen người biết chữ, bụi hồng kia là cái cõi đau lòng. Bao nhiêu sắc-tướng cũng bằng không, cho dù sống chết cũng là ảo; muôn kiếp xưa nay vẫn thế, trăm năm duyên nợ là thường . Ta bảo ai ơi ! ai đừng cười nhé ! Xuân nọ dệt sầu chi - trít, giọng buồn kia đừng vịnh làm gì ; trời còn say rượu lê-mê, thơ sầu nọ ai nghe mà đọc. Trăng không biết nói, hỏi trăng trăng có trả lời đâu; hoa chửa mọc tai, khóc hoa hoa cũng không nghe tiếng. Vậy nên : có chôn thì trước hết hãy chôn ngay người luân - lạc, hơi đâu chôn cánh hoa tàn ; có thương thì trước hết hãy thương lấy kẻ râu mày, rồi sẽ thương người son phấn. Sao đến nỗi kim luồn chỉ lọt, sắn quấn bìm leo, thơ đi thơ lại lan - man, hoa nọ cây này chấp-chềnh . Mấy đêm khuya họp mặt, Lê-nương khôn mượn tiếng tình oan, một dòng lá thắm dắt duyên, Quân-Thiến vì ai nên bạc-phận. Thất-tiết thương đời góa bụa, cũng liều mình thôi có tiếc gì, tự-do là gái đào thơ, đã trái ý chẳng thà đành chết. Tờ-mờ bóng ngồi nhìn hoa rụng, bâng - khuâng xuân ai gọi hồn về; bể ái kia vùi ba kẽ oan-gia, lệ-sử nọ thấm mấy lần nước mắt. Than ôi ! châu-chấu có chân, bồ-quân có rễ, bóng ai đêm tối mập-mờ; trăng tròn có độ, hoa nở có thời, cái kiếp phù-sinh ngao-ngán. Gió mây biến-hóa, ai khôn ai dại chắc gì ; nhân-quả dở-dang, kiếp trước kiếp này gánh lẫn. Sự thiên-hạ không lo tình ít, tình chỉ sợ nhiều; khách thế-gian có thật tình thân, tình nên cứ nhạt. Buổi xuân sớm chơi hương chơi sắc, rẽ si-tình phải cắt đi ngay ; đêm thu khuya hay cảm hay sầu, ma thơ - thẩn đừng nên trêu nó. Ngọn đèn khuya-khoát, giọt mưa thu khóc mướn ai nghe; bóng liễu lơ-thơ, con quốc cứ kêu hè cho rạc.

Tuy rằng : Gặp người tri-kỷ, đố ai ngoảnh mặt làm thinh; trong cuộc chung-tình, khôn thề cầm lòng cho đậu. Nhưng mà tài-tử hỡi ! văn hay, chữ tốt, còn vô - số chốn phong-lưu ; giai-nhân kia ! thềm quế, cung trăng, xin hãy rửa lòng phiền-não. Xem khắp truyện này một lượt, vì tài - tình thương bác Mộng-Hà; thắp hương ra viếng hái hoa, xin sám-hối cùng người bạc-mệnh.

Từ rằng :

(Điệu Lâm-giang-tiên)

Gió thu chợt gọi hồn ngâm-khách,
Bể tình đi hái văn thơm.
Non xanh đất đỏ nợ chưa êm,
Mộng tàn thương kiếp chị,
Hoa bạc tiếc đời em.

Áo xanh lỡ tuổi thân Tư-mã,
Nghe văn Trầm-Á sầu thêm,
Cái ma phiền-não tại ai tìm,
Từ vui nghề múa bút,
Hà khóc phân đi đêm,

ĐOÀN MAI-NHẠC

THỜI-ĐÀM

Việc Thế-giới

Việc nước Pháp. — Tình-hình nước Pháp về nội-chính ngoại-giao đều được tốt cả. Tòa Nội-các HERRIOT vẫn vững-vàng. Nhưng xem ra đảng phản-đối Chính-phủ đã bắt đầu vận-động. Mới đây có tin rằng ông MILLERAND, là Giám-quốc cũ, bị bách phải từ-chức hồi tháng sáu trước, cùng mấy người chính-hữu (toàn là tay thượng-thư cũ), là bọn ông MAGINOT, FRANÇOIS - MARSAL, ISAAC RATIER, LE TROCQUER, LOUIS-MARSAL, REIBEL và EMMANUEL BROUSSE, vừa lập một chính-đảng mới đặt tên là « Quốc-gia Cộng-hòa đảng » (*Ligue républicaine nationale*) để chống lại với đảng cầm quyền bây giờ. Chắc rằng sau này hai bên sẽ xung-đột nhau kịch-liệt.

Về việc ngoại-chính thời ông thủ-tướng HERRIOT báo-cáo cho Hội-đồng ngoại-vụ ở Thượng-Nghị-viện nói rằng từ ngày bắt đầu tại-hành cái chương-trình DAWES, tháng nào nước Đức cũng trả các bồi khoản đều-đặn cả ; lại từ khi hội-đồng kiểm-sát binh-bị Đức làm việc đến giờ, người Đức xem ra có ý nhũn lắm ; duy về cách tổ-chức đội cảnh-binh (*Reichswehr*) của Đức thời có một vài điều khó-khăn chưa giải-quyết được mà thôi. Còn như vấn-đề cho Đức vào Hội Van-quốc thời hiện còn lưu lại để hậu-cứu. Đối với nước Anh thời chính-phủ Pháp đã có dịp giao-tiếp với tòa Nội-các mới nước ấy, hai bên tỏ tình thân-thiện. Đến như việc công-nhận Chính-phủ Sô-viết nước Nga thời đó là một sự bất-đắc bất-nhiên, cần về mọi đường kinh-tế, chính-trị và quân-sự. Vả lại những quyền-lợi của Nhà nước Pháp và người dân Pháp ở nước Nga, vẫn giữ được hoàn-toàn, không để đến phải tổn-hại chút nào. — Về việc tài-chính thì cuộc công-thải của Chính-phủ Pháp nhờ mấy nhà « băng » mở ở nước MĨ, được quốc-dân MĨ hoan-nghênh lắm, có trong mấy ngày bao nhiêu vé bán hết.

Nội-các mới nước Anh. — Kỳ trước đã nói rằng Nghị-viện nước Anh bị giải-tán, cuối tháng 10 tuyển-cử Nghị-viện mới. Kỳ tổng-tuyển-cử này, đảng bảo-thủ được đa-số, đảng tự-do và đảng lao-động bị thiểu-số. Nội-các MAC DONALD thuộc về đảng lao-động phải từ chức. Ông BALDWIN là lĩnh-tụ đảng bảo-thủ đứng lên lập Nội-các mới ; ông đã từng làm thủ-tướng trước khi đảng lao-động lên cầm quyền. Xưa nay trong chính-giới nước Anh vẫn chỉ có hai đảng một đảng bảo-thủ (*conservateurs*) và một đảng tự-do (*libéraux*), đảng nào được đa-số ở Nghị-viện thì đảng ấy được cầm quyền, thành ra phi bảo-thủ tắc tự-do, lần lượt kế nhau mà cầm quyền. Trong khoảng hai-mươi năm nay lập lên một đảng thứ ba nữa, là đảng lao-động (*travaillistes*), kỳ tổng-tuyển-cử trước được số nhiều hơn hai đảng cũ, nên được cử ra lập Nội-các là lần đầu, cũng là một việc đáng kỷ-niệm trong lịch-sử chính-trị nước Anh. Nhưng ngay từ hồi đầu Nội-các lao-động mới thành-lập, có người đã đoán trước rằng Nội-các này không được bao lâu, chẳng qua là hai đảng bảo-thủ và tự-do muốn để cho đảng lao-động được ra thử sức một lần xem thế nào, nếu vấp-váp điều gì, thì tất hiệp - lực nhau lại mà công-kích, thế nào cũng phải đổ. Quả-nhiên tháng trước vì việc tục-giao

với Chính-phủ quá-khích nước Nga, bị hai đảng công-kích, Nội-các MAC DONALD phải thiểu-số, xin với vua giải-tán Nghị-viện để bầu-cử lại, khi bầu-cử thì đảng bảo-thủ đại-thắng mà đảng lao-động thất-bại. Đảng bảo-thủ được 408 người, đảng lao-động được 152 người, đảng tự-do được có 40 người (đảng này rồi đến sẽ tiêu-nhập vào đảng lao-động).

Nay Nội-các bảo-thủ mới đối với nước Pháp thì tỏ lòng thân-thiện, đối với Nga thì không muốn giao-thiệp với Chính-phủ Sô-viết. Thủ-tướng là ông BALDWIN, lĩnh-tụ đảng bảo-thủ; ngoại-tướng là ông CHAMBERLAIN, cũng là một tay chính-trị lão-luyện; các bộ khác thì phần nhiều là những người có huân-tước (*lords*) thuộc về Thượng-nghị-viện.

Hiện cái chính-trào trong thế-giới phân ra làm hai ngả: một bên muốn thủ-cựu, một bên muốn cách-tân; một bên muốn giữ-gìn cho quyền-lợi bọn có của, một bên muốn mở-mang cho thân-phận kẻ làm ăn. Bọn trên là đảng bảo-thủ, bọn dưới là đảng lao-động. Xem như việc tuyển-cử và việc đổi Nội-các ở nước Anh mới rồi thì biết nước ấy mới thử cái chính-sách lao-động trong mấy tháng mà đã chán, lại quay về cái chính-sách bảo-thủ như cũ. Cái chủ-nghĩa dân-chủ cùng những lý-tưởng bình-đẳng tự-do, một hồi xem như đã muốn bành-trướng, gần đây lại có ý thoái-bộ. Mà sự ấy không một ở nước Anh, ở nước khác cũng vậy. Pháp hiện nay được tòa Nội-các HERRIOT cũng có ý khoan-dung rộng-rãi, nhưng bị các đảng bảo-thủ ghen-ghét, chỉ muốn đạp đổ. Mĩ thời mới rồi bầu Giám-quốc, ông COOLIDGE là đại-biểu đảng Cộng-hòa (tức là phe bảo-thủ) được đại-thắng, đại-biểu của đảng dân-chủ kém xa nhiều. Ấy là nói những nước dân-chủ đã thành-thuộc. Đến những nước quân-chủ lập-hiến thời như Ý-đại-lợi, Tây-ban-nha, bao nhiêu chính-quyền thu vào tay một viên thủ-tướng chuyên-chế cả, ở Ý thời là tể-tướng MUSSOLINI, ở Tây thì là tướng-quân PRIMO DE RIVIERA, hai người ắt cả quyền vua cùng quyền Nghị-viện, có cũng như không. Cho nên có kẻ nghị-luận đã nói rằng: hiện nay trong thế-giới như có một cái luồng gió áp-chế nó thổi khắp mọi nơi, làm cho vạn dân phải cúi đầu mà cam chịu.

. . .

Giám-quốc mới nước Mĩ. — Ông COOLIDGE quyền chức Giám-quốc nước Mĩ từ khi ông Giám-quốc HARDING chết, hồi đại-tuyển-cử mới rồi, được bầu làm Giám-quốc chính-thức. Ông là đầu đảng Cộng-hòa (*républicains*), tức là phe bảo-thủ. Ra tranh với ông thời có ông DAVIS là đại-biểu cho đảng Dân-chủ (*démocrates*) tức là phe tự-do, và ông LAFOLETTE đại-biểu cho một đảng độc-lập (*indépendants*). Theo hiến-pháp nước Mĩ thời chức Giám-quốc là cả bàn dân bầu, nhưng không phải trực-tiếp bầu, mà là bầu lấy bốn năm trăm người ủy-viên để những ủy-viên ấy thay mặt mà bầu Giám-quốc. Ông COOLIDGE được 379 vé ủy-viên, ông DAVIS được 109, ông LAFOLETTE được 13. Số người dân đi bầu là 31 triệu, ông COOLIDGE tính ra được 18 triệu rưởi, ông DAVIS được có 8 triệu rưởi. — Ông COOLIDGE bấy lâu nay còn là quyền chức giám-quốc, chính-sự chưa có gì là rõ-rệt; nay được chính-chức, thời chính-sách ông sẽ thế nào? Theo dư-luận ở nước Mĩ thì chính-sách ông về ngoại-giao sẽ chuyên-chủ mấy điều như sau này: 1 — không đổi thái-độ đối với chính-phủ Sô-viết, nghĩa là không công-nhận Sô-viết, trừ khi chịu cam-đoan thế nào cho chắc-chắn, bấy giờ sẽ hay; 2 — cố giúp cho thực-hành được hoàn-toàn cái chương-trình DAWES về vấn-đề bồi-khoản nước Đức; 3 — không thủ-tiêu các khoản nợ của Đồng-minh, nhưng cho nước Pháp được rộng thì-giờ mà trả; 4 — về đường kinh-tế thời theo một cái chính-sách « mở-rộng cửa ngõ », nghĩa là để cho tự-do thông-đồng, không hạn-chế gì cả. — Ở nước Mĩ, ngoài chức chánh Giám-quốc, lại có chức phó Giám-quốc nữa, khi bình-thường thời cũng không có quyền-chức địa-vị gì; nhưng ngộ khi ông chánh chết hay bị ngăn-trở điều gì thì tiện-thị lên thay cho đến kỳ mãn-hạn. Ông phó mới được bầu vừa rồi chính là tướng-quân DAWES, là người khởi-thảo cái chương-trình trứ-danh về sự cải-tạo tài-chính cho nước Đức và giải-quyết vấn-đề bồi-thường về chiến-tranh. Tướng-quân cũng thuộc về đảng cộng-hòa.

Quốc - tế Hội-nghị xét về vấn-đề thuốc phiện. — Hội Vạn-quốc có đặt một hội - nghị quốc-tế để xét về vấn-đề thuốc phiện, bàn những phương-pháp cho các chính-phủ hạn-chế sự trồng nha-phiến và ngăn cấm sự hút thuốc phiện ở các nước. Hội-nghị này đã họp ở thành *Genève* ngày 3 tháng 11, chánh-hội là ông VAN VETTOUR, đại-biểu nước Hòa-lan, và phó-hội là vương-tước CHAROON, đại-biểu nước Xiêm. Đại-biểu nước Nhật là KAKU ông trình với hội - đồng rằng nước Nhật đã hết sức nghiêm-cấm thuốc phiện, hiện trong nước hầu như không còn mấy người nghiện. Ông nói rằng nếu chính-phủ nào cũng hết sức ngăn-cấm cái thói hư-hại đó thời chẳng bao lâu mà tiệt-diệt được ; nên bắt người nào nghiện phải có giấy phép và giấy phép ấy nên mỗi ngày một hạn ít đi; những thổ phiện nên nghiêm-cấm không cho kẻ thanh-niên vào ; lại nên làm sách diễn-thuyết răn trong dân-gian không ai nên mắc vào cái ác-tật đó ; nhưng thứ nhất là những nước nào sản nha-phiến nên cấm không cho trồng nữa. — Đại - biểu nước Pháp là ông CLICHANT, ti-trưởng ở bộ ngoại-vụ, nói rằng ở thuộc-địa Đông-Pháp không những không sản thuốc phiện mà chính-phủ địa-phương lại đặt lệ ngăn-cấm người nghiện, hiện cũng hạn-chế được nhiều. Chính - phủ Đông - Pháp đã cử quan chánh sở Thương - chánh KIRCHER để dự vào Hội-nghị này. Hiện nay hội-nghị vẫn còn chửa bàn xong.

.·.

Việc Ai-cập. — Một dân-tộc đã mất quyền độc-lập mà muốn khôi-phục lại cho được thật là gian-nan nguy-hiểm vô-cùng. Xem như gương nước Ai-cập thì biết. Ai-cập đã lâu nay bị nước Anh mỗi ngày một xâm-lấn, khi chiến-tranh vừa rồi người Anh lại thừa-cơ đặt bảo-hộ. Đảng ái-quốc Ai-cập hết sức vận-động phản-đối, đầu đảng là ông SAAD ZAGLOUL PACHA, già đời tận-tụy về việc nước, tuổi đã cao, bị Chính-phủ Anh hai lần đem đi đầy, một lần ở đảo *Malte*, một lần ở quần-đảo *Seychelles* là nơi nước độc lắm. Sau thấy dân-tình không phục, vạn-quốc có ý xem-xét, người Anh cũng phải dịu dần, trước tha cho ông ZAGLOUL về nước, sau cho Ai-cập tuyên-bố độc-lập ngày 28 tháng 2 năm 1923. Nhưng đó chẳng qua là miễn-cưỡng phải làm, và làm ngoài mặt đó mà thôi. Ai-cập đã được độc-lập, ông ZAGLOUL lên làm thủ-tướng ; chủ-nghĩa ông là hết sức làm cho nước ông được hoàn-toàn độc-lập, hoàn-toàn lĩnh-thổ. Vậy mà Ai-cập tuy gọi là độc-lập mà quân Anh vẫn đóng trên giọc sông Vận-hà *Suez* (Tô-tư-yêu), người Anh vẫn chiếm-cứ đất *Soudan* là miền thượng-du nước Ai-cập, lại vừa là miền thượng-lưu sông Ni-la (*Nil*). Sông Ni-la là cái mách máu lớn của Ai-cập, không có nước sông thì cả đất Ai-cập sẽ khô-khan cạn-hán, không cấy-cấy gì được. Nếu người Anh giữ miền thượng-lưu sông thì lâm-thời có thể chặn giòng sông, làm cho cả dân Ai-cập phải chết đói. Một nước độc-lập không thể chịu cái nông-nỗi nguy-hiểm như thế được. Ông ZAGLOUL từ khi lên cầm quyền hết sức yêu-cầu với nước Anh cho rút quân ở giọc sông *Suez* và ở đất *Soudan* về, Chính-phủ Anh nhất-định không nghe. Tháng trước đây ông thân-hành sang tận Luân-đôn để cùng thủ-tướng MAC DONALD thương-thuyết việc ấy. Điều-đình không xong, ông về nước đã lấy làm chán lắm, muốn từ-chức, nhưng vua không cho, quốc-dân cũng ỷ - vọng ông lắm, không nỡ bỏ. Giữa khi ấy thời có một đảng bạo-động ném hai quả « bôm » vào viên thống-tướng (*Sirdar*) các quân-đội Anh ở Ai-cập, kiêm tổng-đốc đất *Soudan*, là SIR LEE STACK, ở ngay giữa thành-phố *Le Caire*. Được tin ấy ông ZAGLOUL, vua FUAD, cùng cả nghị-viện Ai-cập, liền gửi lời xin lỗi nước Anh và thống-mạ những cách bạo-động như thế, xin hết sức tra tìm cho được kẻ hành-hung mà trừng-trị một cách rất nghiêm-nhặt. Chính-phủ Anh

lập-tức truyền cho mấy đội quân đóng ở *Malte* và ở *Gibraltar* và mấy chiếc đại-chiến-hạm ở Địa-trung-hải vào đóng ở cửa *Alexandrie*, rồi gửi cho Chính-phủ Ai-cập một cái tối-hậu-thư sách mấy điều như sau này : 1) Phải tạ-tội về cái âm-sát Thống-tướng Anh ; 2) Phải nộp bồi-khoản 5 vạn *sterling* (chừng 5 triệu phật-lăng Pháp) ; 3) Phải rút hết quân Ai-cập ở đất *Soudan* về, giao cho quân Anh giữ. Trước khi Chính-phủ Ai-cập trả lời, nước Anh tuyên quân-luật (*état de siége*) ở *Soudan* và giao cho đại-ủy-viên Anh ở Ai-cập là LORD ALLENBY được toàn-quyền hành-động. Ai-cập cũng phải ép chịu, trong ba điều nhận hai điều, còn điều thứ ba thì không thể sao nhận được, vì nếu nhận thì không khác gì là mất quyền độc-lập. Anh không nghe, liền bách quân Ai-cập ở *Soudan* rút về hết và đem thủy-quân lục-quân Anh đến chiếm-cứ. ZAGLOUL PACHA không thể kham được phải từ-chức, mà giao cho ZIWER PACHA là nghị-trưởng Thượng-nghị-viện lập Nội-các mới để thương-thuyết với Anh. Thương-thuyết thế nào Anh cũng nhất-định không nghe. Ai-cập bị ức quá như thế, chỉ còn một cách kêu với hội Vạn-quốc, nhưng hội Vạn-quốc nan rằng Ai-cập chưa có chân hội, không thể xét được. Thậm-chí Ai-cập phải nhờ đến nước Ba-tư (*Perse*) là nước đồng-giáo (cùng đạo Hồi) với mình, có chân Hội Vạn-quốc, đem ra tố-cáo ở trước Hội hộ, mà cũng không được, vì Anh cố ngăn-trở cho Ba-tư không dám can-thiệp. Còn cả «thế-giới văn-minh» thời cứ khoanh tay ngồi yên, điềm-nhiên bất-động, để cho chó-sói Anh-cát-lợi ăn thịt con chiên Ai-cập. «Thế-giới văn-minh» thật cũng vô-tình thay. — Theo những điện-tín mới đây thì Ai-cập đã phải chịu nhận hết cả, và bao nhiêu quân Ai-cập đã rút hết ở *Soudan* về rồi. Còn ZAGLOUL PACHA thời nghe đâu phải Chính-phủ Anh bắt đi biệt-xứ một lần nữa. — Nước Pháp xưa nay vẫn có cảm-tình với Ai-cập, Ai-cập cũng mến phục cái văn-minh độ-lượng của Pháp lắm (Xem Thời-đàm kỳ trước nói về tiếng Pháp ở Ai-cập). Pháp chuyến này không thấy can-thiệp vào, ý hẳn sợ mất lòng Anh chăng ?

∴

Việc nước Tàu. — Tự việc chính-biến ở Bắc-kinh tự-thuật kỳ trước, chính-cục nước Tau vẫn còn phân vân lắm. Việc nội-chiến thì đã tạm xong, nhưng việc chính-đốn hãy còn lôi-thôi lắm. Như kỳ trước đã nói, gây ra việc chính-biến là tướng FONG YU-TSIANG (Phùng Ngọc-Tường). Không biết Phùng có thông với TCHANG TSO-LIN (Trương Tác-Lâm) không, nhưng Phùng là đại-biểu cho đảng « thanh-niên » phản-đối cái chính-sách võ-đoán hủ-bại của OU PEI-FOU (Ngô Bội-Phu). Đảng này lập-tức tuyên-bố đình-chiến và đình chiêu-tập một đại-hội-nghị họp cả lĩnh-tụ các đảng trong nước để bàn kế hợp-nhất và mở một cuộc công-thải ở ngoại-quốc. Tổng-thống Tào bị bách phải từ-chức, Nội-các Nhan (DA YEN) cũng phải từ-chức. HOUANG FOU (Hoàng Phu) lập một lâm-thời Nội-các, toàn những người về đảng Trương và Phùng và không có người nào về phái *An-fou* (An-phúc) cả. Đại-hội-nghị họp ở *T'ien-tsin* (Thiên-tân) vào thượng-tuần tháng mười một. Có mời cả TOUAN KI-CHOUEI (Đoàn Kỳ-Thụy) là đầu phái *An-fou* và SUN YAT-SEN (Tôn Văn) là đầu chính-phủ Quảng-đông. Tôn đã nhận lời đời Quảng-đông lên Thượng-hải, ở tô-giới Pháp, nghe-ngóng trong mấy ngày, rồi không thấy lên họp ở Thiên-tân, chừng xem chính-cục không lợi cho mình chăng. Ngày 26 tháng mười-một có điện rằng Tôn đã sang Nhật-bản, hiện ở *Kobé* (Thần-hộ). Còn Đoàn thì Hội-nghị cố nài cho ra cầm quyền, vì hiện nay chỉ có ông là người xem ra có đủ thế-lực mà điều-hòa củ-tập được các đảng ; Hội-nghị muốn giao cho ông lập Nội-các, làm thủ-tướng lại vừa kiêm quyền tổng-thống. Ông còn do-dự mãi chưa quyết. Nhưng Trương và Phùng đều cố ép, hiện đã chịu lập chính-phủ mới ngày 24 tháng mười-một rồi.

Phùng thời đã tuyên-bố rằng hễ chính-phủ mới thành-lập thời sẽ giao lại cho chính-phủ cả quân-đội của mình, rồi đi du-lịch Âu Mĩ, cho tỏ rằng trong việc này chỉ vì nước, không vì mình.

Nhưng trong cuộc này thì Ngô thế nào ? Nếu Ngô mà còn một chút thế-lực thì không

khi, nào chịu. Điện Thượng-hải ngày 15 tháng 11 nói rằng Ngô đã đến *Nan-King* (Nam-kinh) sớm hôm ấy, hiện chỉ còn có 4 nghìn quân, mà khi cử-binh lên đánh Trương thì có những 50 vạn. Đến thủ-phủ đất *Kiang-sou* (Giang-tô), — tức là Nam-kinh, — hồi hội-nghị với đốc-quân tỉnh ấy là Tsio Ye-Yoan (Tử Nhiếp-Nguyên) và đại-biểu tám tỉnh miền Dương-tử-giang. Trước khi Ngô đến, tám tỉnh ấy đã tuyên-bố độc-lập đối với Chính-phủ Bắc-kinh, nói rằng hiện nay chính-phủ trung-ương đã đổ rồi thì các tỉnh không thừa-nhận mệnh-lệnh Bắc-kinh nữa. — Ngày 8 lại có điện Bắc-kinh nói rằng các đốc-quân mấy tỉnh miền Hoang-hà và Dương-tử-giang đã cùng Ngô lập một Chính-phủ ở *Ou chang* (Vũ-xương), và tuyên-bố không công-nhận chính-phủ mới Bắc-kinh. Ngô hiện gồm được chín tỉnh, đặt thủ-đô ở *Ou-chang*.

Thế là nước Tàu không những không hợp-nhất được mà lại phân-lìa một lần nữa. Chưa biết sau này các đảng xung-đột nhau đến thế nào.

Về phần liệt-cường thời nghe đâu nước Pháp, nước Anh, nước Tỉ, nước Ý, nước Mĩ và nước Nhật đã giao-tiếp với Chính-phủ Đoàn ở Bắc-kinh. Liệt-cường bàn muốn lập một hội-nghị những nước có quyền-lợi ở Tàu để giúp nước Tàu giải-quyết những sự khó-khăn về tài-chính bây giờ.

Việc trong nước

Hội-đồng Chính-phủ. — Ngày 22 tháng 11, hội-đồng Chính-phủ đã họp kỳ thường-niên ở Hà-nội. Theo lệ thường quan Toàn-quyền Merlin có đọc một bài diễn-thuyết kể rõ về tình-hình Đông-Pháp trong năm 1924. Sau đây xin tóm-lược mấy đoạn quan-hệ nhất về sự học, sự thiết-lập một hội-nghị Đông-Pháp và vấn-đề thuế thương-chánh về đồ hàng Nhật.

Việc học là việc cần nhất cho xứ này. Những con trẻ đến tuổi đi học trong toàn-hạt Đông Pháp có tới 200 vạn (2 triệu), mà hiện nay các trường chỉ mới dạy được có 20 vạn. Chính-phủ cũng đã hết sức mở-mang, chi-tiêu về việc học mỗi năm có tới ngót 700 vạn đồng (7 triệu), vậy mà còn chưa đủ như thế, thì biết rằng còn cần phải mở-mang thêm biết bao nhiêu nữa. — Nói về bậc tiểu-học thời hướng-lai chưa mở-mang được hết sức là vì thiếu thầy dạy. Nay Chính-phủ đã định lấy thêm học-trò vào các trường sư-phạm và dùng cách dạy tốc-thành cho được một số nhiều những trợ-giáo cần dùng ngay bây giờ. Lại đặt ra một hội-đồng tu-thư để soạn những sách giáo-khoa cho các trường sơ-học, in thật nhiều, bán thật rẻ, cho con trẻ đứa nào cũng có sách mà học. Sau nữa lại sửa đổi mấy điều trong học-qui cho những con trẻ nhà quê hay kẻ chợ có thể học trong ba năm cũng biết được đủ những điều thường-thức cần-dùng; lại công-nhận cho tiếng bản-xứ có một địa-vị xứng-đáng trong bậc tiểu-học, điều này hướng-lai vẫn không chu-ý đến, nhưng tưởng đối với những dân-tộc đã có văn-hóa cũ mà cứ khiết-nhiên không nhìn nhận đến tiếng quốc-âm của họ như thế thời là một sự lầm, có thể sinh ra nguy-hiểm về đường chính-trị; vả lại sự dạy tiếng bản-xứ ở bậc tiểu-học đã sắp đặt cho không thiệt-hại gì đến sự dạy tiếng Pháp, vì lên đến các lớp trên tiểu-học, đến trung-học và đại-học đều chỉ dạy thuần bằng tiếng Pháp cả. — Đến bậc học « bổ-tập » (*enseignement complémentaire*, tiếng này ta vẫn thường dịch là « thành-chung » là sai), đáng đặt tên là « cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt » (*enseignement primaire supérieur franco-indigène*) có lẽ phải hơn, thì hiện nay cũng tiềm-tiệm đủ, duy chương-trình phải sửa đổi lại cho thích-hợp, sẽ đưa cho « Học-vụ tư-vấn hội-nghị » xét. Hội-nghị này cũng phải xét về chương-trình bậc trung-học bản-xứ, hiện còn nhiều điều khuyết-điểm. Bậc trung-học này là quan-hệ, vì cốt để dự-bị cho bậc đại-học trên; trung-học có tốt thì đại-học mới tốt được. — Ngay từ năm nay những học-trò vào Đại-học đã kén chọn kỹ hơn trước. Đại-học mở ra đã bảy năm nay, xét ra còn khuyết-điểm, vì hướng-lai thầy-giáo phần nhiều là hạng « lĩnh-khóa giáo-viên » (*chargés de cours*), toàn là những người có chức-nghiệp ở ngoài, không năng giao-tiếp với học-sinh, nên không thể trông nom cho hết sức được. Từ giờ sẽ bổ thêm những « thực-thụ giáo-viên » (*professeurs titulaires*) để chuyên về việc dạy học các trường cao-

đẳng. Lại trong khóa-trình cũng sửa đổi lại, những khoa nào không cần lắm thì giảm bớt đi, những khoa nào cần thì bổ thêm vào. Lại mới đây đổi trường Pháp-chính ra trường Cao-đẳng Đông-Pháp để truyền dạy cho bọn thanh-niên lọc-lõi trong bản-xứ những văn-chương nghĩa-lý cao-thâm của Đông Tây; cùng đặt ra một trường Mĩ-thuật để bảo-tồn và chấn-loát các nghề khéo của An-Nam và Cao-miên. — Nói tóm lại thời thuộc về ba bậc tiểu-học, trung-học, đại-học, Chính-phủ đều ân-cần mà chăm-chút, không có thiên-trọng bậc nào mà sao-nhãng bậc nào, vì ba bậc đều là cần, đều có mật-thiết quan-hệ với nhau cả, như một cái khối liền nhau, không thể phân-tách ra được. Mở rộng bậc tiểu-học, tức là dư-bị cho nhiều người vào trung-học, trung-học có nhiều người thì kén vào đại-học mới được rộng. Vả lại, nói riêng về bậc đại-học thời bậc này đặt ra không phải là chỉ để cho thỏa cái chí ham học của kẻ thông-minh trong nước mà thôi, mà lại là vì sự yếu-cần để gây lấy nhân-tài giúp việc nhà nước nữa. Như vậy thời nhà nước không thể không hết sức mở-mang cũng như các bậc kia.

Đoạn quan-trọng nhất trong bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền là đoạn nói về sự sửa đổi lại Hội-đồng Chính-phủ. Xin dịch cả đoạn như sau này :

« Hội-đồng Chính-phủ, cứ như cách thiết-lập ra theo sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 29 tháng 10 năm 1911 và cứ như cách hành-động hiện bây giờ, trong mấy năm nay đã bị nhiều người bài-bác lắm. Thường bác về ba điều như sau này : trong hội-đồng phần nhiều là chân quan-lại cả, không phải là đại-biểu chân-chính cho các quyền-lợi trong xứ; vì lẽ đó nên nhiều khi không có đủ tư-cách độc-lập mà kiểm-sát các việc hành-chính; lại vì các lẽ trên đó nên đối với dư-luận và đối với quan-quyền bên Mẫu-quốc, bàn nói không có giá-trị cho lắm. — Những lời bài-bác ấy chắc là phải nên châm-chước. Cõi Đông-Pháp mỗi ngày một mở-mang về đường kinh-tế, các lợi-quyền mỗi ngày một to-tát thêm ra, dân-trí một ngày một khai-thông, cần phải đặt ra để giúp việc cho quan Toàn-quyền một cái nghị-hội, đối với Chính-phủ được hoàn-toàn độc-lập và đại-biểu được các bộ-phận trong cuộc sinh-hoạt xứ Đông-Pháp một cách chính-đáng hơn. — Có một nghị-hội như thế thì được nhiều điều lợi-ích lắm. Trước là giúp cho quan Toàn-quyền hằng được thông-đồng với dư-luận, cho biết dư-luận thay đổi thế nào và cần muốn sự gì. Lại đem những cái ý-kiến, những cái hình-thức, những cái tư-tưởng, những cái kinh-lịch ở trong dân-gian, ở ngoài Chính-phủ, mà cống-hiến cho quan Toàn-quyền được nhiều những tài-liệu hay. Lại có thể kiểm-thúc cho các sở Nhà-nước, các quan-lại công phải giữ-gìn cẩn-thận trong các công-việc mình; giúp cho chính quan Toàn-quyền thêm có cách mà tự-kiểm-điểm mình, khi nào sai lầm điều gì có thể chữa sửa được ngay; lại giúp cho có dịp có nơi mà diễn bày những điều mình dự-tính, chống-chế những việc mình mưu làm. Quan Toàn-quyền được có nghị-hội tả-dẫn như thế thời phàm thi-thố điều gì có một cái giá-trị, một cái thế-lực riêng đối với dư-luận bản-xứ và đối với quan-quyền Mẫu-quốc. — Nghị-hội mới này sẽ kiêm cả các chức-quyền của Hội-đồng chính-phủ ngày nay, và đặt tên là « Đông-Pháp Nghị-Hội » (*Congrès de l'Union Indochinoise*). Sẽ có 44 chân nghị-viên, 27 người thay mặt người Pháp và 17 người thay mặt người bản-xứ. Nam-kỳ được 13 người, 9 người Pháp; Bắc-kỳ và phần bắc-bộ Trung-kỳ (Thanh Nghệ), về đường kinh-tế có trực-tiếp quan hệ với Bắc-kỳ, 14 người, 9 người Pháp; Trung-kỳ và Cao-miên mỗi xứ 7 người, 4 người Pháp; Ai-lao, 3 người, 1 người Pháp; cách phân số ấy là chủ-ý theo cho đúng với số dân và đúng với sự kinh-tế của mỗi xứ. — Ở Đông-Pháp này, các hạng người có quyền bầu-cử, về phần người Pháp và về phần người bản-xứ có khác nhau, có khi mỗi xứ cũng khác nhau nữa. Hiện nay còn bác-tạp lắm, không thể hỗn-hợp làm một được. Vả lại trong những hạng ấy còn có hạng hãy còn chửa quen việc bảo-cử cho lắm, tưởng chưa nên ngay bây giờ cho quyền được trực-tiếp bầu-cử những người vào nghị-hội Đông-Pháp, là nơi phải bàn-bạc những vấn-đề tài-chính rất lớn-lao trong cõi. — Cho nên muốn lập ra nghị-hội này, thiết-tưởng nên lựa lấy những

người nào đã từng - trải sự bàn-bạc ở các hội-đồng, do những anh em đồng-sự trong Hội cử ra khác nào như kén lấy phần tinh-túy trong các hội, lại vừa là những tay đại-biểu có giá-trị của các lợi-quyền lớn trong bản - xứ để sung vào, rồi đến khi thành-lập rồi thời sẽ tự đặt lấy các thể-lệ trong hội, định các cách-thức bàn-bạc, cùng những quyền-lợi và trách nhiệm của nghị-viên thế nào. Vậy thời phần nhiều nghị-viên sẽ chọn trong các đoàn-thể bầu-cử, như Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ, các Hội-nghị Thương-mại và Canh-nông, các Hội-nghị các thành-phố, các Hội-đồng Tư-vấn. Nghị-viên Nam-kỳ ở Hạ-nghị-viện Pháp, ủy-viên của các xứ ở Cao-đẳng - nghị-hội Thuộc-địa, các chánh-phó hội-trưởng của các hội-nghị bản-xứ, sẽ dự vào nghị-hội mới cùng với những hội-viên của các hội ấy cử riêng ra. — Nghị-hội mới này theo cách tuyển-cử như thế, lại có quyền được đặt thể-lệ riêng trong Hội, có quyền được kiểm-điểm tư-cách của hội-viên mà chức-quyền về tài-chính thời lại rất rộng, thật là được hoàn-toàn độc-lập, đủ tiêu-biểu cho dư-luận và có thể giúp cho quan Toàn-quyền được thêm đắc-lực để thi-hành các công việc mở mang trong bản-xứ. — Sự cải-cách này tuy chưa được thỏa lòng những người nóng-nẩy, nhưng tưởng cũng là một bước tấn-tới hơn bây giờ và sẽ mở đường cho sự tiến-bộ về sau. — Nay đặt ra một Đông-Pháp Nghị-hội thời Hội-đồng Chính-phủ và ban thường - trực của Hội-đồng Chính-phủ tất phải sửa đổi lại cho thích-hợp với tình-trạng mới. Hai hội ấy sẽ đặt là Cao-đẳng hội-nghị Đông-Pháp (*Conseil supérieur de l'Indochine*) và hội-đồng quản-trị của phủ Toàn - quyền (*Conseil d'administration du Gouvernement Général*). — Nên mong rằng các hội-đồng hội-nghị đó tập-hợp những nhân-tài trong quan-giới và ngoại quan-giới, hai bên đồng-tâm hiệp lực với nhau sẽ điều-hòa được mọi sự mâu-thuẫn và cùng nhau mưu-tính việc công-ích cho xứ này. »

Sau đây là đoạn nói về vấn-đề thuế thương-chánh về đồ hàng Nhật.

Quan Toàn - quyền trước thuật về sự đi công-cán của ngài ở Nhật-bản, rồi nói rằng : « Trong khi các quan-thân Nhật - bản đón tiếp tôi như thế thời quan Chánh Thương-chánh và các ông hội - trưởng Hội Thương-mại Đông-Pháp cùng thương-thuyết với các đại-biểu của Chính-phủ và thương-giới Nhật về các lợi-quyền kinh-tế của hai nước. Hai bên sẵn lòng cùng nhau quan - sát các kế-hoạch có thể làm cho sự thông-thương hai nước được thịnh hơn, cùng là cách gia-giảm thuế thương-chánh thế nào cho được kết-quả như thế mà không phương - hại đến những lợi-quyền cốt-yếu của hai nước Pháp Nhật. Các đại-biểu của Chính-phủ Nhật trước yêu-cầu cho đồ hàng Nhật vào Đông-Pháp được theo thuế-ngạch nhẹ nhất, nhưng nghe các phái-viên biện-bác và phân-trần lợi-hại thời cũng đã chịu châm-chước, thuận theo thuế ngạch chung như bây giờ, duy xin thay đổi lại ít nhiều khoản mà thôi, còn về phần Nhật thời cũng sẽ hiệu giảm thuế cho mấy thứ sản-vật Đông-Pháp và biệt-đãi cho công-nghệ nước Pháp. Hai bên họp mặt đó chẳng qua là để trao đổi ý-kiến mà thôi, bên nào cũng có bụng tin lẫn nhau cả, nhưng không phải là một cuộc hội - thương về ngoại-giao, vì đại-biểu hai bên đều không có tư-cách riêng để làm việc đó. Từ đầu đến cuối là một cuộc nói chuyện ngoài chính-thức cả. Tức một cách dự-bị nghiên-cứu về sự thông-thương và thuế thương-chánh của Nhật-bản và Đông-Pháp về sau này. Việc nghiên - cứu ấy hiện đã chuyển giao cho các Hội Thương-mại Đông-Pháp, xin các hội ấy nên tra xét cho chu-đáo. Khi nào nghiên-cứu xong sẽ đệ trình về Chính-phủ Mẫu-quốc kiểm-duyệt lại, điều gì nên và vừa có lợi cho Đông-Pháp, vừa có lợi cho Đại-Pháp thời để, điều gì không thời sẽ bỏ. Hiện nay Đông-Pháp buôn bán với các nước ngoài tới 50 phần trăm, trong số đó nước Nhật-bản có thể chiếm lấy một phần tưởng cũng không phương-hại gì cho các nhà buôn Mẫu quốc và các nhà buôn Đông-Pháp. Về một phương-diện khác thời Đông-Pháp cũng có lợi nên dự-bị sẵn cho sự xuất - cảng của mình sau này. Vì ta không nên quên rằng đất Đông-Pháp này về đường kinh-tế là thuộc về hoàn-cảnh cõi Đông - Á. Những sản-vật của Đông - Pháp ta các nước lân-giềng cần dùng đến cả. Nhiều thứ không thể đem sang bán ở các thị-trường Âu-châu được, vì xa-xôi và vận-tải đắt. Nay muốn bán gạo, bán than, bán gỗ cho các lân-bang mà không mua gì cho người ta để làm đại - giá thì sao được. Phái - bộ sang Nhật-bản mới rồi toàn là những tay đại-biểu

có giá - trị của thương-giới Đông - Pháp, đã kinh-nghiệm được nhiều điều về cái tình-hình mới của công-nghệ Nhật, về cái thái-độ thân-ái đối với nước Pháp của các hàng chính-giới nước Nhật và của cả quốc - dân Nhật nữa, mong rằng sẽ giúp cho nghiên - cứu cái vấn-đề thông-thương hai nước một cách châu-đáo hơn, khiến cho bỏ cái thái-độ khăng-khăng như trước, xưa kia có lẽ là phải, nhưng ngày nay không thể thể được nữa, để điều-hòa mọi sự mâu-thuẫn, và quyết định-định lại các thương-ước trong hai nước để chot hỏa - hợp quyền-lợi cả đôi bên. »

∴

Học-vụ tư-vấn hội-nghị. — Nghị-định quan Toàn-quyền ng y 18 tháng 9 năm 1924, có đặt ra một «Học-vụ tư-vấn hội-nghị» (*Conseil consultatif de l'Instruction publique*), khác nào như một cái nghị-viện để bàn-bạc về các việc học trong toàn-hạt Đông-Pháp. Hội-nghị này họp những quan-thân và đại-biểu của chính-giới giáo-giới trong các xứ. Ngày 25 tháng 11 mới rồi mới họp lần đầu, quan Học-chính Tổng-trưởng làm chủ-tọa. Hôm khai-hội quan Học-chánh BLANCHARD DE LA BROSSE có đọc một bài diễn-văn tổng-thuật về tình-hình học-chính ở Đông-Pháp và nói qua về các vấn-đề hội-nghị phải bàn xét. Ngài nói rằng sự học ở Đông-Pháp mỗi ngày một mở-mang, cứ xem cái số tiền chi-tiêu về học-chính đối-chiếu với số chi-tiêu chung và số thông-thương xuất-nhập mỗi năm thì đủ biết. Năm 1907 số chi-tiêu về học-chính là 1.125.278 đồng đối với tổng-số chi-tiêu giao-dịch của Đông-Pháp là 247.783 000 đồng; năm 1923, số chi-tiêu về học-chính tăng lên 5.125.278 đồng, đối với tổng-số chi-tiêu giao-dịch là 1.079. 283.000 đồng. Xem như thế thì sự học mở-mang là theo với sự thịnh - vượng chung trong xứ. Tuy vậy mà vẫn chưa đủ đối - phó với sự cần dùng. Tuy so-sánh với năm 1907, thời số dự - toán về việc học năm 1924 nhiều hơn tới 454 phần trăm thật, song số con trẻ đến tuổi đi học cả thảy là 2 triệu đứa, mà hiện các trường mới dạy được có 20 vạn. — Vậy thời phần nhiều không có trường mà học, tất phải học trường tư, hoặc là trường tây hay trường bản-xứ, trường thông-tục (*écoles laïques*) hay trường giáo-hội (*écoles confessionnelles*) của Phật - giáo (như trường nhà chùa ở Cao-miên, có dạy tới 3 vạn 6 nghìn đứa trẻ) hay của Thiên-chúa-giáo. Trường nhà nước còn chưa đủ tới những trường tư như thế có thể giúp cho sự học được nhiều lắm, miễn là phải tuân theo pháp-luật của Dân-quốc Đại-Pháp. Ý chính phủ nghĩ như thế nên mới tuyên-bố sắc-dụ ngày 14 tháng 5 năm 1924 qui-định về các trường tư-thục, cốt để đặt cái kiểm-sát về tư-cách người dạy học và sự vệ-sinh trong nhà học. Ngày nay trường tư-thục mỗi ngày một nhiều thời sự kiểm-sát ấy lại cần lắm. Song ý Chính-phủ là rộng-rãi, chứ không muốn phiền-nhiễu gì ai, như để rộng cho các tư - thục được tự - do muốn dùng phương-pháp dạy học thế nào thì dùng, muốn dùng sách giáo-khoa gì thì dùng, miễn là không có điều gì phạm đến quốc-luật thì thôi. Sắc-dụ ngày 14 tháng năm là định đại-cương mà thôi, nay đem ra thi - hành thì quan Toàn-quyền và các quan thu-hiến các xứ phải định tường về các thể-lệ. Bởi thế nên điều thứ nhất trình cho « Học-vụ Tư-vấn Hội-nghị » xét là việc định thể-thức cho các tư-thục phải theo. — Điều thứ nhì là duyệt-định lại chương-trình các trường « bổ-tập » (nay đổi là cao-đẳng-tiểu-học) và chương-trình các trường trung-học bản-xứ cho thích-hợp với sự cần dùng và để dự-bị cho học-trò vào các trường Cao-đẳng. Nói tóm lại thì chủ-ý sở Học-chánh là muốn cho học - trò bản-xứ có một cái học phổ - thông cũng bằng như học-trò Pháp mà lại biết cả những điều cần phải biết về ngữ-ngôn, lịch-sử, chế-độ, văn-minh của dân - tộc mình, khiến cho trở nên con người thông-giỏi, biết yêu-mến nước Pháp mà không đen nỗi quên cả nước mình.

Nhân nói về vấn-đề tư-thục, có người đồn, — nhất là ở Trung-kỳ, — rằng từ giờ Chính - phủ cấm người An-Nam học chữ nho. Thiết-tưởng đồn thế là đồn lắm. Vì sắc-dụ về tư-thục ngày 14 tháng 5 năm 1924

là vốn thi-hành ở bên Pháp, nay mới tuyên-bố sang bên ta, thời chắc là chỉ thi-hành ở các nơi thành-phố theo pháp luật Pháp mà thôi. Vả lại không có lẽ Chánh-phủ cấm chữ nho, vì ngay trường nhà nước cũng vẫn học chữ nho. Như trên kia đã nói, trường tư-thục được tự-do muốn dạy chữ gì thì dạy, muốn học sách gì thì học, miễn là không phạm quốc-luật thì thôi. Vậy tưởng các quan địa-phương cũng không có lẽ gì mà phiền-nhiễu các thầy đồ ta. Duy có việc khai-trình và kiểm-sát thì tưởng Chính-phủ cũng nên rộng lượng cho « nhà nho », vì một thầy đồ dạy độ mươi lăm đứa trẻ mà bắt bàn ghế như trường nhà nước, theo hợp như phép vệ-sinh, thì cũng khó lòng cho đúng lệ được.

∴

Hội các nhà làm việc bằng tinh-thần ở Đông-Pháp. — Ở *Paris* mới lập ra một hội rất hay, đặt tên là « Hội các nhà làm việc bằng tinh-thần ở Đông-Pháp » (*Association des travailleurs intellectuels d'Indochine*). Hội này khởi-xướng từ ông PIERRE MILLE, có hội « Các bạn tinh-thần » (*Les compagnons de l'intelligence*) bảo-trợ và tức là một ban của « Hội Liên-hợp các nhà làm việc bằng tinh-thần » (*Confédération des travailleurs intellectuels*). Mục-đích là: 1) họp-tập những nhà làm việc về tinh-thần ở Đông-Pháp hay ở các nơi mà có quyền-lợi ở Đông-Pháp; 2) gây lấy tình liên-lạc, lòng thân-ái trong các hội-viên để phòng khi giúp đỡ lẫn nhau; 3) tìm cách bảo-toàn cho sự học-vấn tư-tưởng; 4) lập những nơi họp-tập và nơi nghiên-cứu để cổ-động cho Đại-Pháp và Đông-Pháp am-hiểu lẫn nhau; 5) giúp sự thiết-lập các cơ-quan công đoàn-thể để phù-trợ cho các nhà làm việc bằng tinh-thần, hoặc về khoa-học, hoặc về mĩ-thuật, hoặc về văn-học; 6) kết-liên với hội Liên-hợp các nhà làm việc bằng tinh-thần ở Đại-Pháp. — Hội này không vận-động về việc chính-trị, chỉ chủ-trương về đường văn-hóa mà thôi. — Chánh-hội-trưởng là ông Dương Văn-Giáo, luật-khoa tiến-sĩ, làm trạng-sư ở *Paris*; chánh-thư-ký là ông Diệp Văn-Kỳ, luật-khoa cử-nhân, hiện ở *Paris*. Hội-viên phần nhiều là người Việt-Nam sang du-học hay làm các nghề tự-do ở bên Pháp (như trạng-sư, kỹ-sư, v.v.). Trong hội cũng có người Pháp, hoặc là sinh-viên các trường Thuộc-địa và trường Đông-phương-Bác-ngữ, hoặc là các nhà làm văn làm báo. Lại có cả đàn-bà có chân hội nữa, như bà CHIVAS BARON là một nhà nữ-sĩ đã làm mấy bộ tiểu-thuyết về bên ta, bà Dương Văn-Giáo (người Pháp) đỗ văn-khoa và luật-khoa cử-nhân, có bằng tốt nghiệp về tiếng An-Nam ở trường Đông-phương-Bác-ngữ.

Bản-chí vẫn thường chủ-trương rằng nước Nam ta ngày nay muốn cho được hoàn-toàn khai-phóng, nên chú-trọng về đường văn-hóa trước nhất. Hễ đường văn-hóa mở-mang thì đường chính-trị tất được rộng-rãi. Nay gây-dựng ra văn-hóa trong một nước là ở ai? Là cốt ở những người làm việc bằng óc, bằng tinh-thần, là những nhà học-vấn, nhà tư-tưởng, nhà mĩ-thuật, nhà làm văn, làm sách, v. v.. Những nhà ấy nếu biết họp lại thành đoàn-thể, có cảm-tình, có liên-lạc với nhau, thời thế-lực mạnh biết đường nào và có thể giúp cho sự tiến-hóa nước nhà biết bao nhiêu! Nay thấy các anh em Việt-Nam ta ở Pháp mới lập được một hội như trên kia, thật lấy làm mừng lắm. Anh em sang ngụ-cư ở đất văn-minh có khác, cũng nhiễm được cái thói văn-minh hơn bọn chúng ta ở nhà. Hiện trong xã-hội ta bây giờ, trong cái xã-hội mà có thể gọi được là « thức-giả-xã-hội », đếm đốt ngón tay được có bao người, thế mà còn chưa trút được sạch những cái thói rất tầm-thường là thói « hàng thịt ngúy hàng cá », thì còn mong bao giờ biết đồng-tâm hiệp-lực mà mưu sự khai-phóng cho giống nòi! Nghĩ cũng ngán thay!

∴

Quan quyền Thống-sứ Bắc-kỳ Poulin tạ-thế. — Quan Cai-trị hạng nhất POULIN quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, tạ thế ở Hà-nội, tại

nhà bệnh-viện *Saint-Paul* ngày 10 tháng 11 vừa rồi. Ngài sinh năm 1869, hồi đầu làm quan trong ngạch quận-huyện ở Pháp, lĩnh chức « tổng-thư-ký hàng quận » (*secrétaire général de préfecture*); năm 1903 chuyển sang ngạch quan cai-trị Đông-Pháp, lĩnh chức cai-trị hạng ba: năm 1909, thăng hạng nhì, năm 1919 thăng hạng nhất. Phần nhiều tòng-sự ở Bắc-kỳ, làm công-sứ mấy tỉnh Phù-Liễn, Sơn-tây, Bắc-giang, rồi sau việc loạn Thái-nguyên năm 1917 thời làm Công-sứ Thái-nguyên và làm chủ Hội-đồng Đề-hình xét về việc ấy. Sau làm đổng-lý phủ Thống-sứ ở *Vientiane* (Ai-lao), rồi lại về lĩnh chức ấy ở phủ Thống-sứ Hà-nội. Sau hết được cử làm thanh-tra việc chính-trị ở Bắc-kỳ. Cách mấy tháng nay, quan Thống-sứ MONGUILLOT về nghỉ bên Pháp, được cử làm quyền Thống-sứ Bắc-kỳ. Ngày 31 tháng 10 được thưởng-thụ đệ-ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh. — Cất đám ngày thứ năm 13 tháng 11, quàn tại nghĩa-địa Hà-nội. — Quan đốc lý Hải-phòng KRAUTHEIMER thay quyền Thống-sứ Bắc-kỳ.

.·.

Hội Chợ Hà-nội. — Hội-chợ Hà-nội năm nay là lần thứ sáu, coi ra có vẻ sầm-uất hơn mọi năm. Khai-hội ngày chủ-nhật 30 tháng 11. Ông GRAWITZ là hội-trưởng hội Thương mại Hà-nội đứng đầu hội-đồng tổ-chức có đọc một bài diễn-văn kể về tình-hình hội-chợ năm nay, đại-khái nói rằng ngoài xứ Bắc-kỳ các đồ sản-vật và chế-tạo mỗi ngày một nhiều thêm ra, còn các xứ khác trong cõi Đông-Pháp cũng dự phần vào Hội-chợ to lắm, như Cao-miên thì có các phiến gỗ « lúp » (*loupes*) để đóng đồ, những chiếu cói rất đẹp, đổi-mới, các thứ gấm, cá muối, v. v.; Ai-lao thì có các thứ cây để làm sợi, các thứ nhựa, cánh-kiến, thuốc lào, các đồ dệt; Trung-kỳ thời có các thứ lụa rất đẹp, các thứ vải mường, quế, chè, thuốc, bông, cánh-kiến, các đồ chạm Quảng-bình, đồ sành Thanh-hóa; Nam-kỳ thời các thứ lúa thóc cùng sản-vật hiện đã giao-dịch với mẫu-quốc và ngoại-quốc nhiều lắm. Bắc-kỳ thì mấy tỉnh Hà-đông, Nam-định, Hải-dương đều có tấn-tới hơn mọi năm cả. Duy các nhà buôn và nhà nghề bên Đại-Pháp dự Hội-chợ năm nay cũng vẫn ít như mọi năm; ngoại-quốc cũng vậy, tuy năm nay có Nhật-bản, Phi-luật tân và Vân-nam tham-dự vào, nhưng cũng còn ít lắm. Có lẽ bởi hội-đồng tổ-chức không được đủ phương-tiện mà quảng-cáo cho được rộng. Về phần người An-Nam thời xem chừng vẫn chưa hiểu cái mục-đích của Hội-chợ, coi như một cái « chợ » để đem đồ hàng của mình đến bán trong mươi - lăm hôm, không biết rằng hội-chợ chỉ là một nơi « trại-hội » để bày các mẫu hàng, mong cho có người đặt người thửa to mà thôi (*foire d'échantillons*), có thể thì hội-chợ mới thật là có ích, vì khiến cho người chế-tạo cùng với người giao-dịch và người tiêu-dùng được trực-tiếp với nhau, chứ nếu không thì hội-chợ có khác gì chợ bán hàng thường. — Trong bài diễn-văn trả lời của quan Toàn-quyền MERLIN cũng nói về điều đó như thế này: « Người bản-xứ đem hàng đồ bày đây phải biết rằng đây không phải là cái chợ nhất-thời, chính là chỗ bày mẫu hàng và nhận khách đặt mà thôi. Vẫn biết rằng các công-nghệ bản-xứ phần nhiều là những « gia-đình công-nghệ », muốn cho nhà nghề hiểu được rõ cái mục-đích của hội chợ như thế cũng khi khó thật, nhưng nếu biết khéo sắp đặt cho thích-hợp với phong-tục và cách làm-ăn của người bản-xứ, thời cũng dễ khiến cho người ta hiểu dần được. »

.·.

Giới-thiệu sách mới. — *Bản-chí tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này, xin vui lòng giới-thiệu cho các bạn đọc báo:*

1. — 國史訓蒙 Quốc-sử huấn-mông. *Của ông Tản-đà* NGUYỄN KHẮC-HIẾU *soạn, ông* NGHIÊM THƯỢNG-VĂN *và* ĐẶNG ĐỨC-TÔ *tham-định. Sách này là « phỏng theo các lối sử Đông Tây, đem sự-tích nước nhà trong mấy nghìn năm, chép yếu-lược làm một bộ, có cương, có mục, có phụ lục, có phụ-khảo, có ký, án, có biện luận, » khảo-cứu kỹ-càng, lời văn dễ hiểu, không những giúp cho con trẻ học quốc-sử mà có ích cả cho người lớn nữa. Mới xuất-bản quyển thứ I từ Hùng-vương cho đến Bình-định-vương. Sách dày 168 trang, giá 6 hào. Bán ở Nghiêm-hàm ấn-quán.*

2 — Thế-lực khách-trú và vấn-đề di dân vào Nam-kỳ. *Của ông* ĐÀO TRINH-NHẤT, *trợ-bút báo* Trung-Hòa *soạn, ông Nguyễn Đình-Phẩm xuất-bản. Sách bán lấy một phần bạc giúp đồng-bào bị nạn lụt và bão ở hai xứ Trung-Bắc-kỳ. Nghị-luận xác-tạc, lời văn trôi-chảy. Xưa nay ít có sách nghiên-cứu riêng về một vấn-đề mà thuộc về lối luận-thuyết trường - thiên như sách này. Sách dày 150 trang giấy rộng, in tại nhà Thụy-ký, giá bán 1 đồng.*

3 — Hiến thân thờ nước. *Lịch-sử tiểu-thuyết, tả truyện Chiêu-Quân đi hòa Phiên chép theo như sự thực, khác hẳn với bộ* Song-phượng kỳ - duyên. NGUYỄN MẠNH-BỔNG *dịch-thuật; bán tại Hương - Nhật-Thư điếm ở Hải phòng. Sách dày ngót 70 trang, giá bán 2 hào.*

4 — 棋界 青 蔡. Cờ thế. *Sách dạy về cách đánh cờ, có vẽ đồ rõ ràng. Của ông*

PHẠM QUANG-QUI *soạn-thuật. In tại nhà Ngô Tử-Hạ, giá 4 hào.*

5 — Gương hiếu-nữ. *Luân-lý tiểu-thuyết. Dịch tiểu-thuyết Pháp «La jenne Sibérienne» của* XAVIER DE MAISTRE. *Dịch giả là ông* VŨ CÔNG NGHI. *Sách dày 44 trang, in tại nhà Ngô Tử-Hạ, giá bán 3 hào.*

6 — Tình non nước. *Sách thơ ca, của ông* CẨN VŨ-ÍCH, *in tại nhà in Thụy-Ký, có 40 trang, giá bán 2 hào rưỡi.*

7 — Le Chemin de fer de Tân-ấp à Thakhek et le débloquement du Laos. *Sách bằng pháp-văn nói về đường xe lửa từ Tân-ấp đến* Thakhek *và sự khai-thông cho xứ Ai-lao. Của ông* HENRI CUCHEROUSSET, *chủ báo* Eveil économique, *soạn. Sách có nhiều tranh ảnh và địa-đồ, ngoại-dung rất trang-nhã, in tại Đông-kinh ấn-quán.*

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn hai tháng trong các hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

A. — *Xin vào chân tán-trợ :*

Ông Vũ Duy-Thành, buôn bán ở Hòa-bình (*do ông Đỗ Lệnh-Hay giới-thiệu và đã nộp vào Hội 100 đồng*).

B. — *Xin vào chân chủ-trì :*

1. — Ông Hoàng Văn-Được, Etudiant en Médecine, 80 Rue des Paniers, Hanoi.

2. — Ông Kiều Thế Khánh, Chef de rue de Tả-hùng, Rue Tả-hùng, Sơn-tây.

3. — Ông Kiều Trí-Quỳnh, Thủ-bạ dự-khuyết, cựu học-sinh, làm ruộng, xã Đại-đồng, tổng Đại-đồng, huyện Thạch-thất, Sơn-tây. (*2 ông này do ông Đỗ Văn-Thiện giới-thiệu*).

4. — Ông Lê Văn-Ngọc, Secrétaire des Postes et Télégraphes, Rue des Vermicelles, Hanoi.

5. — Ông Nguyễn Văn-Đa, Commerçant chez « Đắc-bằng », 72 Rue des Paniers, Hanoi (*do ông Nguyễn Văn-Kinh giới-thiệu*).

6. — Ông Trần Thúc-Kỳ, Commis à la Direction des Douanes et Régies, Cité Nouvelle N° 18, Hanoi.

C. — *Xin vào chân thường-hội-viên :*

1. — Ông Nguyễn Đức-Tố, làm thợ, Groupement tonkinois, Hauts Fourneaux, Nouméa, Nouvelle Calédonie (Quán làng Lạc-chính, tổng Lạc-chính, huyện Ý-yên, Nam-định).

2. — Ông Phạm Ngọc-Thư, làm thợ, Groupement Tonkinois Hauts Fourneaux, Nouméa, Nouvelle Calédonie (Quán làng Mạc-xá, tổng Mạc-xá, huyện Tứ-kỳ, Hải-dương).

∴

Giấy xin ra Hội. — Hội nhận được giấy ba ông sau này xin ra Hội :

1. — Ông Vũ Văn-Khang, chủ-trì hội-viên, ancien employé à la Banque industrielle de Chine à Yunnanfou.

2. — Ông Nguyễn Ứng, chủ-trì hội-viên, Commis des Travaux Publics de l'Indochine, Hanoi.

3. — Ông Trần Văn-Thư, chủ-trì hội-viên, chủ nhà buôn đồ gỗ, 19 phố hàng Quạt, Hanoi. (*3 ông này kể từ 1er Décembre 1924 không có chân hội-viên Hội Khai-Trí nữa*).

∴

Hội-viên tạ-thế. — Trong tháng mới rồi có hai ông hội viên tạ-thế :

1. — Ông Nguyễn Ngọc-Xuân, chủ-trì

hội-viên, chủ chà in *Văn-minh*, Hải-phòng — Hà-nội.

2. — Ông Nguyễn Văn-Thu, tức Đặng Đình-Thu, thường hội-viên, In erprè e de l'Intendance, chủ hiệu Đồng-hợp, Hà-giang.

.·.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 86 (Août 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai đi-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Décembre 1924 :

Vào chân chủ-trì :

Ông Đào Đình-Quí, — Đinh Công-Nhiếp, — Lê Sĩ-Tố, — Lê Văn-Liên, — Nguyễn Đình-Chấn, — Nguyễn Đức-Ba, — Phạm Hữu-Ích, — Vũ Văn-Tảo.

Vào chân thường hội-viên :

Nguyễn Văn-Vượng.

Biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị ngày chủ-nhật 30 Novembre 1924. — Ngày chủ-nhật 30 Novembre 1924, hồi 5 giờ ½ chiều, Hội-đồng quản-trị Hội Khai-Trí họp tại nhà hội-quán ở phố Hàng Trống, ông Hoàng Trọng-Phu làm chủ tọa.

Có mặt những ông sau này :

Hoàng Trọng-Phu	Trần Trọng-Kim
Louis Marty	Đỗ Thận
Trần Văn-Thông	Lê Văn-Đính
Bạch Thái-Bưởi	Đào Văn-Sử
Nguyễn Năng-Quốc	Nguyễn Quí-Toản
Phạm Quỳnh	Nguyễn Bá-Tiệp
Lê Trung-Ngọc	Từ Đạm
Lê Văn-Phúc	Nguyễn Văn-Luận
Nguyễn Thành	Phạm Huy-Lục
Lê Thành-Ý	Bùi Đình-Tá
Nguyễn Văn-Vĩnh	Dương Bá-Trạc

Có giấy cáo : Ông Bary, Chế Quang-Ân, Nguyễn Hữu-Thu, Bùi Huy-Tín.

Ông Hội-trưởng khai hội-đồng nói rằng gần đây thấy mệt-nhọc trong người, cần phải nghỉ-ngơi không thể hết sức trông nom việc Hội được, vậy xin với hội-đồng cho từ-chức Hội trưởng.

Cả hội-đồng đều đồng lòng nhất-quyết không để cho ông hội-trưởng từ-chức, cố nài để lưu lại, nói rằng trong mấy năm ông quản-trị việc Hội đã đắc-thể lắm, không vì sự mệt-nhọc nhất-thời mà phải đến bỏ cái chức trọng của đồng-nhân đã có lòng kính mến ủy-thác. Ông hội-trưởng thấy anh em trong hội-đồng đều có lòng yêu quí như thế lấy làm cảm động lắm, thuận lại cứ giữ chức hội-trưởng như cũ. Song nói rằng cần phải nghỉ-ngơi ít lâu để tĩnh-dưỡng, xin hội-đồng cho phép ủy quyền cho một ông phó-hội-trưởng.

Bốn ông phó-hội-trưởng đều ở các tỉnh cả, không thể thay quyền ông hội-trưởng để trông nom việc Hội được ; ông phó-hội-trưởng Nguyễn Năng-Quốc lấy sự lễ-nhượng xin từ-chức để hội-đồng bầu một ông phó khác ở Hà-nội thay vào. Hội-đồng ngợi-khen cái lòng khiêm-tốn của ông Nguyễn, nhận ông từ-chức, bầu ông Louis Marty thay vào chân phó-hội-trưởng ấy và nhân thể cử ông quyền chức hội-trưởng trong khi ông Hoàng Trọng Phu nghỉ. Hội-đồng công-nhận ông Marty có tư-cách quản-trị việc Hội thay ông Hội-trưởng và thay mặt Hội đối với Chính-phủ.

Ông Marty bàu với Hội-đồng tặng ông Nguyễn Năng-Quốc chức danh-dự-hội-trưởng, hội-đồng đều vỗ tay thuận cả.

Đến đấy ông Hoàng Trọng-Phu mệt xin lui về, để ông Marty làm chủ-tọa hội-đồng.

Hội-đồng bàn đến việc thứ nhì trong chương trình là việc chỉnh-đốn lại nhà Xéc.

Ông Lê Trung-Ngọc là chánh hội-đồng nhà Xéc trình cho Hội-đồng quản-trị biết rằng hội đồng nhà Xéc trước có tạm nhận một người quản-lý là ông Ngô Quốc-Lâm, nhưng ông này mới thôi không làm nữa, hội-đồng đã hỏi ý-kiến các hội-viên thời phần nhiều bàn nên để hội-đồng quản-lý nhà Xéc lấy, nếu chỉ dọn đồ uống thôi thì xin quĩ chính cấp cho mỗi tháng là 50$, nếu có dọn bữa ăn nữa thì xin quĩ chính cấp cho mỗi tháng 100 đồng.

Ông Marty bàn rằng trước khi xét đến vấn-đề ấy thì xin hội-đồng hãy lập lại một ủy-hội coi việc nhà Xéc cho đúng thể lệ (điều thứ 30), nghĩa là phải có 10 ủy-viên và một ông phó hội-trưởng đứng đầu.

Ông Lê Trung-Ngọc không có chân phó hội-trưởng, xin từ-chức về việc nhà Xéc.

Hội-đồng cử một ủy-hội mới để coi việc nhà Xéc như sau này:

Ông Nguyễn Thành	Lê Văn-Bái
Trần Thọ-Huy	Trịnh Xuân-Nghĩa
Vũ Tòng	Trần Đức-Tiến
Nguyễn Văn-Vĩnh	Nguyễn Đình Phẩm
Đỗ Thận	Nguyễn Xuân-Lan

Ông Bạch Thái-Bưởi là phó-hội-trưởng được cử làm chánh ủy-hội coi việc nhà Xéc. Vì ông không thường ở Hà-nội, Hội-đồng cử ông Nguyễn Thành làm phó để giúp việc ông. Lại cử ông Trần Thọ-Huy làm thư-ký và Vũ Tòng làm thủ-quĩ.

Hội-đồng giao cho ủy-hội nhà Xéc bàn xét các thức chỉnh-đốn thế nào trình cho hội-đồng biết.

Song hội-đồng có quyết-nghị ba điều đại-cương như sau này:

1° Phàm tán-trợ và chủ-trì hội-viên có việc vui-mừng yến-tiệc gì mượn đến nhà Xéc thì ủy-hội có quyền cho mượn được, duy người mượn phải trả tiền thuê theo giá ủy-hội tự-định lấy;

2° Người ngoài Hội thì phải có hội-đồng quản-trị cho phép mới được mượn

3° Những cuộc cờ bài Nhà nước cho phép cùng những cách tiêu-khiển hợp với lễ phép phong-tục, có thể bày ra chơi trong nhà Xéc được.

Hội-đồng bàn hết việc, 7 giờ tan.

Thay quyền Chánh Hội trưởng

Tổng Thư-ký	*Phó Hội-trưởng*
PHẠM QUỲNH	LOUIS MARTY

Mới xuất-bản

NÓI VỀ CỔ-HỌC HÁN-VIỆT

(*Les Etudes classique sino-annamites*)

Bài khai-giảng khoa « Hán-Việt văn-chương » ở trường Cao-đẳng Đông-Pháp của ông PHẠM QUỲNH, in riêng ra thành sách, có mấy trăm quyển, vừa pháp-văn, vừa quốc-văn. Sách dày 85 trang, in bằng giấy Nhật-bản tinh-tế lắm. Định giá sáu hào (0 $ 60). Ngài nào muốn mua xin hỏi tại Đông-kinh-ấn-quán.

Cuộc thi vẽ kiểu nhà của hội Khai-trí tiến-đức

1.) Làm nhà ở – Một người mua được một miếng đất 2000 thước vuông tây ở Hanoi để làm nhà ở, nhà đó làm theo lối ta nhưng lại muốn tham bác cách-thức tây. Cần nhất là theo lối kiến-trúc Bắc-kỳ, nếu bản vẽ nào không hợp lệ thì bỏ đi.

Mặt chính miếng đất dài 40 thước trông ra phố, còn ba mặt giáp các nhà lân-cận. Trong phải để cây cối cũ lại thế nào cho được dễ coi.

Trong nhà thì chia ra như sau này :

1· Một cái buồng cho chủ-nhân và gia-quyến, ở dưới hay ở gác cũng được. Nhưng phải có một phòng để bàn thờ và làm chỗ tiếp khách, một phòng ăn có thể chứa được 12 người, một phòng làm việc, ba phòng ngủ có chỗ tắm rửa, một phòng thay quần áo, một hay hai nhà xí, một buồng cho trẻ chơi.

2· Một gian bếp có chỗ rửa, chỗ để đồ ăn và để củi.

3· Nhà cho ba người đầy-tớ và vợ con đầy-tớ. Một cái sân có máy nước, có chuồng gà và nhà xí cho đầy-tớ.

4· Chỗ để một cái ô-tô và hai cái xe tay.

Cách xếp-đặt tùy người thì, nhưng nhà phải có hai cửa vào cho chủ và đầy-tớ, và nếu các buồng có lối thông nhau thì tiện hơn.

Kiểu vẽ theo cách thức sau này :

Ở ngoài mỗi thước thì vẽ vào giấy 0m01

1· Một bản kiểu nhà dưới.

2· Một bản kiểu nhà gác, nếu có thì vẽ, không thì thôi.

3· Một bản toàn-đồ.

4· Một bản vẽ cắt dọc nhà để dễ xem các nơi khéo xếp-đặt ; nhà chính cứ ở ngoài một thước tây vẽ 0m02. Một bản vẽ toàn-đồ nhà trông mặt trước.

2·) Làm cửa hàng – Làm hai kiểu cửa hàng ta theo lối kiến-trúc Bắc-kỳ và nhất là lối kiến-trúc và cách vệ-sinh ở Hanoi. Các nhà đó mặt cửa rộng 6 và 8 thước, sâu 25 thước, mặt sau trông ra đường nhỏ, hai bên giáp nhà lân-cận.

Trong nhà làm :

Một cửa hàng.

Một chỗ để hàng.

Một buồng ăn có bếp và các gian phụ-thuộc.

Một cái sân chung quanh có nhà nhỏ.

Một nhà xí.

Trên gác có buồng cho chủ nhà và gia-quyến.

Nếu người ứng-thi cho chủ nhà là một nhà công nghệ khéo, thì vẽ thêm một xưởng riêng và mấy gian phụ thuộc cũng được.

Vẽ theo cách-thức sau này :

1o Một bản kiểu nhà dưới ; 2o Một bản kiểu nhà trên gác ; 3o Một bản cắt dọc nhà (*coupe*). Ở ngoài một thước thì trong bản vẽ một phân. Mặt chính cứ mỗi thước vẽ có hai phân, lại phải vẽ toàn-đồ theo mặt trước nữa.

Những bản được thưởng Hội sẽ nhận làm của Hội và in vào quyển sách riêng của Hội được. Nhưng nếu ai muốn làm theo kiểu ấy thì phải trả tiền theo lệ cho người vẽ.

Phần thưởng định như sau này :

Kiểu nhà ở

Giải nhất	100 đồng
Giải nhì	60 đồng
Giải ba	30 đồng

Kiểu hàng

1o Kiểu mặt 8 thước	2o Kiểu mặt 6 thước
Giải nhất 100 đồng	Giải nhất 80 đồng
— nhì 60 —	— nhì 50 đồng
— ba 30 —	— ba 25 đồng

Hội lại còn định thưởng tất cả 115 đồng cho những người vẽ khéo, nhưng không được giải vì theo thứ-tự ở dưới người thứ ba. Các kiểu vẽ thì cứ gửi đến nhà hội Khai-trí phố hàng Trống (Jules Ferry) Hanoi. Hạn đến ngày 3 Février 1925 là cùng.